

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Sao gọi là *Du-già-sư địa*? Đó là 17 địa. Những gì là mười bảy? Ót-Đà-Nam nói:

*Năm thức tương ưng, Ý,
Ba địa gồm Hữu tâm tứ...
Tam-ma-địa và Phi
Hữu tâm, Vô tâm địa,
Vãn, Tư, Tu sở thành,
Như thế đủ ba thừa
Hữu y và Vô y,
Đây gọi mười bảy địa.*

1. Năm thức thân tương ưng địa.
2. Ý địa.
3. Có tâm có tứ địa.
4. Không tâm chỉ có tứ địa.
5. Không tâm không tứ địa.
6. Tam-ma-hí-đa địa.
7. Phi tam-ma-hí-đa địa.

8. Hữu tâm địa.
9. Vô tâm địa.
10. Văn sở thành địa.
11. Tư sở thành địa.
12. Tu sở thành địa.
13. Thanh văn địa.
14. Độc giác địa.
15. Bồ-tát địa.
16. Hữu dư y địa.
17. Vô dư y địa.

Như vậy lược thuyết có mười bảy địa, gọi là Du-già-sư địa.

- I. Phần bản địa.
- II. Phần nhiếp quyết trạch.
- III. Phần nhiếp thích.
- IV. Phần nhiếp dị môn.
- V. Phần nhiếp sự.

I. PHẦN BẢN ĐỊA

Quyển 1

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

A. PHẦN TRONG SANH TỬ:

Sao gọi là *Năm thức thân tương ứng địa*? Đó là: tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp của năm thức thân, như vậy gọi là Năm thức thân tương ứng địa. Những gì gọi là 5 thức thân? 1. Nhãn thức; 2. Nhĩ thức; 3. Tỷ thức; 4. Thiệt thức; 5. Thân thức.

1. Nhãn thức:

a. *Tự tánh*: đó là nương nơi mắt nhận rõ sắc.

b. *Sở y*: câu hữu y là mắt. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là A-lại-da thức, chỗ thu nhiếp dị thực, chỗ nương lãnh thọ và giữ gìn tất cả chủng tử đây. Như vậy lược có 2 loại sở y: sắc và chẳng phải sắc. Mắt là sắc, còn lại là chẳng phải sắc. Mắt là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương dựa của nhãn thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý là

thức quá khứ không gián đoạn của nhãn thức. Tất cả chủng tử thức là từ thời vô thủy đến nay vui đắm hý luận huân tập làm nhân mà sanh ra tất cả chủng tử thức dị thực.

c. *Sở duyên*: là sắc, có thể thấy, có đối ngại. Đây có rất nhiều chủng, nhưng nói lược có ba: đó là hiển sắc, hình sắc và biểu sắc.

Hiển sắc: như sắc xanh, vàng, đỏ trắng... bóng, sáng, tối, mây, khói, bụi, mù và hiển một sắc không. Hình sắc: như các sắc ngắn dài vuông tròn, thô tế, thẳng không thẳng, cao thấp. Biểu sắc: tất cả sắc thuộc loại biểu hiện như cầm nắm, vất bỏ, co duỗi, đi đứng ngồi nằm...

Lại hiển sắc: hoặc sắc hiển rõ, sở hành của nhãn thức. Hình sắc: hoặc sắc tích tập, tướng phân biệt dài ngắn... Biểu sắc: tức sắc tích tập sanh diệt tương tục ở đây, do nhân biến đổi mà không sanh trở lại chỗ sanh trước, lại chuyển sanh ở nơi khác, hoặc không gián đoạn, hoặc có gián đoạn, hoặc gần, hoặc xa khác nhau. Hoặc ở tại chỗ đây biến đổi mà sanh.

Lại hiển sắc: như ánh sáng... sai khác. Hình sắc: như dài, ngắn... tích tập sai khác. Biểu sắc: tức

là do tác dụng của nghiệp làm chỗ nương nên động chuyển sai khác.

Như vậy tất cả hiển sắc, hình sắc và biểu sắc là sở hành của mắt, cảnh giới của mắt; là sở hành nhãn thức, cảnh giới nhãn thức, sở duyên nhãn thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức. Đây là tên gọi sai khác.

Lại tức sắc đây có 3 chủng: hoặc hiển sắc đẹp, hoặc hiển sắc xấu, hoặc hiển hiện sắc khác nhau, sắc giống nhau.

d. Trợ bạn: là các pháp sở hữu của tâm câu hữu tương ứng với nhãn thức, đó là tác ý, xúc, tưởng, tư.. Lại các pháp kia đồng một sở duyên, chẳng cùng một hành tướng, mỗi pháp câu hữu tương ứng với nhãn thức mà chuyển. Lại tất cả các pháp kia đều từ tự chủng tử của mình mà sanh.

e. Tác nghiệp: nên biết có 6 chủng, bao gồm: chỉ phân biệt rõ cảnh sở duyên của mình, gọi là nghiệp ban đầu; chỉ phân biệt rõ tự tướng; chỉ phân biệt rõ hiện tại; chỉ phân biệt rõ một sát-na. Lại chuyển theo ý thức, chuyển theo thiện ác, chuyển theo nghiệp phát khởi. Lại chấp lấy quả đáng yêu thích, không đáng yêu thích, là nghiệp thứ sáu.

2. Nhĩ thức:

a. *Tự tánh*: đó là nương nơi tai phân biệt rõ âm thanh.

b. *Sở y*: câu hữu y là tai. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Tai là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của nhĩ thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

c. *Sở duyên*: đó là âm thanh, không thể thấy, có đối ngại. Đây lại có nhiều chủng âm thanh, như: tiếng loa ốc, tiếng trống lớn nhỏ, tiếng ca múa, tiếng âm nhạc, tiếng hát hò, tiếng cười đùa, tiếng kêu la, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng gió rừng cây... tiếng rõ ràng, tiếng không rõ ràng, tiếng có nghĩa, tiếng vô nghĩa, tiếng lớn nhỏ vừa, tiếng sông suối... tiếng đấu tranh ồn tạp, tiếng thọ trì diễn thuyết, tiếng luận nghĩa quyết trạch.

Hết thấy các loại âm thanh như vậy có rất nhiều, nhưng tóm lược thành 3 chủng: 1. Âm thanh do đại chủng lãnh thọ giữ gìn; 2. Âm thanh do đại chủng không lãnh thọ giữ gìn; 3. Âm thanh do đại chủng lãnh thọ giữ gìn, không lãnh thọ giữ gìn.

- Âm thanh thứ nhất duyên bên trong.

- Âm thanh thứ hai duyên bên ngoài.

- Âm thanh thứ ba duyên cả trong ngoài. Đây lại có 3 chủng: âm thanh tốt, âm thanh xấu, âm thanh đối nhau.

Lại âm thanh là biểu hiện sự phát ra như hét, nói, rống. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả âm thanh là sở hành của tai, cảnh giới của tai; là sở hành nhĩ thức, cảnh giới nhĩ thức, sở duyên nhĩ thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp: nên biết như nhãn thức.

3. Tỷ thức:

a. Tự tánh: đó là nương nơi mũi ngửi nhận biết hương.

b. Sở y: câu hữu y là mũi. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Mũi là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương tựa của tỷ thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Sở duyên: là hương, không thể thấy, có đối ngại. Hương lại có nhiều chủng: hương thơm, hương thối, hương vừa. Mũi nhận biết rõ hương của gốc,

mâm, hoa, lá, quả. Hết thảy hương đây có nhiều loại.

Lại hương là chỗ nghe được của mũi, chỗ nhận biết của mũi và chỗ ngửi được của mũi. Đây là tên gọi sai khác.

Như vậy tất cả hương là sở hành của mũi, cảnh giới của mũi; là sở hành tỷ thức, cảnh giới tỷ thức, sở duyên tỷ thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp: nên biết như trước.

4. Thiệt thức:

a. Tự tánh: đó là nương nơi lưỡi nếm biết vị.

b. Sở y: câu hữu y là lưỡi. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Lưỡi là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của thiệt thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Sở duyên: là vị, không thể thấy, có đối ngại. Đây lại có nhiều chủng như chua, cay, đắng, ngọt, mặn, lạt, vừa ý, không vừa ý. Lại vị, chỗ gọi là nếm, nuốt, ăn, uống, mút, thọ dụng. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả vị là sở hành của lưỡi, cảnh giới của lưỡi; là sở hành thiệt thức, cảnh giới

thiệt thức, sở duyên thiệt thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp: nên biết như trước.

5. Thân thức:

a. Tự tánh: đó là nương nơi thân cảm giác rõ các xúc chạm.

b. Sở y: câu hữu y là thân. Đẳng vô gián y là ý. Chung tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Thân là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của thân thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

c. Sở duyên: là xúc chạm, không thể thấy, có đối ngại. Hết thấy loại xúc chạm có rất nhiều như đất, nước, gió, lửa, nhẹ, nặng, trơn, rít, lạnh, đói, khát, no, sức yếu, thông thả, vội gập, bệnh, già, chết, ngứa, buồn, mệt mỏi, dính vào, nghỉ ngơi, mềm mỏng, hăng hái, khiếp sợ... Đây chia làm 3 chủng: xúc ưa, xúc chẳng ưa và xả nơi xúc, thân xúc.

Lại xúc là chỗ xoa xát, chỗ xúc chạm nhau, hoặc cứng, hoặc mềm, hoặc động, hoặc ám. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả xúc là sở hành của thân, cảnh giới của thân; là sở hành thân thức,

cảnh giới thân thức, sở duyên thân thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp: nên biết như trước.

Lại nữa, tuy mắt không bị hư hoại, sắc hiện ở trước, nếu không khởi tác ý đúng lúc, thì chỗ sanh nhãn thức tất chẳng sanh được. Nói chung mắt không bị hư hoại, sắc hiện ở trước, chánh khởi tác ý, thì chỗ sanh nhãn thức mới sanh được. Như chỗ sanh nhãn thức, thì chỗ sanh nhĩ thức cho đến chỗ sanh thân thức nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do nhãn thức sanh nên theo thứ lớp có 3 tâm sanh khởi, đó là: tâm thoát hiện, tâm tầm cầu và tâm quyết định. Tâm thứ nhất ở nhãn thức. Tâm thứ hai ở ý thức. Tâm thứ ba mới có nhiệm có tịnh. Từ đây về sau mới có tất cả dòng chảy của nhãn thức thiện, bất thiện chuyển. Nhưng nhãn thức kia chẳng do tự lực mình phân biệt, cho đến ý đây chẳng thú hưởng cảnh khác. Trải qua thời gian ấy hai thức là nhãn thức và ý thức hoặc thiện hoặc nhiễm tương tục mà chuyển. Như nhãn thức sanh, thì nhĩ thức cho đến thân thức sanh nên biết cũng vậy.

Lại nữa, nên quán sở y của năm thức ví như

phương tiện đưa người sang phương khác, sở duyên như việc làm, trợ bạn như bạn lữ, nghiệp như năng lực của mình. Hoặc nhìn một cách khác, tức là quán sở y của năm thức như nhà người ở, sở duyên như vật thọ dụng, trợ bạn như người giúp việc, nghiệp như tác dụng.

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 1

Đã thuyết Năm thức thân tương ưng địa. Sao gọi là Ý địa? Ý địa đây nên biết cũng có 5 tướng, bao gồm tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp.

1. Tự tánh: đó là tâm, ý, thức.

Tâm mà tánh của nó làm chỗ cho tất cả chủng tử nương theo về, tánh nương dựa y chỉ, thể năng chấp thọ, chỗ thu nhiếp dị thực là A-lại-da thức.

Ý là ý hành liên tục của 6 thức thân diệt không gián đoạn.

Thức là rõ biết cảnh giới sở duyên hiện tiền.

2. Sở y: đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức như đã thuyết ở trước.

3. Sở duyên: là tất cả pháp. Như chỗ thích hợp, nếu chẳng cùng chung với sở duyên, tức là thọ, tưởng, hành, uẩn, vô vi, sắc không thấy không đối ngại, sáu nội xứ và tất cả chủng tử.

4. Trợ bạn: là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ; tín, tâm quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại; tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, nghi; phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại; không tầm, không quý; hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết; ác tác, thù miên, tầm, tứ. Hết thấy loại như vậy câu hữu tương ưng với pháp sở hữu của tâm, đây gọi là trợ bạn. Đồng một sở duyên mà chẳng đồng hành tướng, cùng lúc sanh khởi mà mỗi mỗi tự chuyển. Mọi pháp đều tự chủng tử của mình sanh ra, lại cùng tương ưng lẫn nhau, có hành tướng, có sở duyên, có sở y.

5. Tác nghiệp: năng rõ biết cảnh sở duyên của mình, đây gọi là nghiệp đầu tiên. Lại năng rõ biết tự tướng, cộng tướng. Lại năng rõ biết đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại rõ biết sát-na, hoặc rõ biết tương tục. Lại làm chuyển, tùy chuyển khiến phát khởi tất cả nghiệp tịnh bất tịnh. Lại năng thủ lấy quả đáng yêu thích, không đáng yêu thích. Lại năng dẫn thức thân khác. Lại năng làm nhân phát khởi tất cả dòng chảy của thức thân.

Lại ý thức so với các thức thân khác có tác nghiệp thù thắng hơn: **a.** Phân biệt sở duyên; **b.** Quán sát sâu sở duyên; **c.** Say; **d.** Cuồng; **e.** Mộng; **f.** Thức; **g.** Sầu; **h.** Tỉnh; **i.** Năng phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp; **j.** Năng ly dục; **k.** Thối thất ly dục; **l.** Đoạn thiện căn; **m.** Thiện căn tương tục; **n.** Chết; **o.** Sống..

a. Sao gọi là phân biệt sở duyên? Là 7 chủng phân biệt: phân biệt hữu tướng, phân biệt vô tướng, phân biệt nhậm vận, phân biệt tâm cầu, phân biệt quán xét, phân biệt nhiễm ô, phân biệt không nhiễm ô.

Phân biệt hữu tướng: là chỗ khởi phân biệt của người có căn đã thành thực, trước khéo léo

lãnh thọ nghĩa.

Phân biệt vô tương: là chỗ có phân biệt của người ở vị anh nhi... không khéo léo, trước chỉ tùy theo việc được dẫn dắt.

Phân biệt nhậm vận: là chỗ có phân biệt do ở nơi cảnh giới hiện tiền, bị cuốn theo thế lực cảnh nên nhậm vận chuyển.

Phân biệt tầm cầu: là chỗ khởi phân biệt do tìm cầu quán sát đối với các pháp.

Phân biệt quán xét: là chỗ khởi phân biệt do đối với điều mình đã tầm cầu, mình đã quán sát mà an lập quán xét.

Phân biệt nhiễm ô: là chỗ có phân biệt do đồng hành với luyến tiếc ở quá khứ, đồng hành với hy vọng được vui ở vị lai và đồng hành chấp đắm ở hiện tại. Hoặc phân biệt dục, hoặc phân biệt khuể, hoặc phân biệt hại, hoặc phân biệt tùy theo một trong số các phiền não tương ưng với tùy phiền não.

Phân biệt không nhiễm ô: là chỗ có phân biệt do ở nơi hoặc thiện, hoặc vô ký, đó là phân biệt xuất ly, phân biệt không khuể, phân biệt không hại. Hoặc chỗ có phân biệt do tương ưng với thiện pháp như tín, tầm quý... Hoặc chỗ có phân biệt do biểu

hiện oai nghi, các việc công xảo và các biến hóa.

Hết thấy loại như vậy gọi là phân biệt sở duyên.

b. Sao gọi là quán sát sâu sở duyên? Đó là: chỗ dẫn như lý; chỗ dẫn không như lý; chỗ dẫn chẳng phải như lý chẳng phải không như lý.

Chỗ dẫn như lý: không làm tăng những gì không như thật có, như bốn diên đảo: ở nơi vô thường, diên đảo cho là thường; ở nơi khổ, diên đảo cho là vui; ở nơi bất tịnh, diên đảo cho là tịnh; ở nơi vô ngã, diên đảo cho là ngã. Cũng không làm giảm những gì chân thật có, như các tà kiến: không thí cho... cùng hết thấy các hạnh tà kiến. Hoặc do trí pháp trụ nên như thật rõ biết các sự việc sở tri. Hoặc do trí thiện thanh tịnh xuất thế gian nên như thật giác biết các pháp sở tri. Như vậy gọi là chỗ dẫn như lý.

Chỗ dẫn không như lý: là tương trái với chỗ dẫn như lý.

Chỗ dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải không như lý: nương tuệ vô ký quán sát sâu các pháp.

Như vậy gọi là quán sát sâu sở duyên.

c. Sao gọi là say? Do tánh suy yếu, hoặc do chẳng quen uống, hoặc do uống quá nhiều, hoặc do

uống quá lượng... nên dẫn đến say loạn.

d. Sao gọi là cuồng? Do nghiệp trước dẫn dắt, hoặc do các căn rối loạn, hoặc do kinh sợ mất chí hướng, hoặc do đánh đập va chạm, hoặc do quỷ mị nương bám... mà phát điên cuồng.

e. Sao gọi là mộng? Do tánh yếu ớt, hoặc do quá mệt mỏi, hoặc do thức ăn nặng nề, hoặc do tác ý tư duy tướng không lành, hoặc do thôi không làm tất cả các sự nghiệp, hoặc do thường xuyên tập quen thói ngủ nghỉ, hoặc do những nguyên nhân khác tác động như quạt mát, minh chú, thuốc uống, uy thần... mà sanh ra mộng mị.

f. Sao gọi là thức dậy? Do sự buồn ngủ tăng mà không thắng được sự mệt mỏi, do công việc nên ngủ có giờ giấc, hoặc do các nguyên nhân khác, nên từ mộng mà thức dậy.

g. Sao gọi là sâu muộn? Do gió nóng rối loạn, hoặc do đánh đập, hoặc do bệnh tả quá mức chuyển lý và ra máu, hoặc do lao động quá vất vả... dẫn đến buồn bã tuyệt vọng.

h. Sao gọi là tỉnh? Tức là đã ra khỏi sâu muộn.

i. Sao gọi là phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp? Do trí hành làm tiên dẫn nên phát khởi thân

nghiệp và ngũ nghiệp. Kế đến sanh mong muốn, kế đến khởi dụng công. Rồi thuận theo dụng công làm tiền dẫn, gió thân nghiệp ngũ nghiệp chuyển, từ đây mới phát khởi thân nghiệp ngũ nghiệp.

j. Sao gọi là ly dục? Tức là căn thuận theo ly dục thành thực. Vì thuận theo sự răn dạy, giáo huấn; vì xa lìa các chướng của ly dục; vì chánh tu phương tiện tư duy không điên đảo, mới có thể ly dục.

k. Sao gọi là thối thất ly dục? Tức là người căn tánh yếu mềm, mới tu tập phẩm thiện. Do đây luôn luôn tư duy hình trạng đáng mạo của kia, thọ hành thuận theo pháp thối, phiền não chướng che; lại bị bạn ác lôi kéo nên từ ly dục mà thối thất.

l. Sao gọi là đoạn thiện căn? Tức là người huân tập căn thành thực các ác phẩm thượng, ý vui hiện hành pháp ấy. Do kia chơi theo các bạn ác, bị tà kiến trói buộc cực nặng đến tột cùng. Kia hành các việc ác cho đến không còn sự sợ hãi, không còn lòng ai mãi, năng đoạn thiện căn. Trong đây chúng tử cũng được gọi là thiện căn, không tham sân... cũng được gọi là thiện căn. Chỉ do sự hiện hành thiện căn không tương tục mà gọi là đoạn thiện căn, không do vĩnh viễn nhổ sạch chúng

tử thiện căn kia vậy.

m. Sao gọi là thiện căn tương tục? Như có người do tánh lợi căn, gặp gỡ gần gũi bạn lành tu nghiệp phước, thường đi đến những bậc Thiện tượng phu để lắng nghe chánh pháp. Các nguyên nhân khiến sanh do dự đều đi đến các bậc ấy để xác chứng. Do đây thiện căn lại được tiếp nối.

n. Sao gọi là chết? Do thọ lượng tận hết nên dẫn đến chết. Đây lại có 3 chủng: tuổi thọ tận hết, phước tận hết, không tránh được những việc không quân bình. Nên biết cũng là chết đúng thời, chết phi thời. Hoặc do tâm thiện, hoặc do tâm bất thiện, hoặc do tâm vô ký mà chết.

Sao gọi là tuổi thọ tận hết? Như có người đã mãn thọ lượng nên chết. Đây gọi là đúng thời chết.

Sao gọi là phước tận hết? Như có người vật dụng hư thiếu nên dẫn đến chết.

Sao gọi là không tránh khỏi các việc không quân bình? Như Thế Tôn thuyết thì có 9 nhân và 9 duyên chưa hết thọ lượng mà chết. Những gì là chín? Đó là ăn không độ lượng, ăn thức ăn không nên ăn, ăn chẳng tiêu lại ăn tiếp, ăn đồ sống mà chẳng nôn ra, ăn thức ăn chín mà không tiêu,

không gần thầy thuốc, không biết đối với mình hoặc tổn hại hoặc lợi ích, hành phi phạm hạnh không đúng thời, hành phi phạm hạnh không biết lượng. Đây gọi là chết phi thời.

Sao gọi là tâm thiện mà chết? Như có người khi sắp mạng chung, hoặc tự nhớ các thiện pháp đã tập học từ trước, hoặc do người nhắc khiến nhớ, do nhân duyên đây bấy giờ tâm kia hiện hành các thiện pháp như tín, tâm quý... Tiếp đó là hết thấy tướng thô hiện hành, cho đến lúc tướng tế hiện hành, tức thời xả tâm thiện, chỉ trụ tâm vô ký. Vì sao? Kia lúc bấy giờ đối với thiện pháp từng tu tập cũng chẳng thể nhớ và người khác cũng chẳng thể khiến kia nhớ nghĩ.

Sao gọi là tâm bất thiện mà chết? Như có người sắp mạng chung, hoặc tự nhớ pháp ác trước đã thường xuyên tập quen, hoặc lại do người khác làm cho nhớ nghĩ, kia lúc bấy giờ tham sân... cùng các pháp bất thiện hiện hành nơi tâm. Cho đến hết thấy tướng thô tế hiện hành, tức xả tâm bất thiện, chỉ trụ tâm vô ký. Vì sao? Kia lúc bấy giờ đối với hiểu biết bất thiện đã tập quen cũng chẳng thể nhớ và người khác cũng chẳng thể khiến kia nhớ nghĩ lại.

Lại khi người tâm thiện sắp mạng chung, nơi thân không chịu khổ bức bách, an vui mà chết. Khi người tâm ác sắp mạng chung, khổ cực nặng bức bách nơi thân, khổ não mà chết. Lại người tâm thiện chết, thấy sắc tướng không hỗn loạn. Người tâm bất thiện chết, thấy sắc tướng hỗn loạn.

Sao gọi là tâm vô ký mà chết? Tức là người hành thiện, bất thiện, hoặc người không hành thiện, bất thiện, khi sắp mạng chung tự không thể nhớ, không người khác làm cho nhớ. Bấy giờ người ấy chẳng phải tâm thiện, chẳng phải tâm không thiện mà chết, tức chẳng phải an vui mà chết, cũng chẳng phải khổ não mà chết.

Lại bổ-đặc-già-la lúc còn sanh tiền hành thiện và bất thiện, lúc sắp mạng chung, hoặc tự nhớ lại thói quen làm thiện cùng bất thiện trước, hoặc người khác làm cho nhớ lại. Người kia lúc bấy giờ, các thói quen thường làm khi còn sống có lực mạnh hơn thì tâm sẽ nhớ nghĩ rõ ràng hơn, các thói quen còn lại thấy đều quên. Nếu tất cả thói quen làm thiện và bất thiện đều ngang nhau, lúc ấy tùy theo tâm niệm đầu tiên mà mình tự nhớ, chỉ nhớ như vậy không xả, không khởi tâm khác. Kia bấy

giờ do hai lực tăng thượng của hai loại nhân mà mạng chung, tức là lực tăng thượng của nhân vui đắm hý luận và lực tăng thượng của nhân nghiệp tịnh, bất tịnh. Thọ hết quả do nghiệp trước đã dẫn rồi, nếu kẻ hành nghiệp bất thiện, lúc bấy giờ trước sẽ thọ các nghiệp bất thiện đã làm, nên tướng hiện trước mặt là quả không ưa thích, giống như trong mộng thấy vô lượng loại sắc tướng kinh quái biến hóa. Căn cứ nơi tướng đây mà Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Nếu có kẻ trước kia đã làm nghiệp ác bất thiện và tăng trưởng rồi, kia bấy giờ giống như mặt trời khuất bóng, hoặc bóng núi chập chùng... che treo lủng lẳng, che khắp, che không cùng tận”. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy là từ sáng hướng vào trong tối.

Nếu bổ-đặc-già-la trước thọ hết quả nghiệp bất thiện, kể đến đã tu thiện thì trái với tướng trên. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy, từ trong tối đi ra sáng. Trong đây có sự sai khác, tức là người tu thiện nghiệp kia khi sắp mạng chung, giống như trong mộng thấy vô lượng sắc tướng khiến sanh vui vẻ, không kinh quái biến hóa.

Nếu người tạo nghiệp bất thiện phẩm thượng,

khi thấy tướng kinh quái biến hóa khác thường sanh khởi thì tóc lông dựng đứng, chảy mồ hôi, tay chân bấn loạn, mắt liền bị hoa đốm, đứng tròng, nhai nước bọt. Kể kia lúc bấy giờ thấy hết thấy tướng kinh quái biến hóa như vậy.

Nếu người tạo nghiệp bất thiện phẩm trung, kia bấy giờ hoặc có thấy, hoặc không thấy tướng kinh quái biến hóa. Giả sử người kia có thấy cũng chẳng thường, chẳng nhiều.

Lại các chúng sanh khi sắp mạng chung, cho đến chưa đến giai đoạn tướng hôn muội, ngã ái do trường thời tập quen hiện hành. Do lực đây nên ngã đang không, bỗng liền yêu quý tự thân mình. Nương đây kiến lập báo sanh trung hữu. Nếu ở quả Dự lưu và quả Nhất lai, lúc đó ngã ái cũng lại hiện hành. Tuy có ngã ái, mà do lực trí huệ lớp lớp điều phục nên không bị đắm trước, giống như bậc trượng phu dễ dàng đánh thắng kẻ gầy yếu, nên biết đạo lý đây cũng vậy. Nếu ở quả Bất hoàn, lúc đó ngã ái không hiện hành trở lại. Lại nếu rõ được chi tiết, thì chỉ trừ địa ngục và trời, tất cả các cõi sanh còn lại đều có ngã ái. Đây lại có hai loại: một là nặng, hai là nhẹ. Nặng là người làm nghiệp ác. Nhẹ là người

làm nghiệp thiện. Bắc cầu-lô châu tất cả đều nhẹ.

Lại nếu ở Sắc giới chết đi, đều đủ các căn. Nếu ở Dục giới chết đi, thì theo đó sở hữu các căn hoặc đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ.

Lại người thanh tịnh giải thoát mà chết, gọi là điều thiện chết. Người không thanh tịnh không giải thoát mà chết, gọi là không điều thiện chết.

Lại người khi sắp chết mà làm nghiệp ác, thức đang ở nơi nương tựa dần xả từ phần trên, tức từ phần trên cảm giác lạnh theo thức mà khởi, như vậy dần dần xả cho đến tim. Người làm thiện nghiệp, thức đang ở nơi nương tựa dần xả từ phần dưới, tức từ phần dưới cảm giác lạnh theo thức mà khởi, như vậy dần dần xả cho đến tim. Nên biết thức sau cùng chỉ từ tim xả, từ đây cảm giác lạnh lan khắp thân.

o. *Sao gọi là sống?* Do ngã ái đã sanh không gián đoạn, do nhân say đắm hý luận đã huân tập từ vô thủy và do nhân nghiệp tịnh bất tịnh đã huân tập, làm thể cho kia nương. Lại do lực tăng thượng của hai chủng nhân nên từ tự chủng tử, tức là ở chỗ đây, trung hữu dị thực được sanh không gián đoạn. Đạo lý chết, sống diễn ra cùng lúc. Thân

trung hữu đây đều đầy đủ các căn. Kẻ tạo ác nghiệp chỗ được thân trung hữu như ánh sáng sắc đen của con dê, hoặc trời đêm âm u. Người tu thiện nghiệp chỗ được thân trung hữu, như ánh sáng của áo trắng, hoặc trời đêm trong sáng.

Lại thân trung hữu đây, có sở hành thiên nhân cực thanh tịnh. Thân trung hữu bảy giờ, ngã ái trước kia lại chẳng hiện hành, vì thức đã trụ vậy. Nhưng đối với cảnh giới, khởi hý luận ái. Tùy theo chỗ sẽ sanh, thì thân trung hữu sẽ giống như những hình dạng cảnh giới đó mà sanh.

Lại mắt trung hữu giống như thiên nhân, không bị chướng ngại, chỉ thấy được chỗ sắp sanh đến, nên hướng đến thì không bị ngăn ngại, như được thần thông. Lại do mắt đây, nên thấy hữu tình trung hữu đồng loại và thấy chỗ sanh xứ của thân mình. Lại kẻ tạo ác nghiệp, mắt thấy bất tịnh, giấu mặt mà đi. Nếu sanh về cõi trời thì đi lên. Nếu sanh vào cõi người thì đi ngang.

Lại thân trung hữu đây, nếu chưa có được duyên sanh thì nhiều nhất trụ trong bảy ngày. Nếu có được duyên sanh thì không quyết định. Nếu đến giới hạn ngày thứ bảy mà chưa được duyên sanh, tức

sẽ thọ cảm giác chết đi sống lại, cũng trụ nhiều nhất là bảy ngày. Như vậy triển chuyển mà cũng chưa được duyên sanh, thì trụ tối đa cho đến bốn mươi chín ngày. Từ đây về sau quyết định được duyên sanh.

Lại thân trung hữu đây chết bảy ngày rồi, hoặc liền sanh ở trong loài này, hoặc do nghiệp khác có thể chuyển mà chủng tử trung hữu chuyển, thì sẽ sanh ở trong loài khác.

Lại thân trung hữu đây có vô số tên gọi khác nhau. Hoặc gọi là trung hữu, do sanh ở khoảng trung gian giữa hai hữu là sanh và tử. Hoặc gọi là kiện-đạt-phước, vì tìm mùi hương mà đi, mùi hương là chỗ giúp đỡ nương nhờ. Hoặc gọi là ý hành, bởi lấy ý làm chỗ y nương nên đến được các sanh xứ vậy. Đây chỉ nói thân đến, chẳng phải tâm duyên mà đến. Hoặc gọi là sanh thú, bởi hướng đến sanh hữu mà khởi. Nên biết thân trung hữu có ở tất cả những sanh xứ khác, trừ ở cõi Vô sắc.

Lại kể tạo nghiệp ác, như giết dê, gà, heo... một loài nào đó, do sống ở trong chúng đồng phạm với bất luật nghi, nên tạo tác nghiệp bất thiện. Do nhân duyên đây cảm ở địa ngục và lại khiến nghiệp đây càng thêm tăng trưởng. Kia lúc bấy giờ giống

như trong mộng, từ nơi ác nghiệp kia mà được chỗ sanh, trở lại thấy các hữu tình như thế, cũng giết dê, gà, heo... Do việc làm đã tập quen trước kia nên lấy làm ưa thích, rong ruổi muốn đến chỗ đó, liền bị giữ lại trong cảnh giới ấy. Trung hữu liền diệt, sanh hữu nối nhau khởi. Kia khi sắp chết, như sự chết của trung hữu trước, thấy sắc rối loạn. Như vậy đạo lý sanh diệt nên biết như trước.

Lại lúc kia sanh chỉ là hóa sanh, nhưng sáu nội xứ đầy đủ. Lại khởi tâm đây mà rong ruổi đi đến nơi sắp sanh: “Ta cùng kia chơi đùa thọ vui, tập các kỹ năng tài nghệ”. Kia bấy giờ điên đảo, tạo tác chủng chủng sự nghiệp và có cảm xúc lạnh nóng. Nếu kia lìa vọng kiến, khởi nghĩ: “Tướng mạo như vậy còn không muốn hưởng đến, hà huống vãng sanh đến chỗ kia”. Nếu không hưởng đến chỗ đó, thì không muốn sanh qua.

Đối với sanh vào địa ngục như vậy, thì đối với sanh trong quỷ thú khác nên biết cũng vậy, như quỷ bước cổ...

Lại sanh trong quỷ, bàng sanh, người... và sanh trong chúng đồng phạm trời Dục giới hay Sắc giới, khi sắp thọ sanh thấy mình đồng loại với hữu tình

rất vừa ý ở xứ sẽ sanh. Do đây đối với xứ kia khởi vui muốn, liền bị câu thúc đến sanh xứ ấy. Đạo lý sống chết nên biết như trước.

Lại phải đủ 3 yếu tố mới được nhập thai mẹ:

1. Nơi mẹ điều hòa thuận thích mà lại đúng thời;
2. Cha mẹ hòa hợp đều khởi ái nhiễm;
3. Lúc đó kiện-đạt-phước (trung hữu) đang hiện tại tiên.

Lại cũng không có 3 loại chương ngại: 1. Quá hoạn do đường sanh dễ gây ra; 2. Quá hoạn do chủng tử gây ra; 3. Quá hoạn do túc nghiệp gây ra. Quá hoạn do đường sanh dễ gây ra: tức là đường sanh dễ bị gió nóng bức bách. Hoặc ở trong đường sanh dễ có dạng như hạt cây ma, hạt lúa mạch. Hoặc lại đường sanh dễ có dạng như xoắn ốc, hoặc bị cong, bị uốn khúc, hoặc có uế có trược. Hết thấy loại như vậy là quá hoạn do đường sanh dễ gây ra.

Quá hoạn do chủng tử gây ra: tức là cha xuất bất tịnh, mẹ không. Hoặc mẹ xuất mà cha không. Hoặc cha mẹ đều chẳng xuất. Hoặc tinh cha bị hư, hoặc mẹ bị hư, hoặc cha mẹ cùng hư. Hết thấy loại như vậy là quá hoạn do chủng tử gây ra.

Quá hoạn do túc nghiệp gây ra: tức là hoặc cha, hoặc mẹ không tạo tác, không tăng trưởng

nghiệp cảm có con. Hoặc cả hai lại đều không. Hoặc hữu tình kia không tạo tác, không tăng trưởng nghiệp cảm cha mẹ. Hoặc cha mẹ kia tạo tác và tăng trưởng nghiệp cảm con khác. Hoặc hữu tình kia tạo tác và tăng trưởng nghiệp cảm cha mẹ khác. Hoặc nghiệp cảm dòng họ danh giá, hoặc nghiệp cảm dòng họ thấp hèn. Hết thấy loại như vậy gọi là quá hoạn do túc nghiệp gây ra.

Nếu không có ba loại quá hoạn như vậy, lại thêm đầy đủ ba yếu tố trên, sẽ được nhập thai mẹ. Đó là kia đang ở thân trung hữu, tự thấy hữu tình đồng loại với mình hoan lạc vui đùa, khởi mong muốn hy cầu đến nơi sanh xứ ấy. Kia lúc bấy giờ thấy cha mẹ cùng hành tà hạnh, tinh huyết xuất ra, bèn khởi điên đảo chẳng cho là cha mẹ hành tà hạnh với nhau, mà khởi hiểu điên đảo thấy mình tự hành. Do thấy tự hành rồi liền khởi tham ái. Nếu trung hữu đang hành dục sẽ là nữ, thì đối với cha bèn khởi tham hội. Nếu trung hữu đang hành dục sẽ là nam, tức kia đối với mẹ khởi tham hội. Do đây tiến gần đến chỗ chật hẹp, nếu là nữ thì đối với mẹ muốn thoát ra xa, nếu là nam thì đối với cha cũng vậy. Sanh dục đây rồi, hoặc chỉ thấy

nam, hoặc chỉ thấy nữ. Như vậy dần dần tiến gần sát đến kia. Như vậy như vậy dần dần chẳng thấy phần khác của cha mẹ, chỉ thấy căn môn nam nữ, tức là ở xứ đây liền bị câu thúc. Đạo lý sống chết nên biết như vậy.

Nếu kẻ phước mỏng sẽ sanh nhà hạ tiện, kia lúc chết và lúc nhập thai đều nghe chuông chuông âm thanh hỗn loạn và tự vọng thấy đi vào trong rừng cây tre trúc, lau sậy... Nếu kẻ nhiều phước sẽ sanh nhà tôn quý, kia lúc bấy giờ tự mình nghe được các âm thanh tịch tịnh du dương khả ý và tự mình vọng thấy hiện tướng đi lên cung điện khả ý. Bấy giờ tham ái cha mẹ đều đến cực điểm, mỗi người xuất một giọt tinh huyết nồng nàn. Hai giọt tinh huyết hòa hợp trụ trong thai mẹ, hợp làm một chỗ giống như sữa chín đông đặc. Ngay lúc này, A-lại-da thức, chỗ thu nhiếp dị thực, chỗ nương lãnh thọ và giữ gìn tất cả chủng tử hòa hợp nương gá vào.

Sao gọi là hòa hợp nương gá? Tức là chỗ xuất tinh huyết nồng nàn đây hợp làm một rồi và duyên diên đảo của trung hữu đều diệt. Tức do lực công năng của tất cả chủng tử thức, nên có căn vi tế khác cùng đại chủng hòa hợp mà sanh và các căn

khác đồng phận tinh huyết hòa hợp quyện lấy mà sanh. Ở trong lúc này nói là thức đã trụ kết sanh tương tục. Cho nên giai đoạn đây gọi là yết-la-lam.

Trong yết-la-lam này có đại chủng của các căn, chỉ cùng với thân căn và chỗ căn nương đại chủng cùng lúc sanh. Tức là do lực thân căn đây cùng sanh với đại chủng của các căn, nên các căn như mắt... thứ lớp được sanh.

Lại cũng do lực thân căn cùng sanh với đại chủng chỗ căn nương, mà chỗ nương của các căn lần lượt được sanh. Do các căn kia cùng với chỗ các căn nương tựa sanh ra đầy đủ, nên gọi là thành tựu sự nương tựa viên mãn.

Lại sắc yết-la-lam đây và tâm tâm pháp cùng chung an bình, nguy hại, cho nên gọi là nương giá. Do lực nương giá của tâm tâm pháp, cho nên sắc chẳng bị hư hoại. Sắc bị tổn giảm hay tăng thêm thì tâm tâm pháp cũng bị tổn giảm hay tăng thêm, cho nên nói kia cùng chung an bình, nguy hại.

Lại chỗ nương giá ban đầu của thức yết-la-lam đây tức là tim thịt. Như vậy chỗ nương giá lúc ban đầu của thức, cũng là chỗ xả bỏ sau cùng của thức.



Quyển 2

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, tất cả chủng tử thức đây, nếu là pháp Bát niết-bàn, thì hết thấy đầy đủ tất cả chủng tử Bồ-đề; nếu là pháp không Bát niết-bàn, thì khuyết ba chủng tử Bồ-đề. Tùy theo sanh xứ mà tự thể sanh trong ấy, chủng tử của tự thể khác thấy đều triển chuyển theo. Cho nên trong tự thể Dục giới, cũng có tất cả chủng tử Sắc giới, Vô sắc giới. Như vậy trong tự thể Sắc giới cũng có tất cả chủng tử Dục giới, Vô sắc giới; trong tự thể Vô sắc giới cũng có tất cả chủng tử Dục giới, Sắc giới.

Lại khi yết-la-lam dần dần tăng trưởng, thời tên gọi và sắc cùng tăng trưởng ngang nhau, dần dần cho đến đầy đủ rộng lớn, tăng trưởng như vậy đến khi sự nương tựa được viên mãn. Trong đây, do địa giới nên tạo sắc nương ở dần dần thêm lớn rộng, do thủy giới nên thu nhiếp giữ gìn khiến chẳng tan, do hỏa giới nên thành thực vững chắc, do không

nhuần thấm và do phong giới nên phân biệt an đặt chi tiết ở mỗi vị trí riêng khác và ổn định.

Lại tất cả chủng tử thức, ở sanh tự thể tuy có nhân nghiệp tịnh bất tịnh, nhưng chỉ có say đắm hý luận là nhân thù thắng hơn cả. Ở sanh quả dòng tộc, sắc lực, thọ lượng, vật dụng... thì nghiệp tịnh, bất tịnh là nhân thù thắng hơn cả.

Lại các phàm phu ở nơi tự thể trên mà chấp là ngã, ngã sở cùng khởi ngã mạn. Tất cả bậc thánh chỉ quán là khổ.

Lại ở trong thai có tự tánh thọ không khổ không vui nương thức tăng trưởng. Chỉ có tánh thọ đây là chỗ thu nhiếp dị thực. Tất cả thọ còn lại hoặc do dị thực sanh, hoặc do duyên cảnh giới sanh.

Lại thọ khổ, thọ vui hoặc có khi theo duyên hiện khởi, hoặc có khi chẳng khởi.

Lại thể chủng tử từ vô thủy đến nay tương tục không dừng. Tánh thể chủng tử tuy có từ vô thủy, nhưng do nghiệp tịnh bất tịnh sai biệt huân ướp tương tục dấy khởi, nên lớp lớp mong muốn giữ lấy quả dị thực, nên nói chủng tử kia là mới mới. Nếu đã sanh quả, thì nói chủng tử đây là đã thọ quả. Do đạo lý đây, sanh tử lưu chuyển tương tục chẳng dứt,

cho đến chưa Bát niết-bàn.

Lại các chủng tử chưa cho quả, hoặc đời sau sẽ sanh, hoặc nhiều đời sau sẽ sanh. Tuy trải qua trăm ngàn kiếp, tất cả tự thể từ chủng tử của mình lần lượt sẽ sanh đầy đủ. Tuy sanh quả khác, song vẫn do tự chủng tử của mình sanh. Nếu đạt đến tận giới hạn thọ lượng, bấy giờ chủng tử đây gọi là đã thọ quả. Chủng tử tự thể còn lại chưa cho quả, nên không gọi là đã thọ quả.

Lại các chủng tử ở trong thân phải thọ dị thực, nếu duyên sai khác thì chẳng thọ, vì thuận theo thọ bất định. Nhưng chủng tử đây cũng chỉ trụ ở vị đây. Cho nên trong mỗi một tự thể đều có tất cả tự thể chủng tử. Nếu ở một xứ có nhiễm dục, tức nói ở tất cả xứ có nhiễm dục. Nếu ở một xứ được ly dục, tức nói ở tất cả xứ được ly dục.

Lại chủng tử ở trong các tự thể, nếu thuộc phẩm phiền não thu nhiếp, thì gọi là thô trọng, cũng gọi là tùy miên. Nếu thuộc phẩm dị thực thu nhiếp và thuộc phẩm vô ký khác thu nhiếp, thì chỉ gọi là thô trọng, chẳng gọi là tùy miên. Nếu thuộc phẩm thiện pháp như tín, tâm, quý... thu nhiếp, thì chẳng gọi là thô trọng, cũng chẳng gọi là tùy miên.

Vì có sao? Bởi khi do sanh pháp nầy nương tựa nơi tự thể. Tự thể đây duy chỉ có kham chịu, chẳng phải không kham chịu. Cho nên tất cả sự nương tựa tự thể là chỗ thô trọng đi theo, là chỗ thô trọng sanh ra, là tự tánh thô trọng. Cho nên chư Phật Như Lai kiến lập là khổ, gọi là hành khổ.

Lại các chủng tử có nhiều tên gọi khác nhau, đó là: giới, chủng tánh, tự tánh, nhân, tát-ca-da, hý luận, a-lại-da, thủ, khổ, nơi nương ở của tát-ca-da kiến, nơi nương ở của ngã mạn.

Lại khi Bát-niết-bàn, các hành đã được chuyển y thanh tịnh, thì tất cả chủng tử pháp nhiễm ô nương ở được chuyển xả; còn tất cả chủng tử pháp thiện, vô ký chuyển khiến duyên khuyết, chuyển được nội duyên tự tại.

Lại ở trong thai trải qua 38 tuần, tất cả chi phần của thai tạng thấy đều đầy đủ. Từ đây về sau trải qua bốn ngày nữa mới được sanh ra. Như trong *Kinh Nhập Thai*, Đức Bạc-Già-Phạm đã thuyết rộng: “Nếu thời gian thai trải qua chín tháng hoặc hơn chín tháng, thì gọi là sanh già tháng. Nếu trải qua tám tháng, chỉ gọi là sanh đủ tháng. Nếu trải qua bảy tháng, sáu tháng, thì gọi là sanh thiếu tháng”.

Lại nói về giai đoạn của sáu thời kỳ trong thai tạng. Nhờ thức ăn của mẹ, sanh ra vị nhuần thấm thô mà thai được nuôi dưỡng. Trong giai đoạn cực nhỏ của yết-la-lam... nhờ vị nhuần thấm vi tế mà được nuôi lớn.

Lại nữa, thai tạng đây có 8 giai đoạn sai biệt. Những gì là tám? Đó là giai đoạn yết-la-lam, giai đoạn át-bộ-dàm, giai đoạn bế-thi, giai đoạn kiện-nam, giai đoạn bát-la-xa-khư, giai đoạn tóc lông móng, giai đoạn căn, giai đoạn hình.

- Nếu bên ngoài đã kết ngưng, chi tiết bên trong lỏng nhỏ, gọi là yết-la-lam.

- Nếu trong sền sệt như sữa đặc, chưa đến giai đoạn thịt, gọi là át-bộ-dàm.

- Nếu đã thành thịt nhưng rất mềm gọi là bế-thi.

- Nếu đã dày cứng chắc, chịu được sự xúc chạm chút chút, gọi là kiện-nam.

- Thịt có thể cầm nắm, tăng trưởng cho đến tương chi phần hiện, gọi là bát-la-xa-khư.

- Từ đây về sau tóc lông móng hiện ra, gọi là giai đoạn tóc lông móng.

- Kế đến các căn mắt... sanh ra, gọi là giai đoạn căn.

- Tiếp theo là chỗ của các căn nương tựa hiện ra rõ ràng, gọi là giai đoạn hình.

Lại ở trong thai tạng, hoặc do nghiệp lực đời trước, hoặc do sinh hoạt của người mẹ không kiêng cử, không quân bình, nên gió thuận theo đó phát sanh, khiến thai tạng dây hoặc tóc, hoặc sắc, hoặc da, hay chi phần khác bị biến dạng cho đến lúc sanh ra.

- Biến dạng của tóc: do đời trước gây tạo nghiệp ác bất thiện mà năng chiêu cảm việc dây. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen hoặc ăn hoặc uống nhiều vị mặn như muối... khiến thai tạng dây tóc lông thưa thớt.

- Biến dạng của sắc: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen thích gần chỗ nóng, khiến thai da đen sậm. Hoặc do người mẹ có thói quen ưa gần chỗ rất lạnh, khiến da thai tạng sanh sắc trắng bạch. Hoặc do người mẹ ăn nhiều thức ăn nóng, khiến thai tạng kia sanh sắc đỏ sậm.

- Biến dạng của da: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen nhiều dâm dục, khiến thai tạng có da xấu, hoặc bị nấm da, ghẻ lở, cùi hủi... khi sanh ra.

- Biến dạng của chi phần: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ thường hay chạy nhảy, không kiên cử, không quân bình, khiến chi phần các căn của thai tạng bị khuyết tật khi sanh ra

Lại thai tạng nếu là con gái thì ở bên hông trái của mẹ, tựa lưng vào xương sống, hướng mặt ra phía bụng. Nếu là con trai thì ở bên hông phải của mẹ, tựa lưng vào bụng, hướng mặt về xương sống.

Lại khi thai đã đủ ngày đủ tháng, người mẹ không thể chịu được trọng lượng của thai, lúc ấy gió bên trong phát sanh đau đớn vô cùng. Lại nghiệp báo phát khởi, gió phần sanh dấy khởi khiến thai đầu hướng xuống dưới, chân hướng lên, vỏ bọc thai bên trong hướng đến sản môn. Đến thời kỳ thích hợp để ra ngoài, vỏ thai bị rách phân làm hai nách. Khi ra sản môn gọi là giai đoạn chánh sanh. Sau khi sanh, lần lượt phần cảm xúc được sanh, chỗ gọi nhãn xúc cho đến ý xúc. Kế đến bị cuốn vào các sự nghiệp thế gian, đó là học theo cách thức nói năng thế tục... Khi trưởng thành lại quỵện đấm gia thất, dòng tộc để duy trì nòi giống. Khi các căn đã khéo léo thuần thục lại tạo dựng các sự

ngiệp công xảo ở thế gian. Tiếp tục thọ dụng các cảnh giới, chỗ gọi sắc... hoặc khả ái, hoặc chẳng khả ái. Ở đây thọ khổ hay thọ vui là do nghiệp nhân đời trước, hoặc do duyên hiện tại. Tùy theo chỗ dẫn dắt của duyên hoặc trôi dạt theo năm đường, hoặc hướng đến Niết-bàn.

Lại các hữu tình khi sanh có tự thể đồng dạng với chúng hữu tình ở nơi sanh đó. Loài hữu tình mới sanh ở trong chúng hữu tình đây, gây làm 4 chủng duyên: 1. Chủng tử làm chỗ dẫn dắt; 2. Thức ăn nuôi dưỡng; 3. Theo đuổi, hấp thụ, giữ gìn; 4. Huân tập thân ngữ nghiệp.

Duyên thứ nhất, tức là do tinh huyết cha mẹ làm chỗ dẫn dắt.

Duyên thứ hai, tức là kia đã sanh, tự biết làm theo những gì mình muốn, như cầu ăn uống, lấy đây nuôi dưỡng thân.

Duyên thứ ba, tức là kia thường triển chuyển theo đuổi ý thích của mình, chuyên chí giữ gìn, khiến không phát khởi làm hạnh phi thời và hạnh không bình đẳng.

Duyên thứ tư, tức là kia học tập các sự nghiệp thế tục.

Tất cả điều trên chỉ khiến chúng loại được tồn tại rộng lớn và khiến các căn thành thực. Các sự việc tiếp diễn lần lượt như vậy mãi. Cho nên các loại hữu tình từ vô thủy đến nay thọ khổ thọ vui, chưa từng thu được pháp ra khỏi khổ vui, cho đến chư Phật chưa chứng Bồ-đề, cứ như vậy triển chuyển. Nếu từ người được nghe chánh pháp, cùng bên trong chánh tư duy, mới có thể lậu tận. Câu nghĩa như vậy rất khó hiểu, đó là “Ta không có, hoặc phần, hoặc ai, hoặc sự việc. Ta cũng đều chẳng phải hoặc phần, hoặc ai, hoặc sự việc...”

Như vậy đã nói tóm lược phần trong sanh tử.

B. PHẦN NGOÀI SANH TỬ:

Sao gọi là hoặc hoại, hoặc thành của phần ngoài sanh tử? Đó là do sự tạo tác của các hữu tình mà năng chiêu cảm nghiệp thành hay nghiệp hoại. Nếu hiện tiền năng cảm nghiệp hoại, lúc ấy liền có duyên hoại bên ngoài dấy khởi. Đây là do phần ngoài thấy đều tan hoại, không như phần trong là do thọ lượng tận. Vì cố sao? Tất cả phần ngoài là chỗ có sắc thô được bốn đại tạo thành, thường trụ

tương tục, không như phân trong.

Lại nghiệp chiêu cảm thành khí thể gian, nghiệp đây quyết định năng dẫn kiếp được trụ, chẳng tăng chẳng giảm. Cũng có loại hữu tình, thời gian không quyết. Vì cố sao? Do kia tạo tác chủng chủng nghiệp, hoặc quá một kiếp, hoặc lại giảm cho đến một tuổi.

A. Thế gian hoại:

Kiếp hoại do 3 thứ tai họa: **1.** Hỏa tai, hoại thế gian từ địa ngục Vô gián cho đến trời Phạm thế; **2.** Thủy tai, hoại tất cả cho đến trời Đệ nhị tinh lự; **3.** Phong tai, hoại tất cả cho đến trời Đệ tam tinh lự. Trời Đệ tứ tinh lự không tai họa nào có thể hoại được. Do các trời kia thân và cung điện cùng sanh cùng diệt, pháp nhân duyên cũng không thể hoại. Lại 3 tai họa không thể hoại là đánh Đệ nhị tinh lự, Đệ tam tinh lự và Đệ tứ tinh lự.

Lại thế gian đây có 20 trung kiếp hoại, 20 trung kiếp đã hoại rồi không, 20 trung kiếp thành, 20 trung kiếp đã thành rồi trụ. Như vậy tổng cộng là 80 trung kiếp, giả lập là một đại kiếp.

Lại chư thiên cõi Phạm thế thọ mạng một kiếp;

đây hoại sau cùng, nhưng cũng hình thành sớm nhất. Nên biết thời gian kiếp đây kiến lập khác nhau. Tức là trời Phạm chúng thì 20 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng. Trời Phạm tiền ích thì 40 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng. Trời Đại phạm thì 60 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng.

1. Hỏa tai năng hoại thế gian: Có một thời hữu tình thế gian thọ mạng vô hạn. Từ đây giảm dần cho đến thọ mạng còn 80.000 tuổi. Chúng hữu tình kia lại thọ hành pháp bất thiện, nên thọ mạng tiếp tục giảm dần cho đến 10 tuổi. Bảy giờ hữu tình kia lại có tâm chán lìa, nên thọ hành pháp thiện. Do nhân duyên đây, thọ mạng lại tăng dần cho đến 80.000 tuổi. Thọ mạng một lần giảm, một lần tăng như vậy hợp thành một trung kiếp.

Lại trung kiếp đây, có 3 chủng tai họa nhỏ xuất hiện, đó là: đói khát, bệnh tật và đao binh.

Tai họa đói khát xuất hiện khi người thọ 30 tuổi. Đương lúc bảy giờ thức ăn uống tinh diệu chẳng thể có trở lại. Chỉ nấu nướng xương mục, rồi

tụ tập lại ăn uống. Nếu gặp được một hạt gạo, lúa mì, hay một hạt cỏ... cũng được người ta xem như châu báu, dùng rương hòm bỏ lúa trong ấy để gìn giữ cẩn thận. Các hữu tình kia phần nhiều không có khí lực, nếu bị ngã nhào xuống đất chẳng thể đứng dậy. Do tai họa đói đây, không có đầy đủ lương thực, nên hữu tình chết gần hết. Tai họa đây trải qua bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, bảy đêm mới qua khỏi. Các hữu tình kia bấy giờ tụ tập lại bàn luận khởi niệm chán lìa tai họa bậc hạ. Do nhân duyên đây tuổi thọ chẳng bị thối giảm, nên tai họa đói khát liền dứt.

Nếu khi người tuổi thọ còn 20 tuổi thì tâm niệm chán tai họa xưa kia nay buông bỏ. Cho nên bấy giờ có nhiều bệnh truyền nhiễm khí chướng ôn dịch, tai họa lan tràn khiến sợ hãi nối tiếp sanh. Các hữu tình kia mắc phải các bệnh đây nên chết rất nhiều. Tai họa bệnh tật như vậy trải qua bảy tháng, bảy ngày, bảy đêm mới qua khỏi. Các hữu tình bấy giờ lại cùng nhau tụ họp bàn luận khởi niệm chán lìa tai họa bậc trung. Do nhân duyên đây thọ mạng không bị thối giảm, nên tai họa bệnh tật liền dứt.

Khi người thọ 10 tuổi thì tâm niệm chán lia tai hoạn xưa kia nay buông bỏ. Bấy giờ hữu tình triển chuyển gặp gỡ, mỗi mỗi khởi tâm giết hại nhau. Do nhân duyên đây chỉ cầm cỏ cây cùng với ngói đá trên tay đều biến thành đao kiếm sắc bén. Dùng đây để giết hại tương tàn lẫn nhau nên chết gần hết. Tại họa đao binh như vậy, trải qua nhiều nhất bảy ngày mới qua khỏi. Vào lúc bấy giờ, hữu tình lại có 3 chủng rất cực suy tổn, đó là: thọ mạng suy tổn, thân nương tựa suy tổn và vật dụng suy tổn.

- Thọ mạng suy tổn: thọ mạng tối đa là 10 tuổi.

- Thân nương tựa suy tổn: thân thể to lắm chỉ bằng một nắm tay.

- Vật dụng suy tổn: hữu tình bấy giờ, trong tất cả loại thức ăn, lấy thóc lúa nhỏ bé là thức ăn ngon nhất. Trong tất cả loại y phục, lấy tóc làm y phục là đẹp nhất. Trong tất cả đồ trang sức, lấy sắt làm đồ trang sức là hoàn mỹ nhất. Năm chủng thượng vị là tô, mật, dầu, muối, đường mía thấy đều ẩn mất.

Bấy giờ hữu tình triển chuyển tụ tập họp bàn khởi chán lia tai hoạn bậc thượng, nên tuổi thọ không bị thối giảm. Lại năng xả bỏ pháp ác bất

thiện đã làm thọ mạng bị tổn giảm, vâng làm theo thiện pháp nên thọ mạng tăng trưởng. Do nhân duyên đây nên thọ mạng, sắc lực, giàu có, vui vẻ tự tại... đều dần dần tăng trưởng, cho đến thọ mạng 80.000 tuổi.

Như vậy 20 lần giảm, 20 lần tăng, hợp lại làm 40 tăng giảm thì ra khỏi kiếp trụ. Trong đợt tăng cuối cùng, bấy giờ hữu tình na-lạc-ca chỉ chết, chẳng sanh, như vậy dần dần cho đến chết hết. Nên biết gọi là thế gian na-lạc-ca bị hoại.

Như thế gian na-lạc-ca bị hoại, thì thế gian bàng sanh, ngã quý bị hoại cũng lại như vậy.

Đương lúc bấy giờ, trong loài người có một hữu tình tự nhiên đắc được pháp Đệ nhị tinh lục. Các hữu tình khác xoay vần theo đây học tập cũng lại như vậy. Từ đây chết rồi đều sanh đồng phận trong chúng trời Cực tịnh quang. Nên biết lúc bấy giờ gọi là thế gian loài người hoại.

Như cõi người, thì cõi trời cũng vậy.

Đương lúc bấy giờ, nơi cư trú của thế gian ngũ thú (năm đường) không một hữu tình nào được sanh. Tất cả vật dụng cũng không có. Chẳng phải chỉ có vậy, mà ngay cả mưa cũng không. Do không

có mưa, nên cỏ cây rừng rậm trên mặt đất thấy đều khô héo. Lại không có mưa điều hòa nên nhiệt mặt trời càng thêm nóng bức.

Lại nghiệp các hữu tình năng cảm kiếp hoại lực tăng thượng và nương 6 sự bị thiêu đốt, lại có 6 mặt trời lần lượt xuất hiện. Các mặt trời này sức nóng so với mặt trời cũ đã vượt hơn 4 lần. Như vậy đã có 7 mặt trời và sức nóng tăng 7 lần.

Sao gọi là 6 sự bị thiêu đốt? 1. Hầm hố, nương rãnh lớn nhỏ do sức nóng của mặt trời thứ hai làm khô kiệt; 2. Sông lớn, sông nhỏ do sức nóng của mặt trời thứ ba làm khô kiệt; 3. Ao lớn Vô nhiệt do mặt trời thứ tư làm khô kiệt; 4. Đại hải do mặt trời thứ năm và một phần mặt trời thứ sáu làm khô kiệt; 5 và 6. Núi Tô-mê-lô và đại địa thể rắn chắc bị thiêu đốt bởi phần còn lại của mặt trời thứ sáu và mặt trời thứ bảy. Lại ngọn lửa đây bị gió thổi bùng lên hùng hực bốc cháy dữ dội cho đến trời Phạm thế.

Như vậy tóm lược làm 3 sự việc: 1. Do thiếu nước gây ra khiến cỏ cây không có nước bị khô héo; 2. Do sự cố về nước, tức là năm thứ nước bị khô cạn; 3. Do thể bền chắc hằng tương tục trụ, bị hai mặt trời thiêu đốt. Do đây tất cả thế giới đều

bị thiêu cháy, cho đến tro tàn cùng với hình ảnh sót lại cũng không còn, như kinh đã thuyết rộng. Từ đây gọi là khí thể gian đã hoại. Đầy đủ 20 trung kiếp hoại như vậy, lại đến 20 trung kiếp trụ.

2. Thủy tai: Đã qua 7 hỏa tai rồi, ở trong Đệ nhị tĩnh lự có thủy giới đồng sanh khởi, khí thể gian hoại, như muối bị nước làm tan hoại, thì thủy giới và khí thể gian đây đồng thời cùng mất. Như vậy mất rồi, kể đến là 20 trung kiếp trụ.

3. Phong tai: Đó là cứ qua 7 thủy tai rồi lại tiếp đến 7 hỏa tai, rồi liền theo đó ở trời Đệ tam tĩnh lự có phong giới câu sanh nổi lên hủy hoại khí thể gian. Như gió thổi làm khô mọi vật, lại năng làm tiêu tan tất cả, phong giới và khí thể gian đây đồng thời đều mất. Vì có sao? Như có thể thấy do gió thổi mà xương cốt thấy đều tiêu tan. Từ đây hoại rồi, kể đến là 20 trung kiếp trụ.

Như vậy đã lược thuyết thế gian đã hủy hoại.

B. Thế gian thành:

Trải qua 20 trung kiếp như vậy, do tất cả nghiệp

hữu tình lực tăng thượng nên thế gian lại thành. Lúc mới đầu, ở trong hư không của cõi trời Đệ tam tinh lục, khí thế gian hình thành.

Như cõi trời Đệ tam tinh lục, thì Đệ nhị tinh lục và Sơ tinh lục cũng lại như vậy.

Bấy giờ tột đỉnh của nạn tai thứ ba có các hữu tình hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi, đến sanh ở Đệ tam tinh lục. Tất cả xứ còn lại, dần dần thứ lớp cũng vậy.

Lại từ tột đỉnh của nạn tai thứ hai, có các hữu tình hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi đến sanh ở Đệ nhị tinh lục. Tất cả xứ còn lại dần dần thứ lớp nên biết cũng vậy.

Lại từ tột đỉnh của nạn tai thứ nhất, có một hữu tình do hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi, đến sanh ở Sơ tinh lục trong thế giới Phạm, làm vị Đại phạm cao nhất. Do sống một mình nên lòng không vui thích, liền có mong muốn: “Làm sao khiến hữu tình khác cũng sanh đến đây”. Đương lúc phát tâm như vậy, có các hữu tình khác hết thọ mạng ở Đệ nhị tinh lục chết, sanh ở Sơ tinh lục đồng phạm với kia.

Như vậy ba cõi tinh lục dưới, khí và hữu tình

thế gian thành.

Ở trong hư không, cung điện của bốn cõi trời Dục giới dần thành. Nên biết các cung điện ở hư không kia, đều hóa hiện ra. Lại các hữu tình trong chúng đồng phận trời Cực tịnh quang chết rồi, vãng sanh đến các cung điện đây, còn lại như trước đã thuyết.

Từ đây về sau có đại phong luân, lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới, từ dưới thổi lên, làm chỗ nương giữ cho thế giới kia hình thành. Vì muốn an lập các loại hữu tình không có cung điện, nên đại phong luân phân làm hai tướng, đó là phân bố ngửa lên đều khắp và phân bố nghiêng một bên. Cũng do đây giữ gìn khiến nước chẳng tản khắp.

Kế do nghiệp kia lực tăng thượng, ở hư không giới mây chứa vàng nổi lên. Từ đây mưa trút trên phong luân. Kế gió lại nổi lên khuấy nước khiến rắn chắc. Đây gọi là địa luân tánh vàng. Trên chịu nước mưa trút xuống xối xả, dưới chịu gió cuồng xoáy thổi xông lên. Như vậy đất được hình thành.

Kế do nghiệp kia lực tăng thượng nên trong hư không lại khởi các vùng mây chứa các giới. Lại từ mây kia mưa âm âm trút xuống. Nhưng nước mưa

đây tích tụ lại trên địa luân tánh vàng, rồi gió lại thổi khuấy nước khiến rắn chắc. Cũng do sức của gió dẫn dắt nên các hữu tánh thanh tịnh tinh diệu hơn hết hình thành núi Tô-mê-lô. Núi đây thành rồi có 4 bảo làm thể là vàng, bạc, pha chi, lưu ly.

Nếu các hữu tánh tinh diệu thanh tịnh phẩm trung thì hình thành nên bảy núi vàng, đó là núi Trì song, núi Trì-na-tra-ca, núi Mã nhĩ, núi Thiện kiến, núi Khiết-đạt-lạc-ca, núi Trì nục, núi Ni-dân-đạt-la. Các núi như vậy có hình dáng đỉnh cao nhọn mỗi mỗi sai khác nên có tên gọi sai khác, thứ lớp vây quanh núi Tô-mê-lô.

Núi Tô-mê-lô cao 80.000 du-thiện-na, rộng cũng như vậy. Chân núi ngập dưới nước lượng bằng như vậy.

Lại núi Trì song bằng một nửa núi Tô-mê-lô. Từ đây thứ lớp sáu núi vàng còn lại, tầm vóc của các núi kia dần dần giảm, mỗi núi sau chỉ bằng một nửa so với núi trước.

Nếu các hữu tánh tinh diệu thanh tịnh phẩm hạ, thì hình thành bốn đại châu, tám trung châu và núi Luân vi nằm phía ngoài bảy núi. Tất cả đây bao quanh núi Tô-mê-lô. Có bốn châu nương núi Luân vi

mà trụ, kích thước bằng nửa núi Ni-dân-đạt-la.

Lại hình thành cung điện của phi thiên. Cung điện đây ở phía dưới Tô-mê-lô, nương nước mà tồn tại.

Lại hình thành núi Đại tuyết và ao Vô nhiệt bao xung quanh vách núi.

Kế lại hình thành tám Đại na-lạc-ca ở thấp nhất, Độc nhất na-lạc-ca và Hàn na-lạc-ca. Cận biên na-lạc-ca hình thành một phần xứ quỷ và bàng sanh.

Bốn đại châu là Nam thiệm-bộ châu, Đông tỳ-đê-ha châu, Tây cù-đà-ni châu, Bắc câu-lô châu. Thiệm-bộ châu hình dáng như cái thùng xe. Tỳ-đê-ha châu hình dáng như nửa mặt trăng. Cù-đà-ni châu hình dáng tròn đầy. Bắc câu-lô châu hình dáng vuông vắn. Thiệm-bộ châu kích thước 6.500 du-thiện-na. Cù-đà-ni châu kích thước 7.500 du-thiện-na. Bắc câu-lô châu kích thước 8.000 du-thiện-na.

Lại trong khoảng giữa của bảy núi vàng có nước đầy đủ tám công đức, gọi là Nội hải.

Lại hình thành các long cung. Có tất cả 8 đại long cùng trải qua kiếp trụ, đó là: Trì Địa long vương, Hoan Hỷ Cận Hỷ long vương, Mã Loa long

vương, Mục-chi-lân-đà long vương, Ý Mãnh long vương, Trì Quốc long vương, Đại Hắc long vương, Ê-la-diệp long vương.

Lại các long vương này do nương thế lực của Đế Thích, luôn đánh nhau với phi thiên. Các chúng long vương đây có 4 chủng loại là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh. Trong loại chim Sí điểu tuyệt đẹp cũng có bốn loại như vậy. Lại có các thủy tộc khác ở ngoài nội hải, gọi là Ngoại hải.

Lại nương chân núi Tô-mê-lô có bốn tầng cấp. Tầng cấp đầu tiên từ núi Tô-mê-lô nương ra ngoài rộng 16.000 du-thiện-na. Từ đây theo thứ tự ba tầng cấp còn lại kích thước giảm dần phân nửa. Có Kiên thủ thần trụ ở cấp đầu tiên, Huyết thủ thần trụ ở cấp thứ hai, Thường túy thần trụ ở cấp thứ ba, Trì man thần trụ ở cấp thứ tư.

Trên bốn góc của đỉnh Tô-mê-lô có bốn ngọn núi lớn, mỗi ngọn cao 500 du-thiện-na. Có các Dược xoa như Kim cang thủ... sống ở đây.

Lại núi Trì song, ở bốn mặt núi có bốn vương đô. Phía đông là Trì quốc, phía tây là Tăng trưởng, phía nam là Xú mục, phía bắc là Đa văn. Đây là chỗ cư trú của Tứ đại thiên vương. Ngoài núi Trì

song, các núi vàng còn lại là thôn ấp, tụ lạc của bốn vương đô này.

Lại gần núi Tuyết có một sườn núi vàng lớn tên là Hồng phi thiên cao rộng 50 du-thiện-na. Thiên Trụ long vương thường trấn giữ nơi đây. Lại Thiên Đế Thích thường ưa thích đến đây du hành dạo chơi. Trong đây có cây tên là Nhật thiện trụ đa-la thọ hàng mọc thành bảy tầng vây quanh. Lại có ao lớn tên là Mạn-đà-cát-ni, có 500 ao nhỏ xung quanh làm quyến thuộc. Thiên Trụ long vương cùng với 500 voi cái vây quanh trước sau vui chơi bên ao, tùy thích biến hiện, bơi lội trong ao, dùng gốc hoa sen làm thức ăn. Ở bên cạnh có ao lớn Vô nhiệt, ao này sâu rộng 50 du-thiện-na, cát vàng nhỏ mịn trải khắp đáy ao, có nước tám công đức đầy khắp trong ao, hình sắc thù diệu, đoan nghiêm, nếu nhìn thấy sẽ được vui. Từ ao đây chảy ra bốn nhánh sông lớn là Căng-già, Tín độ, Tư-đa và Phược-sô.

Lại ở đỉnh của Tô-mê-lô, kiến lập thiên cung của vua Đế Thích cao rộng 10.000 du-thiện-na. Các đất còn lại là thôn ấp tụ lạc của trời Đế Thích.

Lại bốn mặt núi đối diện với bốn đại châu có bốn thứ báu tạo thành. Đối diện Thiệm-bộ châu

làm bằng lưu ly. Đối diện Tỳ-đề-ha châu làm bằng bạch ngân. Đối diện Cù-đa-ni châu làm bằng hoàng kim. Đối diện Câu-lô châu làm bằng phả chi.

Lại dọc theo khu vực bên ngoài của Thiệm-bộ châu có đường của Luân vương đi, do vàng ròng tạo thành. Như chiều cao chân từ đầu gối trở xuống của hữu tình cõi Tứ đại thiên vương đứng chìm trong đại hải. Nếu Luân vương ra đời, nước biển kia sẽ rút xuống bằng chiều cao phần chân này.

Lại phía nam ao Vô nhiệt có một cây đại thọ gọi là thiệm-bộ, cho nên châu đây được gọi là Thiệm-bộ châu. Kế ở phương bắc của ao có rừng cây đại thụ rậm rạp tên là thiết-lạp-mạt-lê, các chủng loại tứ sanh và các chim cánh thần tập trung đậu chơi nơi đây. Bốn đại châu đây, mỗi châu lấy hai trung châu làm quyến thuộc. Lại có một châu là chỗ cư trú của loài La-sát.

Như vậy khí thế gian đã hình thành, có các hữu tình từ trong chúng đồng phận của cõi trời Cực tịnh quang chết đi, lại đến sanh trong đây, còn lại như trước đã nói. Có việc đây đều do kia cảm nghiệp kiếp đầu tiên. Nghiệp đây vi diệu tối thắng bậc nhất, nhiếp thuộc Dục giới. Chỉ thời này, nghiệp

này chiêu cảm quả, chẳng phải thời khác. Bấy giờ hữu tình gọi là người ở kiếp đầu tiên.

Lại hữu tình kia có sắc như ý muốn. Tất cả như vậy như kinh đã nói rộng. Vào thời ấy, mặt đất bằng phẳng, hữu tình chưa có nhà ở và các tụ lạc. Từ đây về sau, do lực phước nghiệp của các hữu tình nên đất sanh vị. Dần dần bán đất, cày non, lúa nếp không trồng mà tự xuất hiện, không thóc không trấu. Lại nơi nơi có các vùng lúa, vùng nếp sanh, các hữu tình lấy đây thọ dụng. Do duyên thọ dụng mùi vị, nên các loại hữu tình có sắc ác xuất hiện, ánh sáng bị diệt mất. Hữu tình ăn nhiều, sắc ác tăng nên thân nặng nề.

Các hữu tình lại khinh hủy lẫn hiếp lẫn nhau nên pháp ác hiện hành. Do nhân duyên đây, các thượng vị... dần dần ẩn vào đất, như kinh rộng thuyết.

Các loại hữu tình lại liếc nhìn lẫn nhau bèn khởi ái nhiễm, do đây năng cảm nghiệp nam nữ. Một số hữu tình sanh khởi nam căn, một số hữu tình sanh khởi nữ căn, dần dần liếc nhìn xâm phạm lẫn nhau, khởi các tà hạnh. Vì sợ người khác chê bai hủy báng nên tạo dựng nhà cửa để tự che giấu.

Lại thâm nhiếp lúa nếp làm của riêng, khởi ý sở hữu đất đai. Do duyên đây tranh đoạt lẫn nhau dẫn đến pháp chẳng cho mà lấy từ đây sanh, nên phải lập người phân xử, quản lý. Vị vua đầu tiên gọi là Đại Đẳng Ý. Như vậy bắt đầu có giai cấp chúng Sát-đế-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Phệ-xá, chúng Thủ-đà-la xuất hiện nơi thế gian. Thứ lớp nhân duyên như kinh đã rộng thuyết.

Lại do ánh sáng bị diệt mất nên thế gian liền có bóng tối trùm phủ. Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao dần dần xuất hiện. Mặt trời có kích thước khoảng 51 du-thiện-na. Mặt trăng nhỏ hơn một chút. Mặt trời lấy lửa phả chi tạo thành. Mặt trăng lấy nước phả chi tạo thành. Trong hai vầng đây, vầng mặt trăng di chuyển nhanh hơn và không nhất định. Còn mặt trời cùng lúc chiếu sáng ở hai châu, lại cùng lúc làm tối ở hai châu. Tức là ở châu này mặt trời giữa trưa, ở châu kia mặt trời mọc; ở châu này vào giữa đêm, ở châu kia mặt trời lặn.

Lại tất cả mặt trời, mặt trăng, các vì sao di chuyển ở khoảng giữa của núi Tô-mê-lô, lượng cao thấp ngang bằng với núi Trì song.

Lại mặt trời di chuyển có gần xa. Nếu xa Tô-

mê-lô thì tạo nên phần lạnh, nếu gần Tô-mê-lô thì tạo nên phần nóng, cũng do đây mà mặt trời lặn có sớm có trễ. Nếu mặt trăng hơi nghiêng một chút thì chỉ thấy phân nửa, do phần khác che phần ở gần nên không thấy được. Cứ nghiêng dần như vậy cho đến dần dần hiện lại tròn đầy. Nếu ở phần đen dần dần thấp xuống, như vậy dần dần khuyết lần khuyết lần. Trong các vì sao, hình dạng lớn nhất là 18 câu-lô-xá, hình dạng trung là 10 câu-lô-xá, hình dạng nhỏ nhất là 4 câu-lô-xá.

Lại nữa, ở thế gian đã hình thành bốn giai cấp, từ đây thuận theo sự sanh khởi của yêu thương, ghét bỏ mà thọ nghiệp ngũ thú.

Lại có loại hữu tình do nghiệp tập nhiễm tăng thượng, nên cảm sanh trong na-lạc-ca làm vua Tĩnh Túc. Từ đấy liên tục lần lần có binh lính na-lạc-ca xuất hiện giống như hóa sanh. Lại có chủng chủng dụng cụ dùng để hành khổ như đồng, thiếc... và lửa trong na-lạc-ca xuất hiện. Về sau các hữu tình tùy theo nghiệp mà thọ sanh ở đây, hoặc sanh ở các cõi khác.

Như vậy 100 câu-chi bốn đại châu, 100 câu-chi Tô-mê-lô, 100 câu-chi sáu cõi trời Dục, 100 câu-chi

Phạm thế. Tổng cộng là Tam thiên đại thiên thế giới cùng thành, cùng hoại. Thế giới đây có ba chủng: 1. Tiểu thiên thế giới, tức là 1.000 mặt trời, mặt trăng cho đến Phạm thế, hợp chung làm một; 2. Trung thiên thế giới, tức là 1.000 tiểu thiên thế giới; 3. Đại thiên thế giới, tức là 1.000 trung thiên thế giới. Hợp chung đây lại gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

Như vậy bốn phương, trên, dưới, không cùng tận tam thiên thế giới mà thành mà hoại. Ví như trời mưa, nước rơi xuống như trục xe quay liên tục không ngừng không dứt, tung khắp bốn phương. Thế giới cũng như vậy, phân bố bốn phương không cùng không tận mà thành mà hoại. Tam thiên đại thiên thế giới gọi là một cõi Phật. Đức Như Lai trong cõi này hiện thành Chánh giác, ở trong vô biên thế giới mà thiết lập Phật sự.

Như vậy thế giới đã thành lập, trong đó bao gồm:

Năm đường:

1. Na-lạc-ca, là chủng quả nhiếp lấy các uẩn ở na-lạc-ca và nghiệp thuận thọ na-lạc-ca;
2. Bàn sanh;
3. Nga quý;
4. Người;
5. Trời. Như na-lạc-ca, thì bàn

sanh, ngạ quỷ, người, trời cứ như vậy mà biết.

Bốn cách thức sanh:

1. Noãn sanh: là các loài hữu tình phá vỏ trứng mà ra, như loài ngỗng, chim nhận, chim sẻ, chim két, chim xá lợi...

2. Thai sanh: là các loài hữu tình thai được bao bọc, thai được xé bọc mà ra, như voi, ngựa, trâu, lừa...

3. Thấp sanh: là các loài hữu tình theo nơi ẩm ướt mà sanh, như con trùng, con mọt, con ngài...

4. Hóa sanh: là các loài hữu tình nghiệp lực tăng thượng, nên sanh đầy đủ trong sáu cõi như trời, na-lạc-ca thì hóa sanh hoàn toàn; hoặc không đủ như người, quỷ, bàng sanh thì hóa sanh một phần.

Sáu sự nương giữ:

1. Kiến lập nương giữ: là tầng phong luân thấp nhất, cùng với thủy luân và địa luân, khiến các hữu tình không bị rớt xuống nên sanh khởi.

2. Che giấu nương giữ: là nhà cửa... khiến các hữu tình giảm bớt sự chia lìa, đi đây đi đó nên sanh khởi. Nhà cửa kia... lược có 3 chủng: hoặc do tạo làm, hoặc chẳng do tạo làm, hoặc cung điện hóa ra.

3. Mùa màng tươi tốt nương giũ: vì các món ăn cho hữu tình nên sanh khởi.

4. An ổn nương giũ: vì xa lìa dao gậy, sát hại... cho các hữu tình nên sanh khởi.

5. Mặt trời, mặt trăng nương giũ: vì khiến các hữu tình thấy được các sắc nên sanh khởi.

6. Thực nương giũ, bao gồm bốn cách thực: a. Đoạn thực; b. Xúc thực; c. Ý tư thực; d. Thức thực. Vì khiến các hữu tình gìn giữ thân mạng nên sanh khởi.

Mười chủng thời gian: đó là thời, năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, sát-na, sát-na, lật-phược, tư-ho-thích-đa.

Bảy việc nhiếp thọ: 1. Việc cha mẹ; 2. Việc vợ con; 3. Việc nô tỳ nô bộc; 4. Việc anh em, quyến thuộc, bạn bè, quan chức; 5. Việc ruộng nhà, dinh phủ; 6. Việc phước nghiệp cùng việc phương tiện làm nghề nghiệp; 7. Việc kho chứa.

Mười chủng vật dụng: 1. Ăn; 2. Uống; 3. Xe; 4. Y phục; 5. Đồ trang sức; 6. Ca múa, vui cười; 7. Hương xoa phấn bôi; 8. Các vật thường dùng; 9. Chiếu sáng; 10. Thọ hành của nam nữ.

Có mười chủng người thọ dụng: như trong A-cấp-ma đã thuyết.

Tám thứ luôn tùy hành: là các việc mà thế gian luôn luôn làm theo. 1. Sự che giấu; 2. Việc trang điểm thân; 3. Việc oai nghi dễ được; 4. Việc ăn uống; 5. Việc ngủ nghỉ; 6. Việc gặp gỡ qua lại; 7. Việc thuộc về siêng năng; 8. Việc thuộc về nói năng.

Tám pháp thế gian: là được, chẳng được, khen, chê, tán dương, giễu cợt, khổ, vui.

Ba phẩm: là oán, thân, bình thường.

Ba chủng thế sự: 1. Sự đàm luận ngôn ngữ, hiện tướng chúc mừng an ủi; 2. Sự dựng vợ, gả chồng, khách chủ, hiện tướng ăn uống; 3. Ở trong lúc phát khởi làm chủng chủng việc, hiện tướng trợ giúp sự nghiệp.

Ba chủng lời nói: 1. Lời nói có pháp: là lời nói chán lìa, xa lìa các triền cái trói buộc, hướng đến sự vui vẻ đẹp lòng, như kinh đã nói rộng; 2. Lời nói không pháp: là tâm nhiễm ô nói những chuyện ăn uống...; 3. Lời nói còn lại: là do tâm vô ký mà khởi nói năng.

Hai mươi hai chủng phát phần nộ: 1. Đong non; 2. Cân thiếu; 3. Thù giả dối; 4. Phương tiện sinh sống tà nghiệp; 5. Chống đối tranh giành; 6. Nhạo báng khinh khi; 7. Phản bội; 8. Tranh tụng;

9. Mắng chửi; 10. Phẫn nộ; 11. Quở trách; 12. Chèn ép; 13. Đánh đập; 14. Giết hại; 15. Trói cột; 16. Giam cầm; 17. Cắt đứt; 18. Đuổi bỏ; 19. Nịnh hót; 20. Đối trá; 21. Ém tài; 22. Vọng ngữ.

Sáu mươi hai chủng loại hữu tình: 1. Na-lạc-ca; 2. Bàn sanh; 3. Quỷ; 4. Trời; 5. Người; 6. Sát-đế-lợi; 7. Bà-la-môn; 8. Phê-xá; 9. Thủ-đà-la; 10. Nữ; 11. Nam; 12. Bán nam bán nữ; 13. Hèn kém; 14. Trung bình; 15. Giỏi; 16. Tại gia; 17. Xuất gia; 18. Khổ hạnh; 19. Chẳng phải khổ hạnh; 20. Luật nghi; 21.. Không luật nghi; 22. Không luật nghi không phải không luật nghi; 23. Ly dục; 24. Chưa ly dục; 25. Nhóm tà tánh định; 26. Nhóm chánh tánh định; 27. Nhóm bất định; 28. Bí-sô; 29. Bí-sô-ni; 30. Chánh học; 31. Sa-di; 32. Sa-di-ni; 33. Cận sự nam; 34. Cận sự nữ; 35. Người tập đoạn trừ; 36. Người tập đọc tụng; 37. Người tịnh thí; 38. Người già; 39. Trung niên; 40. Thiếu niên; 41. Bậc thầy mô phạm; 42. Thân giáo sư; 43. Đệ tử cộng trú và đệ tử cận trú; 44. Tân khách; 45. Người lo việc Tăng; 46. Người tham lợi dưỡng cung kính; 47. Người chán lìa; 48. Người đa văn; 49. Người đại phước trí; 50. Người tùy thuận chánh pháp tu hành; 51. Người trì kinh;

52. Người trì luật; 53. Người trì luận; 54. Người dị sanh; 55. Người kiến đế; 56. Người hữu học; 57. Người vô học; 58. Thanh văn; 59. Độc giác; 60. Bồ-tát; 61. Như Lai; 62. Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương lại có 4 chủng, hoặc vua của một châu, hoặc vua của hai, ba, bốn, châu. Vua của một châu có bánh xe sắt hiện. Vua của hai châu có bánh xe đồng hiện. Vua của ba châu có bánh xe bạc hiện. Vua của bốn châu có bánh xe vàng hiện.

Tám vị:

1. Vị ở trong thai: là giai đoạn yết-la-lam... .
2. Vị xuất thai: là từ giai đoạn đây về sau cho đến già 80, 90 tuổi.
3. Vị anh nhi: là giai đoạn từ lúc xuất thai cho đến chưa có thể đi chơi đùa.
4. Vị đồng tử: là giai đoạn có thể chơi đùa.
5. Vị thiếu niên: là giai đoạn có khả năng thọ dụng dục trần cho đến 30 tuổi.
6. Vị trung niên: là giai đoạn từ 30 tuổi cho đến 50 tuổi.
7. Vị lão niên: là giai đoạn từ 50 tuổi cho đến 70 tuổi.
8. Vị nạo thực: là giai đoạn từ 70 tuổi trở lên.

Bốn cách nhập thai: 1. Chánh biết nhập, nhưng không chánh biết trụ thai và xuất thai; 2. Chánh biết nhập thai, trụ thai, nhưng không chánh biết xuất thai; 3. Trụ, nhập, xuất đều chánh biết; 4. Trụ, nhập, xuất đều chẳng biết. Cách nhập thai thứ nhất là Luân vương. Thứ hai là Độc giác. Thứ ba là Bồ-tát. Thứ tư là hữu tình còn lại.

Bốn loại oai nghi: là đi, đứng, nằm, ngồi.

Sáu cách sinh nhai: 1. Việc nhà nông; 2. Việc thương mại; 3. Việc chăn nuôi; 4. Việc vua; 5. Việc tập học thơ toán, sổ sách và in ấn; 6. Việc tập học các nghề nghiệp công xảo khác.

Sáu chủng thủ hộ: 1. Lính đánh bằng voi; 2. Lính đánh bằng ngựa; 3. Lính đánh bằng xe; 4. Lính đánh bộ; 5. Sức mạnh của kinh tế; 6. Sức mạnh của các nước đồng minh khác.

Bảy chủng khổ: 1. Sanh khổ; 2. Lão khổ; 3. Bệnh khổ; 4. Tử khổ; 5. Oán ghét nhau gặp nhau khổ; 6. Thương yêu mà chia lìa khổ; 7. Cầu chẳng toại khổ.

Bảy chủng mạn: 1. Mạn; 2. Quá mạn; 3. Mạn quá mạn; 4. Ngã mạn; 5. Tăng thượng mạn; 6. Ti liệt mạn; 7. Tà mạn.

Bảy chủng kiêu căng: 1-. Kiêu do không bệnh;

2. Kiêu do thiếu niên; 3. Kiêu do trường thọ; 4. Kiêu do dòng họ; 5. Kiêu do khỏe đẹp; 6. Kiêu do phú quý; 7. Kiêu do đa văn.

Bốn cách nói năng:

1. Nương thấy mà phát lời nói: tức là nương mắt hiện thấy các sắc bên ngoài, nên vì người nói.

2. Nương nghe mà phát lời nói: tức là nghe âm thanh từ người, nên vì người nói.

3. Nương hiểu mà phát lời nói: tức là không nương thấy nghe, chỉ do tự tư duy tương ứng quán sát phù hợp, nên vì người nói.

4. Nương biết mà phát lời nói: tức là bên trong tự có chỗ thọ, chỗ chứng, chỗ xúc, chỗ đắc mỗi mỗi riêng biệt, nên vì người nói.

Có câu có nhiều cách nói: Đây cũng gọi là giải thích từ ngữ, cũng gọi là câu hý luận, cũng gọi là câu nhiếp nghĩa. Hết thủy loại như vậy có rất nhiều sai khác.

Lại các chữ mẫu nhiếp các nghĩa cũng gọi là câu có nhiều cách nói, như các chữ: địa, căn, cảnh, pháp, bổ-đặc-già-la, tự tánh, sai biệt, tác dụng, mình, người, có, không, hỏi, đáp, giữ, cho, chánh tánh, tà tánh.

Lại có các chữ như: lắng nghe, ngăn cấm, công đức, quá thất, được, mất, chẳng được, khen, chê, khổ, vui, xưng tán, giấu cợt, cứng rắn, mềm mại, trí thối, trì trệ, trợ bạn, thị hiện, dạy dẫn, hiểu đạo, khích lệ, an ủi.

Lại câu có bảy cách nói, tức là bảy câu biến cách như: bổ-lư-sa, bổ-lư-sam, bổ-lư-tế-nả, bổ-lư-sa-ta, bổ-lư-sa-da, bổ-lư-sát-sá, bổ-lư-sở... .

Lại có các câu: thi thiết, dạy răn, tiêu tướng, tịnh hơi thở, tỏ rõ, quý tắc, an lập, tích tập, quyết định, việc cưới gả, kinh hãi, đầu, giữa, cuối.

Lại có các câu: tưởng dòng họ, ngôn thuyết lập tông, thành biện, thọ dụng, tầm cầu, thủ hộ, xấu hổ, lân mẫn, kham nhẫn, bố úy, giản trạch.

Lại có các câu: cha mẹ, vợ con... tất cả vật dụng và sanh lão... cho đến chỗ cầu không toại, sâu thán, thiếu niên, không bệnh, trường thọ, thường hội họp, ghét xa lìa, muốn được toại, muốn không được toại, đến đi, ngoảnh nhìn, hoặc co, hoặc duỗi, đi đứng ngồi nằm, tỉnh ngộ, yên lặng, thức giấc, nghỉ ngơi.

Lại có các câu: ăn, uống, nhai, nếm, thường xuyên tập, không thường xuyên tập, phóng dật, không phóng dật, rộng, lược, tăng, giảm, tầm tứ,

phiền não, tùy phiền não, hý luận, lìa hý luận, sức yếu, sở thành, năng thành, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tức, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp, tương tự, không tương tự.

Lại có các câu: lẫn tạp, cùng có, hiện thấy, chẳng hiện thấy, ẩn, hiển.

Lại có các câu: năng tác, sở tác, pháp luật, thế sự, tư sanh, chân, vọng, lợi ích, không lợi ích, cốt tủy, nghi ngờ, do dự, kinh quái.

Lại có các câu: khiếp nhược, vô úy, hiển rõ, không hiển rõ, sát hại, trói buộc, cấm ngăn, đoạn tiết, đuổi bỏ.

Lại có các câu: mạ lị, phẫn nộ, đánh đập, bức hiếp, quả trách, thiêu đốt, nấu khô, khuấy phục, ô trược, thánh giáo, theo đuổi, so lường.



Quyển 3

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 3

Lại nữa, trước đã thuyết năm sự từ tự tánh cho đến tác nghiệp, nên biết đều do 3 xứ thu nhiếp, đó là: **1.** Do tự sắc; **2.** Do phẩm tâm, tâm sở; **3.** Do vô vi. Còn lại là các pháp giả có.

1. Do các pháp tự sắc:

Hỏi: Tất cả pháp sanh đều từ tự chủng tử mà khởi, sao lại nói các đại chủng năng sanh các sắc sở tạo? Sao nói là các sắc sở tạo nương tựa đại chủng? Sao nói đại chủng là chỗ kiến lập, đại chủng là chỗ giữ gìn, đại chủng là chỗ trưởng dưỡng các sắc sở tạo?

Đáp: Do tất cả đại chủng trong ngoài và chủng tử của sắc sở tạo đều nương tựa tâm tương tục bên trong. Cho đến chủng tử các đại nếu chưa sanh các đại, thì chủng tử các sắc sở tạo trọn không thể sanh các sắc sở tạo. Cần yếu do đại chủng sanh thì các sắc sở tạo mới từ tự chủng tử được sanh. Cho nên nói

các đại chủng năng sanh các sắc sở tạo phải do đại chủng sanh làm tiền dẫn. Do đạo lý đây nên nói các đại chủng làm nhân sanh các sắc sở tạo.

Sao nói các sắc sở tạo nương tựa đại chủng? Do các sắc sở tạo đã sanh, chẳng lìa đại chủng xứ mà chuyển.

Sao nói đại chủng là chỗ kiến lập các sắc sở tạo? Do đại chủng tổn giảm hay tăng thêm, thì các sắc sở tạo cũng theo đó mà bị nguy hại hay là trụ an ổn.

Sao nói đại chủng là chỗ giữ gìn các sắc sở tạo? Nếu nương theo đại chủng... thì lượng chẳng bị hoại.

Sao nói đại chủng là chỗ trưởng dưỡng các sắc sở tạo? Do nhân ăn uống, ngủ nghỉ, tu tập phạm hạnh và tam-ma-địa... nên tạo sắc lại tăng trưởng gấp bội. Cho nên nói đại chủng là nhân trưởng dưỡng tạo sắc.

Tóm lại các đại chủng lược có 5 chủng tác dụng đối với các sắc sở tạo.

Lại nữa, ở trong tụ sắc chưa từng do cực vi sanh. Nếu lúc từ tụ chủng tử sanh, chỉ là tập hợp mà sanh, hoặc nhỏ hoặc vừa hoặc lớn.

Lại chẳng phải cực vi tích tập thành tụ sắc, mà

chỉ do huệ hiểu biết phân tích các sắc đến giới hạn nhỏ nhất, lấy đây phân biệt giả lập làm cực vi.

Lại tụ sắc cũng có phương hướng, phần vị. Cực vi cũng có phương hướng, phần vị. Nhưng tụ sắc có phân chia, cực vi thì không. Vì cơ sao? Do cực vi tức là phần phân chia của tụ sắc, thuộc sở hữu của tụ sắc, chẳng thể cực vi lại phân chia thành cực vi khác. Cho nên cực vi không có sự phân chia.

Lại không tướng lìa có 2 chủng: 1. Cùng một xứ không lìa nhau. Đó là đại chủng cực vi cùng với sắc, hương, vị, xúc... ở nơi không căn xứ có cái ly căn, ở nơi có căn xứ có cái hữu căn. Đây gọi là cùng một xứ không lìa nhau. 2. Hòa lẫn không lìa nhau. Đó là đại chủng cực vi và các tụ sắc năng tạo, sở tạo khác đồng hòa hợp. Đây gọi là hòa lẫn không lìa nhau. Lại sắc đây tích tụ ở khắp nơi, như chủng chủng vật hiện có. Thí như đá mài thành bột, lấy nước trộn lại, hai loại hòa lẫn nhau không lìa nhau. Không phải như mè trộn với đậu, thóc, lúa...

Lại tất cả sắc sở tạo đều nương nơi đại chủng xứ mà được tạo thành, không vượt qua giới hạn của đại chủng, cho đến đại chủng nương tựa nơi nào, thì các sắc sở tạo trở lại nương tựa nơi ấy. Do nhân

duyên đây nên nói các sắc sở tạo nương nơi đại chủng. Cũng lấy nghĩa đây nên các đại chủng được gọi là đại chủng, vì đại chủng đây tánh to lớn và là hạt giống sanh sản vậy.

Lại nữa, ở trong các tụ sắc lược có 14 chủng sự khác nhau, bao gồm: đất, nước, gió, lửa, sắc, thanh, hương, vị, xúc và năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chỉ trừ sắc sở hành của ý. Tất cả tụ sắc nhiếp thuộc các căn hữu sắc cũng có tất cả như *Chủng sự giới* đã thuyết. Như tụ nhiếp thuộc các căn hữu sắc, thì tụ nhiếp thuộc các căn hữu sắc sở y đại chủng cũng vậy. Các tụ sắc còn lại, trừ các căn hữu sắc, chỉ còn giới.

Lại trong phạm vi nhiếp thuộc lẫn nhau thì có 14 sự, do nhiếp lẫn nhau đây mà lập ra sự cực vi.

Nếu trong phạm vi nhiếp thuộc giới, thì tùy theo tụ đây mà có giới riêng khác, tức nói tụ đây nhiếp sự như thế.

Nếu trong phạm vi nhiếp thuộc không lìa nhau, chỗ có các tụ hoặc trong hoặc ngoài, thì tùy theo ở trong tụ đây cho đến có được pháp tướng như vậy, tức nói tụ đây nhiếp sự như thế. Vì có sao? Hoặc có tụ bên trong chỉ có một đại chủng khả đắc, như

trong tụ mặt-ni, trên châu, lưu ly, kha bối, hổ phách... hoặc trong tụ ao, hồ, kênh, rạch, sông, suối... hoặc trong tụ lửa, ngọn lửa, đèn, đuốc... hoặc trong tụ gió thổi bốn hướng, gió có bụi, gió không bụi... Hoặc có tụ bên trong có 2 đại chủng khả đắc, như trong tụ tuyết, ẩm ướt, cây, lá, hoa, quả... hoặc như trong tụ mặt-ni nóng... Hoặc có tụ bên trong có 3 đại chủng khả đắc, như trong tụ sức nóng của cây, hoặc dao động... Hoặc có tụ bên trong có 3 đại chủng khả đắc, như ở trong tụ nội sắc. Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Trong mỗi phần riêng khác của thân, hoặc tóc, lông... cho đến phần uế là nội địa giới, hoặc tiểu tiện... là nội thủy giới, hoặc trong thân có hơi ấm... là nội hỏa giới, hoặc hơi thở lên... là nội phong giới”. Như vậy nếu ở trong tụ đây mà tướng kia khả đắc, thì nói tướng kia là có. Nếu tướng kia chẳng khả đắc, thì nói tướng kia là không.

Lại nữa, thanh ở trong tất cả tụ sắc, nương giới nên nói là có, tướng thì chẳng định được, do phương tiện hiện tại mà sanh vậy.

Gió có 2 chủng: thường hằng tương tục và không thường hằng tương tục. Thường hằng tương tục tức là ở tụ nào đó có gió xoáy hằng chuyển.

Không thường hằng tương tục tức là gió xoáy và gió di chuyển trong hư không.

Lại sắc tối và sắc sáng gọi là không giới và lỗ hổng. Lại sắc tối thường hằng tương tục là thế giới trung gian. Không thường hằng tương tục là ở các xứ còn lại. Lại sắc sáng thường hằng tương tục là ánh sáng tự nhiên của bầu trời, không thường hằng tương tục là các xứ còn lại.

Lại sắc sáng tối, nên biết tức là ở tụ hiển sắc tăng giảm vậy. Do nương vào công năng chủng tử của tụ sắc, nếu khi gặp duyên tương trợ, hoặc tụ nhỏ không gián đoạn thì tụ lớn sanh, hoặc tụ lớn không gián đoạn thì tụ nhỏ sanh. Do nhân duyên đây nên lập ra các tụ có tăng có giảm.

Như kinh nói: “Bền chắc, bền chắc nhiếp, cận nhiếp, chẳng phải cận nhiếp, chấp thọ...” cho đến nói rộng.

Sao gọi là bền chắc? Đó là đất (địa).

Sao gọi là bền chắc nhiếp? Là chủng tử của đất.

Lại bền chắc ấy tức là giới của đất. Bền chắc nhiếp tức là hoặc tóc, lông... hoặc đất cục...

Sao gọi là cận nhiếp? Là có chấp thọ.

Sao gọi là chấp thọ? Là nhiếp thuộc bên trong.

Sao gọi là chẳng phải cận nhiếp? Là không chấp thọ.

Sao gọi là không chấp thọ? Là nhiếp thuộc bên ngoài.

Lại tâm tâm sở, chỗ chấp giữ chủng tử gọi là cận nhiếp, gọi là chấp thọ. Trái với tướng đây gọi là chẳng phải cận nhiếp, gọi là không chấp thọ.

Lại triển chuyển theo đuổi tự thân gọi là cận nhiếp. Chấp thọ như trước đã nói.

Như địa giới, thì thủy giới... nên biết lý cũng vậy.

Lại nữa, ở trong tất cả tự sắc, ở tất cả thời đều có đầy đủ tất cả đại chủng giới. Như củi khô hiện thấy ở thế gian, nếu đem cọ xát lẫn nhau sẽ phát sanh lửa, hoặc lấy đá cọ xát nhau cũng sanh ra lửa; hoặc đồng, thiếc, vàng, bạc... đốt trên lửa nhiệt độ cao liền chảy tan thành nước, hoặc từ châu nguyệt ái nước chảy ra.

Lại người đã đắc thân thông, do lực thắng giải của tâm có thể biến đại địa thành vàng bạc...

Lại tự sắc có 3 chủng lưu chuyển: 1. Trưởng dưỡng; 2. Đẳng lưu; 3. Dị thực sanh.

- Trưởng dưỡng có 2 chủng: 1. Xứ biến khắp

trưởng dưỡng; 2. Tướng tăng thanh trưởng dưỡng.

- Đẳng lưu có 4 chủng: 1. Trưởng dưỡng đẳng lưu; 2. Dị thực đẳng lưu; 3. Biến đổi đẳng lưu; 4. Tự tánh đẳng lưu.

- Dị thực sanh có 2 chủng: 1. Thể dị thực sanh, gọi là dị thực sanh; 2. Từ dị thực sanh, cũng gọi là dị thực sanh.

Lại các tụ sắc nếu lược thuyết thì nương 6 xứ mà chuyển, bao gồm: kiến lập xứ, ngăn che xứ, vật dụng xứ, căn sở y xứ, căn xứ và tam-ma-địa sở hành xứ.

2. Do phẩm tâm, tâm sở:

Trong phẩm tâm tâm sở có tâm khả đắc và 53 tâm sở khả đắc. Đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ; tín, tầm quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại; tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, nghi; phẫn, hận, phú, nã, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại; không tầm, không quý; hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết; ác tác, thù miên, tầm, tứ.

Hỏi: Các tâm sở như vậy, bao nhiêu tâm sanh

nương tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả?

Đáp: Có 5 tâm, đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư.

Hỏi: Bao nhiêu tâm sanh nương tất cả xứ, tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Cũng có 5, đó là dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ.

Hỏi: Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương thiện, chẳng phải tất cả xứ, nhưng tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là tín, tà, quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, không hại.

Hỏi: Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương bất thiện, chẳng phải tất cả xứ, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, si, phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại, không tà, không quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết.

Hỏi: Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương tất cả xứ, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là ác tác, thù miên, tâm, tứ.

Lại nữa, căn không bị hư hoại, cảnh giới hiện ở trước, khởi tác ý đúng lúc, bấy giờ từ kia thức mới được sanh.

Sao gọi là căn không bị hư hoại? Có 2 chủng nhân: 1. Không bị hư hoại; 2. Không bị yếu kém.

Sao gọi là cảnh giới hiện ở trước? Hoặc do sở y xứ, hoặc do tự tánh, hoặc do phương, hoặc do thời, hoặc do hiển rõ, không hiển rõ, hoặc do toàn phần và một phần, hoặc không bị 4 chủng chướng làm chướng ngại, hoặc không ở quá xa. Bốn chủng chướng là: chướng ngăn che, chướng ẩn khuất, chướng ánh sáng bị đoạt mất, chướng mờ ảo. Quá xa có 2 chủng, đó là: nơi chốn quá xa và tổn giảm quá xa.

Sao gọi là khởi tác ý đúng lúc? Do 4 nhân: 1. Do lực muốn; 2. Do lực nhớ nghĩ; 3. Do lực cảnh giới; 4. Do lực huân tập rất nhiều.

- Do lực muốn: nếu đối với cảnh giới mà tâm có ái trước, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực nhớ nghĩ: nếu đối với cảnh giới đã nắm lấy tướng, đã nghĩ tướng rất nhiều, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực cảnh giới: nếu cảnh giới hoặc rất rộng

lớn, hoặc rất đẹp ý hiện ở trước, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực huân tập rất nhiều: nếu đối với cảnh giới đã thường xuyên tập quen rất nhiều, đã biết rõ ràng tất cả, tức là tâm đối với kia sanh nhiều tác ý. Nếu khác đây thì đối với một cảnh sở duyên, trong tất cả thời chỉ sanh một tác ý.

Lại không phải năm thức thân có hai sát-na tương ưng cùng sanh, cũng không phải triển chuyển không gián đoạn thay đổi lẫn nhau mà sanh.

Lại một sát-na của năm thức thân sanh rồi, tiếp tục không gián đoạn thì ý thức sanh. Từ đây không gián đoạn, nếu có tán loạn, thì hoặc nhĩ thức sanh, hoặc trong năm thức thân sẽ có một thức sanh. Nếu không tán loạn, trong tâm ý thức thứ hai quyết định sanh. Do hai ý thức tầm cầu và quyết định đây nên có sự phân biệt cảnh giới.

Lại do 2 chủng nhân là phân biệt và chỗ dẫn trước mà sanh nhiễm ô hoặc thiện pháp. Trong sở hữu ý thức thì đầy đủ cả 2 chủng nhân. Ở trong năm thức thì chỉ có chỗ dẫn trước. Vì cố sao? Do ý thức nhiễm ô và lực dẫn thiện, từ đây không gián đoạn ở trong nhãn thức cho đến thân thức sanh nhiễm ô

và thiện pháp chẳng do phân biệt, vì năm thức thân không phân biệt vậy. Do đạo lý đây nên nói nhãn thức cho đến thân thức theo ý thức mà chuyển, như kinh nói: “Khởi một tâm hoặc nhiều tâm”.

Sao gọi là đây an lập một tâm? Một sát-na tâm là nói theo thế tục, chẳng phải sát-na sanh khởi.

Sao gọi là một sát-na tâm nói theo thế tục? Là một xứ làm chỗ nương. Đối với một cảnh giới sự việc có sự liễu biệt sanh. Tất cả thời gian ấy gọi là một sát-na tâm.

Lại giống nhau tương tục thì cũng là một, vì niệm thứ hai rất giống niệm thứ nhất.

Lại khi ý thức nhậm vận theo tán loạn, không xuyên suốt duyên cảnh, thời không muốn sanh. Ngay lúc ấy ý thức được gọi là rơi vào tâm thoát hiện. Nếu năm thức thân không gián đoạn duyên cảnh quá khứ, tức sanh ý thức hoặc tầm cầu hoặc quyết định. Nhưng đây chỉ nói duyên cảnh hiện tại, tức năm thức đây duyên cảnh tại thời điểm đó sanh ý thức.

Lại tướng chung của thức là năng liễu biệt các sự: tức chỗ chưa liễu biệt cảnh tướng được nhận biết và chỗ liễu biệt cảnh tướng được nhận biết,

gọi là tác ý. Tức vừa ý, không vừa ý, hoặc ở giữa hai là do sự phân biệt của xúc. Tức nhiếp thọ, tổn hại, hoặc ở giữa hai là do sự phân biệt của thọ. Tức nhân tướng nói năng là do sự phân biệt của tướng. Tức nhân tướng hành tà, chánh, ở giữa hai là do sự phân biệt của tư.

Như vậy nên nói tác ý, xúc, thọ, tướng, tư, gọi là pháp sở hữu của tâm, khắp tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả sanh.

Tác ý là gì? Là tâm hồi chuyển.

Xúc là gì? Là ba hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là gì? Là lãnh nạp.

Tướng là gì? Là biết rõ ảnh tượng.

Tư là gì? Là tâm tạo tác.

Dục là gì? Là sự vui thích, rồi theo đó mà làm. Dục có tánh hành động.

Thắng giải là gì? Là đối với sự việc quyết định rồi theo đó mà làm, tánh năng tùy thuận.

Niệm là gì? Là xuyên xuyên tập quen đối với sự việc rồi theo đó mà làm, tánh ghi nhớ rõ ràng.

Tam-ma-địa là gì? Là đối với sự việc được quán sát rồi theo đó mà làm, tánh xem xét sâu một cảnh tâm sở y.

Tuệ là gì? Tức ở nơi sự việc quán sát rồi theo đó mà làm, tánh chọn lọc các pháp, hoặc do như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý, chẳng phải không như lý dẫn dắt.

Tác ý tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp dẫn dắt tâm.

Xúc tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của sự yêu thích.

Tưởng tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên khiến tâm phát khởi chủng chủng lời nói.

Tư tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp khiến phát khởi tâm tứ thân ngữ nghiệp..

Dục tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp phát động.

Thắng giải tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên, giữ gìn công đức, quá thất.

Niệm tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp nhớ nghĩ đối với việc đã suy nghĩ, đã làm, đã nói từ trước.

Tam-ma-địa tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của trí.

Tuệ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở hành hý luận nhiệm ô hoặc thanh tịnh, thuận

theo thúc đẩy tìm hiểu.

Sao gọi là kiến lập ba đời? Đó là các chủng tử chẳng là pháp, như pháp kiến lập. Lại do đã cho quả và chưa cho quả, tức là: tướng quả của các pháp đã diệt là quá khứ, tướng nhân chưa sanh là vị lai, tướng đã sanh chưa diệt là hiện tại.

Sao gọi là kiến lập sanh, lão, trụ, vô thường? Thúc tương tục ở trong tất cả xứ, có tất cả chủng tử tương tục đồng hành kiến lập. Đây là do có lực của duyên mà được kiến lập.

Trước pháp chưa tương tục sanh, nay bắt đầu sanh, gọi là tướng sanh hữu vi. Tánh đây bị biến đổi, gọi là tướng lão hữu vi. Tánh biến đổi lại có hai chủng: 1. Tánh biến đổi dị tánh; 2. Tánh biến đổi biến tánh. Do sanh giống nhau, nên lập là tánh biến đổi dị tánh. Do sanh không giống nhau, nên lập là tánh biến đổi biến tánh. Khi đã sanh, chỉ tùy chuyển theo sát-na sanh, nên gọi là tướng trụ hữu vi. Sau sát-na sanh, sát-na chẳng dừng lại, nên gọi là tướng vô thường hữu vi. Nói tóm lại, theo phạm vi phần vị sai biệt của các pháp mà kiến lập bốn tướng sai biệt.

Lại có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián

duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

- Nhân duyên: tức là chủng tử.

- Đẳng vô gián duyên: tức là thức đây không gián đoạn thì quyết định sanh các thức, vậy thức này là đẳng vô gián duyên của thức kia.

- Sở duyên duyên: tức là các tâm, tâm sở, cảnh giới sở duyên.

- Tăng thượng duyên: tức là trừ chủng tử, còn lại là sở y khác như nhãn... và pháp trợ bạn. Như nhãn thức, thì các thức còn lại cũng vậy. Lại tánh thiện thì giữ lấy quả đáng yêu thích, tánh bất thiện giữ lấy quả không đáng yêu thích. Hết thấy loại như vậy gọi là tăng thượng duyên.

Lại do chủng tử nên kiến lập nhân duyên. Do tự tánh nên kiến lập đẳng vô gián duyên. Do cảnh sở duyên nên kiến lập sở duyên duyên. Do sở y và trợ bạn nên kiến lập tăng thượng duyên.

Như kinh nói: “Các nhân, các duyên sanh ra thức”. Đây tức là 4 duyên đã nói ở trên. Một chủng nhân duyên, cũng là nhân cũng là duyên. Ba duyên còn lại chỉ là duyên.

Lại như kinh nói: “Thiện, bất thiện và vô ký”. Thiện, bất thiện, vô ký sai khác thế nào?

- *Pháp thiện:*

Hoặc lập một chủng: có nghĩa là vô tội.

Hoặc lập 2 chủng: thiện được sanh và thiện phương tiện.

Hoặc lập 3 chủng: thiện tự tánh, thiện tương ưng và thiện khởi tất cả.

Hoặc lập 4 chủng: thiện thuận phần phước, thiện thuận phần giải thoát, thiện thuận phần lyết trạch và thiện vô lậu.

Hoặc lập 5 chủng: thiện tánh thí, thiện tánh giới, thiện tánh tu, thiện quả ái, thiện quả lìa hệ buộc.

Hoặc lập 6 chủng: thiện sắc, thiện thọ, thiện tưởng, thiện hành, thiện thức và thiện trạch diệt.

Hoặc lập 7 chủng: thiện do niệm trụ nhiếp, thiện do chánh cần nhiếp, thiện do thần túc nhiếp, thiện do căn nhiếp, thiện do lực nhiếp, thiện do giác chi nhiếp, thiện do đạo chi nhiếp.

Hoặc lập 8 chủng: thiện do đứng dậy, đón tiếp, chấp tay, thăm hỏi, lễ kính nhiếp; thiện do tán thán kia diệu thuyết, xưng dương thật đức nhiếp; thiện do chăm sóc cấp dưỡng người bệnh nhiếp; thiện do cung kính phụng sự sư trưởng nhiếp; thiện

do tùy hỷ nhiếp; thiện do khuyến thỉnh nhiếp; thiện do hồi hướng nhiếp; thiện do tu vô lượng nhiếp.

Hoặc lập 9 chủng: thiện do phương tiện, vô ngại giải thoát, đạo thắng tiến nhiếp; thiện do đạo thế gian phẩm hạ, trung, thượng nhiếp; thiện do đạo xuất thế phẩm hạ, trung, thượng nhiếp.

Hoặc lập 10 chủng: thiện có nương, thiện không nương, thiện do văn sanh, thiện do tu sanh, thiện nhiếp thuộc luật nghi, thiện nhiếp thuộc chẳng phải luật nghi chẳng phải không luật nghi, thiện do căn bản quyền thuộc nhiếp, thiện do Thanh văn thừa nhiếp, thiện do Độc giác thừa nhiếp, thiện do Đại thừa nhiếp.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện hệ thuộc Dục giới, thiện hệ thuộc Sơ tinh lự, thiện hệ thuộc Đề nhị tinh lự, thiện hệ thuộc Đề tam tinh lự, thiện hệ thuộc Đề tứ tinh lự, thiện hệ thuộc Không vô biên xứ, thiện hệ thuộc Thức vô biên xứ, thiện hệ thuộc Vô sở hữu xứ, thiện hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, thiện do vô lậu nhiếp.

Lại hoặc lập 10 chủng: mười thiện nghiệp đạo.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện vô học, chánh

kiến cho đến chánh giải thoát, chánh trí.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện năng cảm tám phước sanh, Chuyển luân vương và thiện hưởng đến bất động.

Như vậy hết thấy các pháp thiện sai biệt tóm lược có 2 chủng nghĩa, đó là: nghĩa giữ lấy quả đáng yêu thích; nghĩa khéo biết rõ các sự việc và quả của kia.

- *Pháp bất thiện:*

Pháp bất thiện thì trái với pháp thiện và làm chướng ngại pháp thiện, tức là nghĩa giữ lấy quả không đáng yêu thích và nghĩa không khéo rõ biết các sự việc.

- *Pháp vô ký:*

Pháp vô ký lược có 4 chủng: dị thực sanh, một phần biểu hiện oai nghi, các việc công xảo và biến hóa.

Các việc công xảo nếu chỉ để nói cười đùa giỡn, chẳng vì mưu sinh, chẳng phải nghiệp huân tập tưởng, chẳng phải là chọn lựa, thì gọi là nhiễm ô, còn lại là vô ký. Như các việc công xảo, thì biểu hiện oai nghi cũng vậy. Biến hóa có 2 chủng là thiện và vô ký.

- *Mắt*:

Hoặc lập một chủng: nghĩa là năng thấy sắc.

Hoặc lập 2 chủng: mắt trưởng dưỡng, mắt dị thực sanh.

Hoặc lập 3 chủng: mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ.

Hoặc lập 4 chủng: mắt có nháy, mắt không nháy, mắt hằng tương tục, mắt không hằng tương tục. Mắt hằng tương tục tức là mắt Sắc giới.

Hoặc lập 5 chủng: nhiếp thuộc mắt của năm đường.

Hoặc lập 6 chủng: mắt tự tương tục, mắt do cái khác làm tương tục, mắt đoạn nghiêm, mắt xấu xí, mắt có cấu, mắt vô cấu.

Hoặc lập 7 chủng: mắt có thức, mắt vô thức, mắt mạnh mẽ, mắt yếu đuối, mắt nương nhận biết thiện, mắt nương nhận biết bất thiện, mắt nương nhận biết vô ký.

Hoặc lập 8 chủng: mắt là chỗ nương, mắt biến hóa, mắt do nghiệp thiện dị thực sanh, mắt do nghiệp bất thiện dị thực sanh, mắt do thức ăn mà được nuôi dưỡng, mắt do ngủ nghỉ mà được trưởng dưỡng, mắt do phạm hạnh mà được trưởng dưỡng, mắt do định mà được trưởng dưỡng.

Hoặc lập 9 chủng: mắt đã được, mắt chưa được, mắt từng được, mắt chưa từng được, mắt đã có được mà bị mất, mắt nên bỏ, mắt chẳng nên dứt bỏ, mắt đã dứt bỏ, mắt chẳng phải đã dứt bỏ.

Hoặc lập 10 chủng: không có.

Hoặc lập 11 chủng: mắt quá khứ, mắt vị lai, mắt hiện tại, mắt trong, mắt ngoài, mắt thô, mắt tế, mắt kém, mắt diệu, mắt xa, mắt gần.

- *Tai, mũi, lưỡi, thân:*

Như mắt, thì tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nhưng có ít phần sai khác. Tức là mỗi loại so với mắt, thì tăng thêm ba và tăng thêm bốn.

Tai: thêm 3 chủng là tai thịt bao quanh, tai trời, tai nghe sâu xa rành rẽ. Thêm 4 chủng: tai hằng tương tục, tai không hằng tương tục, tai nghe cao, tai nghe không cao.

Mũi: thêm 3 chủng là mũi tịnh sáng, mũi không tịnh sáng, mũi bị tổn hư. Thêm 4 chủng: mũi hằng tương tục, mũi không hằng tương tục, mũi có thức, mũi vô thức.

Lưỡi: thêm 3 chủng là lưỡi tịnh sáng, lưỡi không tịnh sáng, lưỡi bị tổn hư. Thêm 4 chủng: lưỡi hằng tương tục, lưỡi không hằng tương tục,

lưỡi có thức, lưỡi vô thức.

Thân: thêm 3 chủng là thân như uế, thân không như uế, thân triển chuyển theo đuổi các căn. Thêm 4 chủng: thân hằng tương tục, thân không hằng tương tục, thân có ánh sáng tự nhiên, thân không có ánh sáng tự nhiên.

- Ý:

Hoặc lập một chủng: có nghĩa là do nhận biết pháp.

Hoặc lập 2 chủng: ý rơi trong trường hợp thi thiết và không thi thiết. Ý ban đầu là hiểu rõ phân biệt tên gọi lời nói. Ý thứ hai là ý anh nhi. Lại ý ban đầu là ý thế gian. Ý thứ hai là ý xuất thế gian.

Hoặc lập 3 chủng: tâm, ý, thức.

Hoặc lập 4 chủng: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Hoặc lập 5 chủng, là năm vị sai biệt: vị nhân, vị quả, vị vui, vị khổ, vị không khổ không vui.

Hoặc lập 6 chủng: sáu thức thân.

Hoặc lập 7 chủng: nương bảy thức trụ.

Hoặc lập 8 chủng: tương ưng xúc tăng ngữ, tương ưng xúc có đối ngại, nương đấm trước, nương xuất ly, có vị ái, không vị ái, thế gian, xuất thế gian.

Hoặc lập 9 chủng: nương chín chỗ ở của hữu tình.

Hoặc lập 10 chủng: không có.

Hoặc lập 11 chủng: như trước đã nói.

Hoặc lập 12 chủng: tức là 12 tâm, bao gồm: tâm thiện, tâm bất thiện Dục giới, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký. Sắc giới có 3 tâm, trừ tâm bất thiện. Vô sắc giới cũng vậy. Tâm xuất thế gian có 2 chủng là học và vô học.

- *Sắc*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của mắt.

Hoặc lập 2 chủng: nội sắc, ngoại sắc.

Hoặc lập 3 chủng: hiển sắc, hình sắc, biểu sắc.

Hoặc lập 4 chủng: sắc có nương ánh sáng, sắc không nương ánh sáng, sắc có ánh sáng thẳng, sắc có ánh sáng không thẳng, sắc trụ tích tập.

Hoặc lập 5 chủng: do năm đường sai khác.

Hoặc lập 6 chủng: sắc do kiến lập nhiếp, sắc do ẩn giấu nhiếp, sắc do cảnh giới nhiếp, sắc thuộc trong số hữu tình, sắc thuộc trong số chẳng phải hữu tình, sắc có thể thấy có đối ngại.

Hoặc lập 7 chủng: do bảy chủng nhiếp thọ sự việc sai khác.

Hoặc lập 8 chủng: nương 8 tạp sắc thế gian,

đó là: tạp sắc của đất, tạp sắc của núi, tạp sắc của vườn rừng ao hồ, tạp sắc của cung điện nhà cửa, tạp sắc của nghề nghiệp, tạp sắc của tranh ảnh, tạp sắc của nghiệp rèn đúc, tạp sắc của vật dụng.

Hoặc lập 9 chủng: hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc diệu, hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập 10 chủng: mười chủng vật dụng.

- *Thanh*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của tai.

Hoặc lập 2 chủng: âm thanh rõ nghĩa, âm thanh không rõ nghĩa.

Hoặc lập 3 chủng: âm thanh do đại chủng lãnh thọ, âm thanh chẳng do đại chủng thọ, âm thanh do đại chủng thọ không phải đại chủng thọ.

Hoặc lập 4 chủng: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Hoặc lập 5 chủng: do năm đường sai khác.

Hoặc lập 6 chủng: âm thanh thọ trì đọc tụng, âm thanh thưa hỏi, âm thanh thuyết pháp, âm thanh nghị luận quyết trạch, âm thanh triển chuyển lời dạy, hoặc hủy phạm, hoặc ra khỏi, âm thanh ồn tạp.

Hoặc lập 7 chủng: âm thanh nam, âm thanh

nữ, âm thanh thấp, âm thanh trung bình, âm thanh cao, âm thanh chim thú... âm thanh của gió rừng.

Hoặc lập 8 chủng: âm thanh 4 lời thánh dạy, âm thanh chẳng phải 4 lời thánh dạy.

- Bốn lời không phải thánh dạy: không thấy nói thấy, thấy nói không thấy; không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; không hiểu nói hiểu, hiểu nói không hiểu; không biết nói biết, biết nói không biết.

- Bốn lời thánh dạy: thấy nói thấy, không thấy nói không thấy; nghe nói nghe, không nghe nói không nghe; hiểu nói hiểu, không hiểu nói không hiểu; biết nói biết, không biết nói không biết.

Lại lập 8 chủng: 4 lời nghiệp đạo thiện, 4 lời nghiệp đạo bất thiện.

Hoặc lập 9 chủng: âm thanh quá khứ, vị lai, hiện tại... cho đến âm thanh hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập 10 chủng: âm thanh do 5 âm của nhạc, đó là: âm thanh cùng với múa, âm thanh cùng với hát, âm thanh cùng với sáo và đàn, âm thanh cùng với tiếng người con gái, âm thanh cùng với tiếng người con trai, âm thanh cùng với loa ốc, âm thanh cùng với tiếng yêu cổ, âm thanh cùng với tiếng cương cổ, âm thanh cùng với tiếng đô đàn

cổ, âm thanh của hát bội.

- *Hương*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của mũi.

Hoặc lập 2 chủng: hương trong và hương ngoài.

Hoặc lập 3 chủng: hương vừa ý, hương không vừa ý, hương ở khoảng giữa.

Hoặc lập 4 chủng: hương của bốn đại, đó là hương trầm, hương tốt-đỏ-lở-ca, hương long não, hương xạ.

Hoặc lập 5 chủng: hương rễ, hương thân, hương lá, hương hoa, hương quả.

Hoặc lập 6 chủng: hương thức ăn, hương thức uống, hương quần áo, hương đồ trang sức, hương xe, hương cung điện nhà ở.

Hoặc lập 7 chủng: hương vỏ, hương lá, hương tô-khấp-mê-la, hương chiên-đàn, hương tam tân, hắc hương, mặt hương.

Hoặc lập 8 chủng: hương cùng sanh, hương không cùng sanh, hương hằng tương tục, hương không hằng tương tục, hương tạp, hương thuần, hương nồng nặc, hương không nồng nặc.

Hoặc lập 9 chủng: hương quá khứ, vị lai, hiện tại... như trước đã thuyết.

Hoặc lập 10 chủng: hương nam, hương nữ, hương một ngón tay, hương hai ngón tay, hương nước miếng, hương nước mũi, hương mỡ, hương tủy, hương mủ, hương máu, hương thịt, hương lộn xộn, hương mùi sên sệt.

- Vị:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của lưỡi.

Hoặc lập 2 chủng: vị trong và vị ngoài.

Hoặc lập 3 chủng: vị vừa ý... như trước đã nói.

Hoặc lập 4 chủng: vị đại mạch, vị lúa nếp, vị tiểu mạch, vị những giống lúa dỏ khác.

Hoặc lập 5 chủng: vị rượu uống, vị không phải rượu uống, vị các loại rau, vị trái cây, vị thức ăn.

Hoặc lập 6 chủng: vị ngọt, đắng, chua, cay, mặn, lạt.

Hoặc lập 7 chủng: vị thô, vị dầu, vị mật, vị đường mía, vị pho-mát, vị mặn, vị thịt.

Hoặc lập 8 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 9 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 10 chủng: vị có thể thưởng thức, vị có thể nhai, vị có thể ném, vị có thể uống, vị có thể mút, vị phơi khô, vị đầy đủ, vị ngon hơn, vị gột rửa, vị thường tập quen (năm vị sau là các vị cỏ thuốc).

- *Xúc*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của thân.

Hoặc lập 2 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 3 chủng: xúc vừa ý...

Hoặc lập 4 chủng: xúc chạm, xúc nắm, xúc đánh, xúc mài.

Hoặc lập 5 chủng: năm đường sai biệt. Lại hoặc lập 5 chủng: xúc do muối mòng, bọ chét, rận, rần, bọ cạp gây ra.

Hoặc lập 6 chủng: xúc khổ, vui, không khổ không vui, đồng sanh, nhiếp sở trị, nhiếp năng trị.

Hoặc lập 7 chủng: xúc rắn chắc, xúc ẩm ướt, xúc ẩm áp, xúc động đập, xúc nhẩy té, xúc xoa ấn, xúc thân biến đổi khác, tức là trơn, ẩm...

Hoặc lập 8 chủng: xúc do tay chạm, xúc do cục khối, xúc do gậy, xúc do dao, xúc do khí lạnh, xúc do hơi ấm, xúc do đói, xúc do khát.

Hoặc lập 9 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 10 chủng: xúc ăn, xúc uống, xúc xe, xúc quần áo, xúc vật dụng giường, xúc ghế, xúc bậc đá đài ấn tòa gỗ, xúc nữ, xúc nam, xúc thọ dụng nữ nam hòa hợp.

- *Pháp:*

Lại tóm lược pháp giới hoặc giả, hoặc thật, có 87 pháp. Tám mươi bảy pháp ấy là gì?

- Pháp sở hữu của tâm có 53, từ tác ý... cho đến cuối cùng là tâm, tứ.

- Pháp xứ thu nhiếp sắc có 2 chủng: sắc nhiếp thuộc luật nghi, không luật nghi và sắc sở hành tam-ma-địa.

- Hành không tương ưng có 24 chủng: đắc vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực, mạng căn, chúng đồng phận, tánh dị sanh, sanh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tốc, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp.

- Vô vi có 8 sự: hư không, phi trạch diệt, pháp thiện, bất thiện, vô ký, chân như, bất động, diệt thọ tướng. Vô vi như vậy nói rộng thì có 8, nhưng nói lược thì chỉ có 6. Hoặc 6 hoặc 8 đều như nhau không có sai khác.

Lại nữa, hoặc lập 1 chủng pháp giới: là nghĩa sở hành của ý.

Hoặc lập 2 chủng: pháp nhiếp thuộc giả mượn và pháp nhiếp thuộc không phải giả mượn.

Hoặc lập 3 chủng: hữu sắc, vô sắc và hữu vi vô vi.

Hoặc lập 4 chủng: pháp nhiếp thuộc giả mượn hữu sắc, pháp nhiếp thuộc sở hữu tâm vô sắc, pháp nhiếp thuộc giả mượn không tương ứng vô sắc, pháp nhiếp thuộc giả mượn chẳng phải giả mượn vô sắc vô vi.

Hoặc lập 5 chủng: pháp sở hữu sắc tâm, tâm hành bất tương ứng, thiện, vô ký, vô vi.

Hoặc lập 6 chủng: thọ, tưởng, hành tương ứng, hành không tương ứng, sắc, vô vi.

Hoặc lập 7 chủng: thọ, tưởng, tư, nhiễm ô, không nhiễm ô, sắc, vô vi.

Hoặc lập 8 chủng: thiện, bất thiện, vô ký, thọ, tưởng, hành, sắc, vô vi.

Hoặc lập 9 chủng: do quá khứ, vị lai... sai khác.

Hoặc lập 10 chủng: do 10 chủng nghĩa, đó là: nghĩa triển chuyển theo sanh, nghĩa lãnh thọ sở duyên, nghĩa giữ lấy tướng sở duyên, nghĩa đối với sở duyên mà có làm tạo, nghĩa các pháp kia phần vị sai biệt, nghĩa không chướng ngại, nghĩa thường là buộc, nghĩa thường không là buộc, nghĩa thường không điên đảo, nghĩa khổ vui là buộc, nghĩa chẳng

phải thọ lìa buộc, nghĩa thọ lìa buộc.

Như vậy, pháp nhiếp thuộc 6 xứ phân biệt sai khác, hoặc trong, hoặc ngoài, có 660 chủng.

Lại nữa, luôn luôn quán sát các sắc, thấy rồi lại xả, nên gọi là mắt. Luôn luôn theo dõi tiếng cho đến năng nghe, nên gọi là tai. Luôn luôn năng ngửi các hương, nên gọi là mũi. Năng trừ đói gầy, luôn luôn phát lời bàn luận, khen ngợi, kêu gọi, nên gọi là lưỡi. Chỗ nương của các căn, phân bố ở vị trí riêng khác, nên gọi là thân. Ngu phu trong đêm dài chỉ biết trang sức thân này, kế chấp cho là cái mình có, lấy làm ngã, ngã sở. Lại các thế gian nương đây giả lập chủng chủng danh tướng, đó là: hữu tình, người, mạng giả, sanh giả, ý sanh, nho đồng... cho nên gọi là ý.

Luôn hiển hiện phương đây, xứ đây, hình chất, kích thước có thể tăng trưởng, nên gọi là sắc. Hay ban bố, từ tạ, nói bàn, nên gọi là âm thanh. Lìa chất, ẩn hình, theo gió chuyển, nên gọi là hương. Lưỡi có thể nếm, luôn tự rước lấy bệnh khổ, nên gọi là vị. Lớp lớp thân có thể cảm nhận được, nên gọi là xúc. Có khả năng giữ gìn cảnh tánh của ý, nên gọi là pháp.

Hết thấy loại như vậy là các pháp sai biệt, phải nên rõ biết.

3. Do vô vi:

Nên biết như đã nói ở trên, trong phần *Pháp*.
Ốt-Đà-Nam trùng tuyên kệ:

*Tự tánh và sở y,
Sở duyên, trợ bạn, nghiệp.
Do năm chủng môn này
Các tâm chuyển sai khác.*

Trong đây nêu rõ do 5 pháp nên có 6 thức thân sai biệt chuyển, bao gồm: tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp.

Lại nữa, cũng cần biết về nhiếp uẩn thiện xảo, nhiếp giới thiện xảo, nhiếp xứ thiện xảo, nhiếp duyên khởi thiện xảo, nhiếp xứ phi xứ thiện xảo, nhiếp căn thiện xảo.

Lại nữa, ngôn ngữ chư Phật nhiếp lấy 9 việc. Chín việc là gì? 1. Việc hữu tình; 2. Việc thọ dụng; 3. Việc sanh khởi; 4. Việc an trụ; 5. Việc nhiễm tịnh; 6. Việc sai khác; 7. Việc người thuyết; 8. Việc được thuyết; 9. Việc chúng hội.

Việc hữu tình: là 5 thủ uẩn.

Việc thọ dụng: là 12 xứ.

Việc sanh khởi: là 12 phần duyên khởi và duyên sanh.

Việc an trụ: là 4 thực.

Việc nhiễm tịnh: là bốn thánh đế.

Việc sai khác: là vô lượng giới.

Việc người thuyết: là Phật và đệ tử Phật.

Việc được thuyết: là bốn niệm trụ... cho đến pháp Bồ-đề phân.

Việc chúng hội: là 8 thánh chúng: 1. Chúng Sát-đế-lợi; 2. Chúng Bà-la môn; 3. Chúng Trưởng giả; 4. Chúng Sa-môn; 5. Chúng Tứ đại thiên vương; 6. Chúng Tam thập tam thiên; 7. Chúng Diệm ma thiên; 8. Chúng Phạm thiên.

Lại Ốt-Đà-Nam nói:

*Tụ sắc, phẩm tương ưng,
Tướng thế gian và duyên,
Thiện thấy môn sai biệt,
Thiện xảo, sự rốt sau.*



Quyển 4

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA Phần 1

Như vậy đã thuyết Ý địa. Sao gọi là *Có tâm có tử địa*? Sao gọi là *Không tâm chỉ có tử địa*? Sao gọi là *Không tâm không tử địa*?

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Giới, tướng, như lý, không như lý,
Tạp nhiễm thấy khởi là rốt sau.*

Ba địa như thế lược lấy 5 môn để thi thiết kiến lập. Những gì là năm? **A.** Dùng giới; **B.** Dùng tướng; **C.** Dùng như lý tác ý; **D.** Dùng không như lý tác ý; **E.** Dùng hết thấy tạp nhiễm khởi.

A. Dùng giới để thi thiết kiến lập ba địa:

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Số, xứ, lượng, thọ, thọ dụng, sanh,
Tự thể, phân biệt nhân duyên quả.*

Nên biết giới đây do 8 tướng mà được kiến lập: **1. Số**; **2. Xứ**; **3. Kích thước của hữu tình**; **4. Tuổi thọ của hữu tình**; **5. Thọ dụng của hữu tình**; **6. Sanh**; **7. Tự thể**; **8. Nhân, duyên, quả.**

1. Số kiến lập giới:

Lược có 3 giới là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Ba chủng như vậy gọi là đọa nhiếp giới.

Chẳng phải đọa nhiếp giới, đó là phương tiện, bao gồm: thân diệt, vô hý luận, vô lậu giới. Trong đây, Dục giới và Sắc giới Sơ tinh lự, trừ tinh lự trung gian hoặc định hoặc sanh, thì gọi là Có tâm có tứ địa. Nếu tinh lự trung gian hoặc định hoặc sanh, thì gọi là Không tâm chỉ có tứ địa; hữu tình nếu tu Không tâm chỉ có tứ đây sẽ được làm Đại phạm. Từ Đệ nhị tinh lự trở lên, Hữu sắc giới và Vô sắc giới đều gọi là Không tâm không tứ địa. Trong đây do đạo lý lìa dục tâm tứ mà nói là Không tâm không tứ địa, chẳng phải do không hiện hành tâm tứ vậy. Vì cơ sao? Người chưa ly dục Dục giới, do tác ý dẫn đạo sai khác, ở một thời gian cũng có ý không tâm không tứ hiện hành. Người đã lìa dục tâm tứ cũng có tâm tứ hiện hành. Như người lúc ra khỏi định kia và

sanh về cõi kia, nếu là định hữu vi vô lậu giới nhiếp thuộc Sơ tinh lự, thì cũng gọi là Có tâm có tứ địa. Vì nương pháp xứ tâm tứ, duyên chân như làm cảnh mà nhập định đây, vì chẳng do phân biệt hiện hành, còn lại như trước thuyết.

2. Xứ sở kiến lập giới:

- Ở trong Dục giới có 36 xứ, đó là 8 Đại địa ngục. Những gì là tám? 1. Đẳng hoạt; 2. Hắc thăng; 3. Chúng hợp; 4. Hiệu khiếu; 5. Đại hiệu khiếu; 6. Thiêu nhiệt; 7. Cự thiêu nhiệt; 8. Vô gián. Các Đại địa ngục đây rộng 10.000 du-thiện-na.

Phía ngoài lại có 8 Hàn địa ngục. Những gì là tám? 1. Phủng da địa ngục; 2. Phủng vỡ địa ngục; 3. Hát-triết-hổ địa ngục; 4. Hách-hách-phàm địa ngục; 5. Hổ-hổ-phàm địa ngục; 6. Sen xanh địa ngục; 7. Sen hồng địa ngục; 8. Sen hồng lớn địa ngục.

Từ đây đi xuống 32.000 du-thiện-na sẽ đến Đẳng hoạt địa ngục. Rồi từ đây lại cách 4.000 du-thiện-na có địa ngục khác. Như cõi Đẳng hoạt địa ngục, thì cõi Hàn địa ngục đầu tiên cũng vậy. Rồi từ đây lại cách 2.000 du-thiện-na, nên biết có các địa ngục khác.

Lại có xứ sở của loài ngựa quý. Lại có xứ sở của loài phi thiên. Bàn sanh, người và trời đồng một xứ sở, nên không kiến lập riêng.

Lại có 4 đại châu như trước thuyết. Lại có 8 trung châu.

Lại trời Dục giới có 6 xứ: 1. Trời Tứ đại vương chúng; 2. Trời Tam thập tam; 3. Trời Thời phân; 4. Trời Tri túc; 5. Trời Hóa lạc; 6. Trời Tha hóa tự tại.

Lại có thiên cung Ma-la thuộc trời Tha hóa tự tại, nhưng xứ sở cao hơn.

Lại có Độc nhất địa ngục và Cận biên địa ngục, do giáp ranh với hai địa ngục là Đại địa ngục và Hàn địa ngục, nên không lập xứ riêng.

Lại trong cõi người cũng có một phần Độc nhất địa ngục, như Tôn giả Thủ Duyên Đâu Tử nói: “Ta thấy các hữu tình bị thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp, gom lại là một nhóm thiêu đốt”.

Hết thấy 36 xứ như vậy gọi là Dục giới.

- Ở trong Sắc giới có 18 xứ, đó là 3 cõi trời Phạm chúng, Phạm thiên ích, Đại phạm, do huân tu Sơ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Thiếu quang, Vô lượng quang, Cực

tịnh quang, do huân tu Đệ nhị tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, do huân tu Đệ tam tinh lự phẩm hạ, trung thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Vô vân, Phước sanh, Quảng quả, do huân tu Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành. Trời Vô tướng thuộc trời Quảng quả, không phải một xứ riêng khác.

Có 5 tịnh cung là nơi chư Thánh dừng ở, nhưng không cùng sống chung là Vô phiến, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh. Năm xứ này do tạp huân tu Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng rất tối thượng thù thắng.

Lại vượt qua xứ tịnh cung, là đến trụ xứ Đại tự tại. Đây có Bồ-tát thập địa, do cực huân tu địa thứ mười mà được sanh về đây.

- Ở trong Vô sắc giới có 4 xứ sở, hoặc không có xứ sở.

3. Kích thước của hữu tình kiến lập giới:

Người ở Thiệm-bộ châu thân hình không nhất định, hoặc có lúc cao lớn, hoặc có lúc thấp nhỏ.

Nhưng tùy theo khủy tay của mỗi người, kích thước thân hình là 3 khủy tay rưỡi.

Người ở Đông-tì-đề-ha châu thân hình nhất định, cũng cao 3 khủy tay rưỡi theo chiều dài của khủy tay mình. Nhưng hữu tình châu này thân hình cao lớn.

Như thân hình ở Đông-tì-đề-ha, người ở Tây-cù-đa-ni châu và Bắc-câu-lô châu thân hình cũng vậy nhưng cao lớn hơn.

Thân hình trời Tứ đại vương chúng bằng một phần tư câu-lô-xá. Thân hình trời Tam thập tam lại tăng thêm một chân (từ đầu gối trở xuống). Thân hình trời Đế thích bằng nửa câu-lô-xá. Thân hình trời Thời phân cũng bằng nửa câu-lô-xá. Tất cả kích thước thân hình của các cõi trời khác, mỗi cõi tăng dần thêm một chân.

Thân hình trời Phạm chúng bằng nửa du-thiện-na. Thân hình trời Phạm thiên ích là 1 du-thiện-na. Thân hình trời Đại phạm bằng 1 du-thiện-na rưỡi. Thân hình trời Thiếu quang bằng 2 du-thiện-na. Thân hình của tất cả trời còn lại, mỗi mỗi cõi trời dần tăng phân nửa du-thiện-na. Trừ trời Vô vân, nên biết trời kia thân hình giảm 3 du-thiện-na.

Lại Đại địa ngục thân hình của hữu tình không nhất định. Nếu kẻ gây tạo và khiến tăng trưởng nghiệp ác bất thiện cực nặng, kia sẽ cảm kích thước thân hình rộng lớn, còn lại thì chẳng vậy.

Như Đại địa ngục, thì Hàn địa ngục, Độc nhất địa ngục, Cận biên địa ngục, bàng sanh và ngạ quỷ nên biết cũng vậy.

Thân hình của các phi thiên lớn nhỏ cũng như trời Tam thập tam.

Vô sắc giới vì không có sắc nên không có kích thước thân hình.

4. Tuổi thọ của hữu tình kiến lập giới:

Người Nam thiệm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Ở cõi người lấy 30 ngày đêm làm một tháng, 12 tháng làm 1 tuổi. Hoặc có lúc thọ vô lượng tuổi, hoặc có lúc thọ 80.000 tuổi, hoặc có lúc tuổi thọ giảm dần cho đến 10 tuổi. Người Đông tỳ-đề-ha châu tuổi thọ nhất định là 250 tuổi. Người Tây cù-đa-ni châu tuổi thọ nhất định là 500 tuổi. Người Bắc câu-lô châu tuổi thọ nhất định là 1.000 tuổi.

Lại 50 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tứ đại vương chúng. Lấy ngày đêm đây tính 30

ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 500 tuổi. Lại 100 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tam thập tam, lấy ngày đêm đây như trước đã thuyết, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 1.000 năm.

Như vậy, các cõi trời còn lại cho đến trời Tha hóa tự tại, ngày đêm và tuổi thọ cứ dần dần tăng gấp đôi so với cõi trời trước.

Lại trời Tứ đại vương chúng đầy đủ tuổi thọ là 500 năm, thì Đẳng hoạt địa ngục là 1 ngày 1 đêm. Tức lấy ngày đêm đây tính 30 ngày làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm thì Đại địa ngục kia tuổi thọ 500 năm.

Như lấy tuổi thọ của Tứ đại vương chúng thành tuổi thọ của Đẳng hoạt Đại địa ngục, thì lấy tuổi thọ của trời Tam thập tam thành tuổi thọ của Hắc thằng Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Thời phân thành tuổi thọ của Chúng hợp Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Tri túc thành tuổi thọ của Hiệu khiêu Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Hóa lạc thành tuổi thọ của Đại hiệu khiêu Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Tha hóa tự tại thành tuổi thọ của Thiêu nhiệt Đại địa ngục nên biết cũng vậy.

Hữu tình của Cực thiêu nhiệt Đại địa ngục thọ nửa trung kiếp. Hữu tình của Vô gián Đại địa ngục thọ một trung kiếp.

Lại Hàn địa ngục đối với Đại địa ngục theo thứ lớp tuổi thọ so với nhau gần bằng một nửa.

Lại hữu tình thọ sanh ở Cận biên địa ngục và Độc nhất địa ngục tuổi thọ không nhất định.

Tuổi thọ của phi thiên cũng như trời Tam thập tam. Bằng sanh và ngã quỷ tuổi thọ không nhất định.

Lại hữu tình của trời Phạm chúng thọ mạng một kiếp là 20 trung kiếp. Hữu tình của trời Phạm thiên ích thọ mạng một kiếp là 40 trung kiếp. Hữu tình của trời Đại phạm thọ mạng một kiếp là 60 trung kiếp. Hữu tình của trời Thiểu quang thọ mạng hai kiếp là 80 trung kiếp. Từ đây trở lên, cõi trời Sắc giới còn lại thọ mạng so với nhau mỗi mỗi dần dần tăng gấp bội. Chỉ trừ Vô vân, nên biết trời kia thọ mạng giảm 3 kiếp. Không vô biên xứ thọ 20.000 kiếp. Thúc vô biên xứ thọ 40.000 kiếp. Vô sở hữu xứ thọ 60.000 kiếp. Phi tướng phi phi tướng xứ thọ 80.000 kiếp.

Trừ Bắc câu-lô châu, tất cả xứ còn lại đều có

trường hợp chết yếu. Lại người, quý, bàng sanh thú khi chết có thân cận bã còn sót lại. Cõi trời và địa ngục thì thân và thức đều mất, không còn sót lại thân cận bã.

5. Thọ dụng của hữu tình kiến lập giới:

Lược có 3 chủng: **a.** Thọ dụng khổ vui; **b.** Thọ dụng ăn uống; **c.** Thọ dụng dâm dục.

a. Thọ dụng khổ vui:

Hữu tình na-lạc-ca phần nhiều chịu nhiều sự khổ cùng cực do bị trừng phạt. Hữu tình bàng sanh phần nhiều chịu sự khổ do ăn nuốt lẫn nhau. Hữu tình ngã quý phần nhiều chịu sự khổ do rất đói khát. Hữu tình cõi nhân gian phần nhiều chịu sự khổ do thiếu thốn, mong cầu chủng chủng thứ. Hữu tình cõi trời phần nhiều chịu sự khổ do tướng suy hao và khi chết bị đọa xuống.

Lại ở trong Đẳng hoạt Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều sự khổ trị phạt. Đó là hữu tình kia nghiệp tăng thượng mà tụ tập cùng sanh nơi đây, mới có chủng chủng dụng cụ hành khổ thứ lớp phát sanh. Chúng lại giết hại lẫn nhau, bầm thân phơi nơi đất. Lúc ấy trong hư không phát ra tiếng lớn xướng lời

như vậy: “Các hữu tình kia phải trở lại Đẳng hoạt! Trở lại Đẳng hoạt!”. Thế rồi hữu tình kia bỗng nhiên tỉnh dậy, lại có dụng cụ hành khổ và giết hại tương tàn nhau như trước đã thuyết. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Đẳng hoạt Đại địa ngục.

Lại ở trong Hắc thằng Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều khổ trị phạt đau đớn. Đó là hữu tình ở đây phần nhiều bị ngục tốt của địa ngục ấy bắt trói, lấy dây đen xâu kết dính lại, hoặc căng ra làm bốn phương, hoặc làm tám phương. Chúng đã bị xâu kết dính lại, tùy theo chỗ của mình hoặc bị đục, hoặc bị đẽo, hoặc bị chặt, hoặc bị khoét. Do hết thấy chủng chủng nhân duyên như vậy trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Hắc thằng Đại địa ngục.

Lại ở trong Chúng hợp Đại địa ngục, hữu tình phần nhiều chịu khổ trị phạt rất nặng. Đó là khi các hữu tình tụ tập, bấy giờ có ngục tốt của địa ngục ấy bắt trói, lừa ép vào núi lớn hai đầu dê sắt. Kia đã vào rồi hai đầu núi ép lại, khiến tất cả máu huyết

phun vọt ra. Như núi hai đầu dê sắt, thì núi hai đầu dê cái sắt, núi hai đầu ngựa sắt, núi hai đầu voi sắt, núi hai đầu sư tử sắt, núi hai đầu hổ sắt cũng vậy. Kế đến lại khiến hữu tình kia gom lại, bỏ vào trong cái máng sắt lớn và ép lại như ép mía, khiến máu huyết tuôn trào ra. Sau đó tiếp tục gom trở lại, bấy giờ có núi sắt lớn từ trên rơi xuống khiến hữu tình kia bị té nhào trên mặt đất bằng sắt, hoặc bị chặt, hoặc bị đâm, hoặc bị giã, hoặc bị chia cắt, khiến máu huyết tuôn chảy. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo ra từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Chúng hợp Đại địa ngục.

Lại ở trong Hiệus khiếus Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều trị phạt khổ rất nặng. Đó là hữu tình kia tìm cầu nhà cửa nên bị đưa vào trong nhà sắt lớn. Lùa kia vào rồi, liền nổi lửa lên thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp. Do bị thiêu đốt, thống khổ bức thiết phát tiếng kêu gào. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Hiệus khiếus Đại địa ngục.

Lại ở trong Đại hiệus khiếus Đại địa ngục, hữu

tình thọ khổ nào có sự sai khác so với các địa ngục trước. Đó là nhà cửa trong đây như bào thai, cho nên địa ngục đây gọi là Đại hiệu khiếu.

Lại ở trong Thiêu nhiệt Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều khổ trị phạt rất nặng. Đó là các hữu tình bị ngục tốt của địa ngục đây bắt trói, đặt lên tấm vỉ sắt rộng vô lượng du-thiện-na để thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp, nướng khô rồi lật qua lật lại khiến trong ngoài đều bị cháy đen. Lại như nướng cá, dùng cây chĩa ba bằng sắt thọc xuyên từ dưới lên trên đỉnh đầu rồi lật qua lật lại nướng, khiến các căn và các lỗ chân lông của hữu tình thủy đều phun lửa. Lại đặt hữu tình trên đất bằng sắt lớn đốt cháy, đốt cháy cực độ, đốt cháy cực độ khắp. Lại lật ngửa hoặc lật sấp đốt nóng, cực nóng, khắp cực thiêu nóng, rồi dùng chùy sắt lớn hoặc đánh, hoặc giã, khiến thân hình nát như thịt đập. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện tạo ra từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Thiêu nhiệt Đại địa ngục.

Lại ở trong Cực thiêu nhiệt Đại địa ngục, khổ nào hữu tình phải chịu có sự sai khác so với Thiêu

hiệt địa ngục. Đó là ngục tốt lấy cây chia ba bằng sắt rất nóng, xuyên từ dưới thông lên đến hai bắp tay và đỉnh đầu. Do nhân duyên đây mắt, tai, mũi, miệng và các lỗ chân lông lửa phun ra dữ dội. Lại lấy lá đồng, lá sắt to lớn nung thật nóng, bọc khắp thân hữu tình. Lại lộn ngược hữu tình bỏ vào nồi sắt lớn đầy tràn nước tro đun nóng cực độ để hầm nấu. Nước sôi trào lên khiến hữu tình đây hoặc nổi hoặc chìm cuộn theo chiều nước sôi, máu thịt và các chi phần gân, tủy... đều nát nhừ, chỉ còn xương vụn. Ngục tốt lại tìm vớt ra đem đặt trên đất bằng sắt khiến da thịt và máu gân sanh lại như cũ, rồi đem bỏ lại trong nồi sắt... Còn lại như trong Thiêu nhiệt đại địa ngục đã nói. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Cực thiêu nhiệt Đại địa ngục.

Lại ở trong Vô gián Đại địa ngục, hữu tình chịu khổ trị phạt rất nặng. Đó là qua phương đông nhiều trăm du-thiện-na, trên mặt đất bằng sắt lớn rất nóng, nóng cực độ, nóng cực độ khắp, có lửa bùng cháy dữ dội bay đến hữu tình kia xuyên vào da thịt, bứt gân phá xương, hủy hoại tủy, khiến

thân hữu tình cháy rực như cây đuốc bằng mỡ, toàn thân đều thành ngọn lửa mạnh. Như ở phương đông thì phương nam, tây, bắc cũng lại như vậy. Do nhân duyên đây các hữu tình kia cùng ngọn lửa mạnh hòa tạp với nhau, chỉ thấy lửa từ bốn phương tụ lại cháy mạnh không dứt. Sự thống khổ phải chịu không phút tạm dừng, chỉ do nghe trong ấy vang tiếng khổ kêu gào thảm thiết mà biết là có chúng sanh. Lại dùng nia sắt tròn đầy tràn than rực lửa, cực nóng, cực nóng khắp đốt nướng hữu tình cháy thành tro. Lại đặt chúng trên đất bằng sắt nóng, bắt trèo lên núi sắt cháy đỏ, lên rồi lại xuống, xuống rồi lại lên. Từ trong miệng kéo lưỡi căng ra, dùng trăm đinh sắt đóng vào cho đến không có một nếp nhăn gấp như căng da trâu. Lại bắt nằm ngửa trên đất bằng sắt nóng, lấy kèm sắt cháy đỏ kẹp miệng bắt hở ra, rồi lấy hòn sắt đỏ lớn rất nóng, nóng cực độ, nóng cực độ khắp bỏ vào trong miệng, tức thì miệng bốc cháy, qua yết hầu rồi thẳng tạt phủ theo đường dưới ra ngoài. Lại lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng đốt cháy miệng, qua yết hầu rồi đến tạt phủ theo đường dưới ra ngoài. Khổ nào còn lại như Cực nhiệt đại địa

ngục đã nói. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Vô gián địa ngục, phần nhiều kẻ tạo nghiệp vô gián sẽ đến sanh trong đây. Đây chỉ lược nói những khổ cụ thô, ở trong đại địa ngục chẳng phải chỉ có vậy, còn có nhiều chủng chủng khổ cụ mà chẳng thể kể ra.

Lại ở trong Cận biên địa ngục, các loại hữu tình thọ khổ trị phạt rất nặng. Đó là trong tất cả các Đại địa ngục bốn hướng có bốn bức tường cao vây quanh bằng sắt, có bốn cửa ra vào. Hữu tình chạy ra theo bốn cửa bốn hướng. Bên ngoài mỗi một cửa có bốn khu vườn. Ban đầu là vườn tro nóng ngang đầu gối. Các hữu tình kia chạy ra vì tìm cầu nhà ở mà đến đây, dưới chân da thịt máu huyết khắp đều nát như, khi cất bước thì chân sanh trở lại như cũ. Kế vườn tro nóng không gián đoạn lại có đầm bùn phần xác chết. Các hữu tình vì cầu nhà ở nên từ cửa thành đi ra sập vào đầm này. Đầu chân đều chìm trong hố phần xác chết. Có các loại trùng nhiều chân gọi là nương-tri-tóa xuyên da vào thịt, cắt gân phá xương lấy tủy mà ăn. Kế đầm bùn phần xác chết không gián đoạn, lại có đao kiếm

chĩa mũi nhọn làm đường. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở từ thành kia đi đến đây, khi đặt chân xuống thì da thịt gân máu thấy đều bị chém nát như, khi cất chân lên liền lành lại như cũ. Kế đường đao kiếm không gián đoạn lại có rừng lá đao. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở nên từ cửa thành kia chạy ra, đến núp dưới bóng cây mát. Mới vừa ngồi xuống, gió liền thổi đao kiếm rơi xuống cắt chặt thân thể, khiến tất cả các chi phần thân thể văng đầy đất... có chó Hắc ly cắn xé mà ăn. Từ rừng lá đao không gián đoạn, có rừng cây lập-mạt-lê bằng sắt. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở chạy đến leo lên cây. Đương lên thì tất cả đầu lá nhọn thấy đều đâm xuống, khi muốn xuống thì tất cả đầu lá nhọn lại chĩa lên. Do nhân duyên dây lá sắt nhọn đâm xuyên thân, đâm khắp các chi phần. Bảy giờ liền có quạ mỏ bằng sắt to lớn đậu trên đầu, hoặc trên vai tìm kiếm mổ con người mất mà ăn. Từ rừng cây thiết-mạt-lê không gián đoạn lại có sông rộng lớn, đầy nước tro nóng sôi sùng sục. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở nên từ thành kia chạy ra liền rớt xuống sông này. Giống như lấy đậu bỏ vào nồi to, dùng lửa để nấu như, hữu tình cũng

vậy. Trong sông đây hữu tình theo nước sôi bốc lên trên, trôi lênh bênh khắp mặt sông rồi dạt vào hai bên bờ. Có các ngục tốt tay cầm gậy dây và lấy lưới lớn giăng ra ngang dọc khiến các hữu tình kia không lọt ra được, rồi ngục tốt khác dùng dây hoặc lưới vớt lên. Lại đặt hữu tình kia nằm ngửa trên mặt đất sắt nóng rộng lớn mà xét hỏi : “Nay các người muốn cầu gì?”. Hữu tình kia đáp rằng: “Chúng tôi nay chịu khổ cùng cực không còn biết gì, bị chùng chùng đói khổ bức bách”. Bấy giờ ngục tốt dùng kẽm sắt kẹp miệng, lấy hòn sắt cực nóng bỏ vào trong miệng, còn lại như trước đã nói. Nếu kia đáp rằng: “Chúng tôi nay bị khổ của khát bức bách”, bấy giờ ngục tốt liền lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Trong đây hoặc đường đao kiếm, hoặc đường đao, hoặc rừng lá đao, hoặc rừng thiết lạp-mạt-lê đều gọi chung làm một, cho nên nói có bốn vườn.

Lại hữu tình thọ sanh ở Hàn địa ngục thì chịu nhiều khổ cực lạnh.

Hữu tình thọ sanh trong Phóng da địa ngục,

bị tiếp xúc với sự cực lạnh rộng lớn của mặt đất nên tất cả thân phần thấy đều cuốn co lại giống như vết phỏng. Cho nên na-lạc-ca đây gọi là Phỏng da địa ngục.

Ở Phỏng vỡ địa ngục có sự sai khác, tức là giống như vết phỏng cương mủ phồng lên rồi bị vỡ ra, máu mủ tuôn chảy, vết thương co nhẵn lại. Cho nên địa ngục đây gọi là Phỏng vỡ.

Lại Hát-triết-hổ, Hách-hách-phàm, Hổ-hổ-phàm, ba địa ngục đây bởi âm thanh khổ hữu tình kia sai khác nên lấy đây lập tên.

Trong Sen xanh địa ngục, hữu tình ở đó bị tiếp xúc với cái lạnh cắt da của mặt đất, nên tất cả thân phần thấy đều xanh ứ, da bị nứt nẻ thành mảnh nhỏ hoặc năm hoặc sáu, nên địa ngục đây gọi là Sen xanh.

Trong Sen hồng địa ngục thì có sự sai khác, tức hữu tình kia đã vượt qua sự xanh bầm, sắc da biến hồng đỏ, da bị cắt ra hoặc mười hoặc nhiều mảnh, nên địa ngục đây gọi là Sen hồng.

Trong Sen hồng lớn địa ngục có sự sai khác. Đó là thân phần của hữu tình kia hồng đỏ sậm lại, da bị xé rách hoặc trăm hoặc nhiều mảnh, cho nên

địa ngục đây gọi là Sen hồng lớn.

Lại trong Độc nhất địa ngục, mỗi mỗi hữu hình ở nơi tự nghiệp của thân mình mà chiêu cảm sanh trong địa ngục đây, thọ nhiều chủng chủng đại khổ, như trong kinh, Ngài Kiết Tường hỏi và Thái Duyên Đâu Tử rộng nói. Cho nên địa ngục đây gọi là Độc nhất.

Lại ở loài bàng sanh thì giết hại ăn nuốt lẫn nhau, như các thú nhỏ sức yếu bị các thú mạnh giết hại. Do nhân duyên đây thọ chủng chủng khổ, không được tự tại. Lại chịu sự bức bách trói buộc, đánh đập bằng roi gậy. Lại bị người trời lấy làm vật dụng nuôi sống. Do nhân duyên đây thọ đầy đủ chủng chủng khổ não cùng cực.

Lại ở thú ngạ quỷ lược có 3 chủng: 1. Do bên ngoài chướng ngại ăn uống; 2. Do bên trong chướng ngại ăn uống; 3. Không bị chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là do bên ngoài chướng ngại ăn uống? Các loài hữu tình có thói quen keo lẩn phẩm thượng, nên khi mất thân sanh trong loài ngạ quỷ, thường chịu cảnh đói khát. Da thịt máu tủy thấy đều khô kiệt giống như tro nóng. Đầu tóc rối bù, sắc mặt đen sạm, môi miệng khô cháy, thường lấy lưỡi liếm miệng

mặt. Sợ hãi đói khát, rong ruổi chạy khắp nơi, tìm đến ao suối. Nhưng lại bị hữu tình khác tay cầm dao gậy và lầy lưới dây giăng ra gìn giữ nên không đến được. Nếu có kẻ đủ mạnh vượt qua các chướng ngại đến được khe suối, thì nước lại biến thành mủ máu nên không thể uống. Hết thấy ngạ quỷ như vậy gọi là do bên ngoài chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là do bên trong chướng ngại ăn uống? Có các hữu tình miệng nhỏ như cây kim, hoặc miệng như bó đuốc, hoặc cổ có cục bướu, bụng to. Do nhân duyên đây tuy có thức ăn uống mà không thể tự nhiên hoặc ăn hoặc uống. Hết thấy ngạ quỷ như vậy gọi là do bên trong chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là không bị chướng ngại ăn uống? Có ngạ quỷ tên là Mãnh diệm mạn, thức ăn uống đưa đến miệng đều bị bốc cháy, do nhân duyên đây bị khổ đói khát không ngừng. Lại có ngạ quỷ tên là Ăn phần ướ, có một số ăn phần ướ, có một số ăn uống những thứ hôi thối như nhớp, tuy có thức ăn cao lương mỹ vị cũng không ăn được. Lại có một số tự cắt thân mình lấy thịt mà ăn, nếu có được thức ăn khác cũng không thể ăn được. Hết thấy loại ngạ quỷ như vậy gọi là không bị chướng ngại ăn uống.

Lại hữu tình thọ sanh trong loài người phần nhiều thọ khổ của sự thiếu thốn. Đó là: khổ thiếu thốn do đói khát sanh, khổ do những điều ham muốn mà không được toại, khổ thiếu thốn do thức ăn uống thô, khổ thiếu thốn do truy cầu bức bách, khổ do thời tiết thay đổi hoặc lạnh hoặc nóng, khổ thiếu thốn do không có nhà cửa che thân, khổ thiếu thốn do thời vận đen đui, khổ thiếu thốn do sự nghiệp gây dựng đều không có kết quả. Lại chịu khổ biến hoại của sanh, già, bệnh chết. Còn trong na-lạc-ca thì chết là vui, nên trong cõi này chẳng lập chết là khổ.

Lại, trong cõi trời không có các chi tiết khổ, mà có chết đọa khổ. Như trong kinh thuyết: “Có các thiên tử lúc sắp mạng chung thời có năm tướng hiện ra: 1. Y không có cấu nhiễm, nay có cấu nhiễm hiện; 2. Hoa cài đầu không héo, nay bị héo úa; 3. Nách chảy mồ hôi; 4. Thân thể hôi dơ; 5. Thiên tử và chúng chư thiên chẳng vui ngồi trên bản tòa. Khi thiên tử kia nằm trong rừng, thấy các thiên nữ cùng thiên tử khác vui chơi đùa giỡn, thấy vậy rồi sanh đại ưu khổ”.

Lại chịu khổ do lo sợ bị lăng miệt, khinh khi.

Vì có sao? Bởi khi có người thành tựu tụ phước rộng lớn và năm dục rộng lớn thời sẽ được sanh làm thiên tử. Các thiên tử bạc phước kia thấy rồi liền sanh lo sợ, do nhân duyên đây thọ đại ưu khổ.

Lại thọ khổ của sự đâm chém phá hoại xua đuổi tàn hại. Vì có sao? Do trời và phi thiên đánh giết lẫn nhau, cầm bốn loại binh khí là vàng, bạc, pha lê, lưu ly cùng nhau giao chiến. Bấy giờ chư thiên cùng với phi thiên, hoặc các chi phần bị cắt đoạn, hoặc bị chém đứt, hoặc lại đến chết. Nếu chi phần bị đứt hay thân bị đoạn liền lành lại như cũ, nếu phần đầu bị chặt đứt thì sẽ chết liền. Chư thiên và phi thiên xoay vần có thắng có thua, nhưng trời thắng nhiều hơn vì thế lực mạnh mẽ hơn. Nhưng cả hai nếu bị thua trận sẽ tự quay về cung của mình, đồng loại chẳng lại thăm hỏi an ủi, do nhân duyên đây liền ôm lòng ưu buồn. Nếu trời thắng, liền vào cung phi thiên hoan lạc cùng nữ phi thiên, do đây khởi đấu tranh với nhau. Nếu phi thiên thắng sẽ vào cung của chư thiên, vì cầu bốn chủng vị tô-đà mà sanh khởi đánh nhau.

Lại nên biết các phi thiên thuộc cõi trời, nhưng nhiều siểm cống, ôm lòng lừa dối huyễn hoặc, chẳng

như chư thiên là pháp khí thanh tịnh. Do nhân duyên đây có khi trong kinh thuyết là một cõi riêng. Phi thiên đây thật là chủng loại trời, nhưng do chẳng hành pháp chư thiên nên nói là phi thiên. Lại thiên tử có sức mạnh một phen phát giận, tức các thiên tử yếu liền bị đuổi ra khỏi cung mình.

Cho nên chư thiên thọ 3 chủng khổ, đó là: chết đọa khổ, lãng miệt khổ và đâm chém phá hoại xua đuổi tàn hại khổ.

Lại hữu tình cõi Sắc và cõi Vô sắc không có hết thấy khổ như thế, do hữu tình kia không phải là vật thọ khổ. Nhưng do thô trọng khổ, do có phiền não, do có chướng ngại, do đối với sống và chết không được tự tại mà nói kia có khổ.

Lại trong cõi Vô lậu, tất cả các khổ thô trọng đều vĩnh viễn đoạn dứt. Cho nên chỉ cõi đây là có nghĩa lạc thù thắng, nên biết tất cả cõi còn lại đều là khổ.

Lại ở trong 4 chủng địa ngục không có thọ vui. Như trong địa ngục, thì trong 3 chủng ngục quý cũng vậy. Trong các Đại lực quý, bàng sanh và người có các vật dụng bên ngoài đem lại sự vui, nhưng bị tướng tạp của các khổ.

Lại trong loài người, vui của Chuyển luân vương là tối thắng vi diệu. Khi Luân vương xuất hiện nơi đời, bảy báu tự nhiên xuất hiện, cho nên nói vua kia có đầy đủ bảy báu. Những gì là bảy? Đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ma-ni báu, nữ báu, chủ kho tàng báu, chủ binh thần báu. Lúc bảy báu... xuất hiện, tướng nó thế nào? Tướng bảy báu đây hiện ra như kinh đã rộng thuyết. Nếu Chuyển luân vương cai trị bốn châu thì tất cả Tiểu vương đều kính ngưỡng uy đức mà quy thuận theo, mỗi vua tự nói rằng: “Thành ấp tỵ lạc đây là sở hữu của Đại vương. Duy nguyện Đại vương rủ lòng thương răn bảo, chúng tôi đều là kẻ tội tở của Người”. Bấy giờ Luân vương liền ban chiếu răn dạy: “Này các Tiểu vương, mỗi mỗi hãy ở đất nước của mình, đem pháp mà quan tâm giáo hóa, chớ dùng những điều phi pháp. Các vị chớ đối với đất nước, đối với gia đình mình mà hành hạnh phi pháp, hành hạnh không bình đẳng”. Nếu là Luân vương của vua ba châu thì trước phái sứ giả đi đến, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa. Nếu là Luân vương của hai châu, trước hưng binh thị uy, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa. Nếu là Luân vương của một

châu, phải tự mình đến kia dùng binh khí ra uy, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa.

Lại các chúng trời thọ phước lạc cõi trời rộng lớn: hình sắc thù diệu, có nhiều thứ vui thích, sống lâu ở trong cung điện của mình, trong ngoài thân đều thanh khiết, không có xú uế như nhớp.

Lại trong thân của người có nhiều bất tịnh như gân, xương, lá lách, thận, gan, tim... đủ thứ trần cấu. Chư thiên không có các bất tịnh này.

Lại các trời kia có bốn loại cung điện do vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành, chủng chủng họa tiết tơ lụa tô điểm trang nghiêm, chủng chủng đài các, chủng chủng lầu quán, chủng chủng tầng bậc, lớp lớp cửa lớn, chủng chủng màn lưới đều rất đáng yêu thích. Chủng chủng ma-ni lấy làm vật trang sức, ánh quang giáp vòng diệu chiếu lẫn nhau.

Lại có cây thức ăn, từ cây sanh ra bốn vị thức ăn tô-dà xanh, vàng, đỏ, trắng.

Lại có cây thức uống, từ đây sanh ra nước uống ngọt ngào thơm ngon...

Lại có cây xe, từ đây sanh ra chủng chủng cỗ xe vi diệu như xe nhỏ, xe lớn, xe vua đi, xe chở vật dụng...

Lại có cây y phục, từ đây sanh ra chủng chủng xiêm y kỳ diệu, xiêm y mịn màng, nhu nhuyễn, mềm mại, diệu sắc tinh khiết, tô điểm thêm những sắc màu...

Lại có cây trang sức, từ đây sanh ra chủng chủng đồ trang sức trang nghiêm kỳ diệu như ma-ni, ngọc bích, ngọc châu, vòng đeo tai, xuyên vàng và những vật trang sức tay chân... Hết thấy loại trang sức như thế đều lấy chủng chủng diệu bảo ma-ni để tô điểm thêm.

Lại có cây hương xoa, hoa cài đầu, từ đây sanh ra chủng chủng hương xoa, chủng chủng hương xông ướp, chủng chủng hoa cài đầu...

Lại có cây tên Đại-tập-hội tối thắng vi diệu. Thân cây này cao 100 du-thiện-na, gốc 50 du-thiện-na, cành nhánh lá che phủ 80 du-thiện-na, có đủ các loại hoa đua nở. Khi hoa nở, hương thơm thuận gió tỏa ngát 100 du-thiện-na, ngược gió tỏa ngát 50 du-thiện-na. Dưới cây này, trời Tam thập tam lấy năm dục vi diệu của cõi trời cùng nhau vui chơi suốt bốn tháng mưa.

Lại có cây âm nhạc ca múa cười hát, từ đây sanh ra chủng chủng khí cụ ca múa...

Lại có cây vật dụng, từ đây sanh ra chủng chủng vật dụng như đồ dùng ăn uống, nằm ngồi..

Lại khi chư thiên kia muốn thọ dụng, tùy theo ý muốn và nghiệp lực liền có vật tùy thích hiện trong tay. Các phi thiên thì tùy theo chỗ thích hợp thọ dụng chủng chủng cung điện phước lạc.

Lại Bắc câu-lô châu cũng có cây hình tướng như vậy, gọi là cây Như ý. Các người ở cõi này muốn vật dụng gì đều từ cây mà lấy dùng, chẳng cần phải nghĩ tưởng, tự nhiên trong tay xuất hiện những vật mà mình mong muốn. Lại có lúa thơm, lúa không thơm, chẳng trồng mà thu hoạch, không riêng của ai. Lại hữu tình đây không bị hệ thuộc lẫn nhau, quyết định thắng tiến.

Lại, trời Đế Thích có cung điện thù thắng rộng lớn hơn hết so với các cung điện khác. Ở đây có trăm lầu quán, mỗi mỗi lầu quán có trăm đài các, mỗi mỗi đài các có bảy phòng thất, mỗi mỗi phòng thất có bảy thiên nữ, mỗi mỗi thiên nữ có bảy hầu nữ.

Lại địa thế cõi trời đây bằng phẳng như bàn tay, không có cao thấp. Khi giày dép chạm xuống đất liền sanh an lạc, hạ chân xuống đất liền lún

cho đến đầu gối, dở chân lên thì đất liền lại như cũ. Trong tất cả thời đều có hoa mạn-đà-la tự nhiên rải khắp trên đất, có gió vi diệu thổi hoa héo đi, đưa hoa mới đến.

Lại bốn mặt cung trời kia, mỗi mặt có đường rộng lớn, hình thể thù diệu, thanh tịnh đoan nghiêm, độ lượng ngay thẳng.

Lại ở bốn ngā có bốn cửa lớn, quy mô hoành tráng, sắc tướng kỳ diệu lạ thường, nhìn không biết chán, thật là thù diệu tuyệt vời. Có nhiều loại Dược-xoa diệu sắc khác nhau, thường canh giữ nơi đây.

Lại ở bốn mặt có bốn vườn thượng uyển: một tên là Hội xa, hai tên là Thô sáp, ba tên là Hòa tạp, bốn tên là Hỷ lâm. Bên ngoài của bốn vườn đây có bốn thặng địa cảnh tượng thù diệu, hình dáng tuyệt đẹp, đoan nghiêm không gì sánh. Góc cung đông bắc là chỗ chư thiên hội họp, gọi là Bạch thiện pháp, chư thiên vào đây tư duy xứng lượng quán sát diệu nghĩa. Bên vườn này có đá như ý, sắc đá trắng ngà, hình chất thù diệu, tướng khả quan, đẹp không gì sánh được.

Lại thân trời kia tự nhiên chiếu sáng dịu dàng. Nếu bóng tối xuất hiện thì biết ngày đã qua và ban

đêm đến, liền đối với năm dục thiên diệp của cõi trời tự nhiên lười biếng và muốn ngủ nghỉ, những loại chim khác cũng chẳng hót nữa. Do hết thấy tướng đây mà biết là ngày đêm.

Lại năm diệp dục của chúng cõi trời kia thật đáng vui thích, chỉ khiến phát khởi hỷ lạc. Các thiên chúng kia sống phóng dật buông thả trong ấy, hằng nghe chuông chuông âm thanh chiêng trống, ca hát nhảy múa, vui đùa nói chuyện. Mắt thường thấy chuông chuông sắc khả ý, mũi thường ngửi chuông chuông hương vi diệu, lưỡi thường nếm chuông chuông vị thơm ngon, thân thường xúc chuông chuông thiên nữ thù thắng. Hằng bị những thú vui đây dẫn dắt hầu hết thời gian.

Lại chư thiên kia thọ nhiều chủng diệp dục lạc như vậy, thường không tật bệnh cũng không già yếu, không chịu các thứ khổ thiếu thốn ở cõi người như trước đã thuyết.



Quyển 5

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 2

Lại nữa, ở Sắc giới, chư thiên sanh Sơ tinh lự địa thọ ly sanh hỷ lạc. Chư thiên sanh Đệ nhị tinh lự địa thọ định sanh hỷ lạc. Chư thiên sanh Đệ tam tinh lự địa thọ ly hỷ diệu lạc. Chư thiên sanh Đệ tứ tinh lự địa thọ xả niệm tịnh lạc, tịch tĩnh vô động. Chư thiên sanh Vô sắc giới thọ lạc cực tịch tĩnh giải thoát.

Lại do 6 chủng thù thắng, nên có khổ, vui thù thắng: 1. Hình dáng kích thước thù thắng; 2. Nhu nhuyễn thù thắng; 3. Duyên thù thắng; 4. Thời thù thắng; 5. Tâm thù thắng; 6. Sở y thù thắng.

Vì có sao? Như như kích thước thân dần dần tăng rộng lớn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như chỗ nương tựa dần dần nhu nhuyễn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như duyên khổ dần dần hưng thịnh mạnh mẽ có nhiều

sai biệt, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như thời phần dần dần lâu dài không gián đoạn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như nội tâm không lực chọn lựa phân biệt dần dần tăng rộng, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như sở y khí cụ của khổ dần dần tăng thêm, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng.

Như nghĩa khổ tăng thêm mạnh mẽ như vậy, thì nghĩa lạc tăng thêm mạnh mẽ, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, vui có 2 chủng: 1. Vui do phi thánh tài sanh; 2. Vui do thánh tài sanh.

- Vui do phi thánh tài sanh: là vui do 4 chủng làm duyên nên được sanh: 1. Vật dụng đẹp ý; 2. Vật dụng do thân gây ra; 3. Vật dụng tốt lành; 4. Vật dụng giữ gìn.

Vật dụng đẹp ý: là xe cộ, áo quần, các thứ trang sức, ca vũ múa hát, hương xoa, hoa cài đầu, chuông chuông trân bảo thượng diệu, nhạc cụ, ánh sáng diệu chiếu, tô tở nam nữ, vô lượng kho tàng.

Vật dụng do thân gây ra: là các việc không suy nghĩ như đánh đập, đập ném, xoa ấn...

Vật dụng tốt lành: là những vật như cỏ kiết

tường, quả tần-loa, vỏ ốc đầy vò.

Vật dụng giữ gìn: là việc ăn uống.

- Vui do thánh tài sanh: là vui do 7 thánh tài làm duyên khiến sanh. Những gì là bảy? 1. Tín; 2. Giới; 3. Trì; 4. Quý; 5. Văn; 6. Xả; 7. Tuệ.

Lại nữa, các loại vui sanh khởi khác nhau do 15 chủng tướng thánh tài và phi thánh tài. Những gì là mười lăm?

1. Phi thánh tài sanh vui hay khởi ác hạnh. Thánh tài sanh vui hay sanh diệu hạnh.

2. Phi thánh tài sanh vui là hỷ lạc có tội. Thánh tài sanh vui là hỷ lạc vô tội.

3. Phi thánh tài sanh vui là chỗ nương nhỏ bé không trải khắp. Thánh tài sanh vui là chỗ nương rộng lớn trải khắp.

4. Phi thánh tài sanh vui không phải lúc nào cũng có, do nương ngoại duyên. Thánh tài sanh vui có ở tất cả thời, do nương nội duyên.

5. Phi thánh tài sanh vui không có ở tất cả địa, chỉ có ở Dục giới. Thánh tài sanh vui có ở tất cả địa, thông suốt hệ thuộc và không hệ thuộc ba cõi.

6. Phi thánh tài sanh vui không thể dẫn phát thánh tài và phi thánh tài ở đời sau. Thánh tài

sanh vui năng dẫn phát thánh tài và phi thánh tài ở đời sau.

7. Phi thánh tài sanh vui khi thọ dụng có biên bờ, có tận hết. Thánh tài sanh vui khi thọ dụng càng thêm sung mãn, tăng trưởng rộng lớn.

8. Phi thánh tài sanh vui bị người khác cướp đoạt: hoặc giặc, hoặc vua, hoặc oán địch, hoặc nước lửa. Thánh tài sanh vui không thể bị xâm đoạt.

9. Phi thánh tài sanh vui không thể giữ gìn từ đời này đến đời sau. Thánh tài sanh vui năng giữ gìn từ đời này đến đời sau.

10. Phi thánh tài sanh vui khi thọ dụng không khiến đầy đủ sung mãn. Thánh tài sanh vui khi thọ dụng thì rất ráo sung mãn.

11. Phi thánh tài sanh vui có sợ hãi, vì làm nơi nương tựa của sợ hãi đối với sanh đời sau. Thánh tài sanh vui không sợ hãi.

12. Phi thánh tài sanh vui có oán đối, vì là nơi nương tựa của đấu tranh kiện tụng vây bủa. Thánh tài sanh vui không oán đối.

13. Phi thánh tài sanh vui có tai hoạn, vì là nơi nương tựa của lão bệnh tử. Thánh tài sanh vui không tai hoạn.

14. Phi thánh tài sanh vui có thiêu não, vì tánh vui đây không chân thật, như ung, như tên độc, như bệnh, là nơi nương tựa của hư vọng điên đảo, là nơi nương tựa của chủng chủng nhiệt não sâu than ưu khổ. Thánh tài sanh vui không có nhiệt não.

15. Phi thánh tài sanh vui không thể đoạn khổ lớn đời sau, vì không thể đoạn tham, sân... vốn nương theo hai lậu hoặc. Thánh tài sanh vui năng đoạn khổ lớn đời sau.

Lại nữa, kể thọ dụng bên ngoài thì thọ dụng dụng trần. Bạc Thánh huệ mạng thì thọ dụng chánh pháp. Do 5 chủng tướng nên hai loại thọ dụng đây có sự sai khác. Cũng do đây nên nói bạc Thánh huệ mạng lấy huệ mạng thanh tịnh vô thượng làm sự sống của mình. Những gì là năm? 1. Bạc thọ dụng chánh pháp không nhiễm ô; 2. Bạc thọ dụng chánh pháp cực cứu cánh; 3. Bạc thọ dụng chánh pháp xác quyết một hướng; 4. Bạc thọ dụng chánh pháp không cùng chung với các bậc huệ mạng khác; 5. Bạc thọ dụng chánh pháp có lạc chân thật, hàng phục ma oán.

Trong đây, kể thọ dụng các dụng sở hữu dụng lạc

đều thuận theo xứ hỷ, nên tham ái phát sanh; thuận theo xứ ưu, nên sân khuể phát sanh; thuận theo xứ xả, nên xả không phân biệt chọn lựa phát sanh. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại từ xưa đến nay, các kẻ vui thích thọ dụng dục trần mê mải theo đó mà không hay biết là vô thường, nên bỏ dục trần này lại lấy dục trần khác, hoặc có lúc chẳng được gì. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại đang lúc thọ dụng, kẻ kia đối với các dục hoặc có lúc khởi hỷ ái, hoặc có lúc khởi ưu khuể. Lại dục kia cũng có lúc sanh hỷ, có lúc sanh ưu. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại các kẻ ly dục chưa có huệ mạng, đối với chủng chủng kiến thú tự khởi phân biệt tà thắng giải, nơi tâm mạnh mẽ chấp trước chủng chủng, hằng triển chuyển theo đuổi dục nhiễm. Tuy đã lìa dục mà lại hoàn thối thất khởi dục trở lại. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại kẻ thọ dục và người ly dục thế gian, sở

hữu dục lạc và lìa dục lạc đều chẳng phải chân thật, đều là chỗ triển chuyển theo đuổi của ma oán, như huyễn, như tiếng vang, như bóng, như ánh nắng, như chiêm bao, như huyễn thuật làm ra các đồ trang sức. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại kẻ ngu phu tham đắm vui các thọ dục và các kẻ đã ly dục thế gian, phạm chỗ thọ dụng giống như điên cuồng, như say loạn... Chưa thể chế ngự quân ma mà có thọ dụng, nên vui kia chẳng phải là chân thật, cũng không chế ngự được các việc ma. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại nữa, thân mà hữu tình ba cõi nương tựa đây, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc đang trương cứng.

Ở thân này khi thọ vui sanh, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc tạm thời được tiếp xúc lạnh.

Ở thân này khi thọ khổ sanh, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc tiếp xúc phải than nóng.

Ở thân này khi thọ không khổ không vui sanh,

phải quán như thế nào? – Như ung nhọt lia hai tiếp xúc của lạnh nóng, hiện diện ngay tự tánh nóng độc vốn sẵn có.

Cho nên Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Nên biết thọ vui do hoại khổ nên khổ. Thọ khổ do khổ khổ nên khổ. Thọ không khổ không vui do hành khổ nên khổ”.

Lại thuyết có hỷ có vị ái, có hỷ là vị ái, có hỷ thù thắng là vị ái. Hết thấy loại như vậy như kinh đã rộng thuyết, nên biết thuộc 2 giới là: giới đọa nhiếp và giới chẳng phải đọa nhiếp.

Lại Đức Bạc-Già-Phạm kiến lập lạc của Diệt thọ tướng là đệ nhất trong các lạc. Đây căn cứ vào trụ lạc, chẳng gọi là thọ vui.

Lại thuyết có 3 chủng lạc, đó là: lạc là dục tham, lạc là dục sân và lạc là dục si. Ba chủng lạc đây chỉ trong Vô lậu giới mới có được, cho nên lạc đây gọi là thường lạc, nhiếp thuộc Vô lậu giới.

b. Thọ dụng ăn uống:

Đó là các hữu tình trong ba cõi đã sanh, sẽ sanh nhờ thọ dụng ăn uống mà thọ mạng được tồn tại. Trong đây nên biết nhờ 3 chủng thực là xúc, ý tư và thức mà tất cả hữu tình trong ba cõi thọ

mạng được sống còn. Riêng 1 chủng đoạn thực khiến hữu tình ở Dục giới thọ mạng được sống còn.

Lại hữu tình thọ sanh ở địa ngục thì có đoạn thực vi tế, đó là trong tạng phủ có gió thổi vi tế, do nhân duyên dây hữu tình kia được sống lâu.

Lại trong ngạ quỷ, bàng sanh và người thì có đoạn thực thô, tức là cắt phân thành từng đoạn mà ăn.

Lại có thực vi tế, đó là hữu tình trụ ở các giai đoạn như yết-la-lam... và chư thiên Dục giới. Các hữu tình kia khi ăn, thức ăn chảy vào tất cả chi tiết trong thân rồi dần tiêu hóa, do đây không có phần dư tiết ra ngoài.

c. Thọ dụng dâm dục:

Trong các địa ngục, hữu tình đều không có sự dâm. Vì cố sao? Do hữu tình kia trường thời không gián đoạn thọ chủng chủng khổ khốc liệt, cho nên nam đối với nữ chẳng khởi mong muốn, hoặc nữ đối với nam chẳng khởi mong muốn, hà huống cùng nhau giao hội.

Ở trong quỷ, bàng sanh và người, nương thân này thọ các tướng khổ vui lẫn tạp nên có dâm dục, nam nữ giao hội với nhau nên bất tịnh chảy ra.

Chư thiên ở Dục giới hành dâm dục không có bất tịnh, nhưng ở căn môn có hơi gió thoát ra, phiền não liền dứt. Trời Tứ đại vương chúng thì cùng nhau giao hội nhiệt não mới dứt. Như trời Tứ đại vương chúng, thì trời Tam thập tam cũng vậy. Trời Thời phân gặp gỡ ôm nhau nhiệt não liền dứt. Trời Tri túc nắm tay nhau nhiệt não liền dứt. Trời Hóa lạc quay nhìn mà cười nhiệt não liền dứt. Trời Tha hóa tự tại mắt ngắm nhìn nhau nhiệt não liền dứt.

Lại người ở ba châu là Nam thiệm-bộ, Tây ngu-hóa, Đông thắng-thần nhiếp thọ thê thiếp, kiến lập tục cưới vợ gả chồng. Người ở Bắc câu-lô châu không có ngã sở và không có nhiếp thọ, nên hữu tình ở châu này không nhiếp thọ thê thiếp, cũng không dựng vợ gả chồng.

Như người ở ba châu, thì Đại lực quỷ và chư thiên Dục giới cũng vậy, chỉ trừ trời Hóa lạc và trời Tha hóa tự tại.

Lại tất cả chư thiên Dục giới không nhập thai tạng người nữ. Như trời Tứ đại vương chúng hoặc ở trên vai cha mẹ, hoặc ở trong lồng ngực, như đứa trẻ 5 tuổi bỗng nhiên hóa hiện ra. Trời Tam thập

tam như đứa trẻ 6 tuổi. Trời Thời phân như đứa trẻ 7 tuổi. Trời Tri túc như đứa trẻ 8 tuổi. Trời Hóa lạc như đứa trẻ 9 tuổi. Trời Tha hóa tự tại như đứa trẻ 10 tuổi.

6. Sanh kiến lập giới:

Đó là 3 chủng dục sanh:

Hoặc có chúng sanh hiện hưởng dục trần, do hiện tại hưởng các dục trần này nên phú quý tự tại. Bao gồm tất cả loài người và trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tri túc. Đây gọi là dục sanh thứ nhất.

Hoặc có chúng sanh biến hóa ra dục trần, do biến hóa ra các dục trần đây mà phú quý tự tại. Đó là trời Hóa lạc. Chư thiên của các trời này tự mình hóa làm các dục trần, chẳng phải do người khác hóa. Tự mình biến hóa làm các dục trần mà được phú quý tự tại. Đây gọi là dục sanh thứ hai.

Hoặc có chúng sanh do người khác hóa ra các dục trần, do đây được phú quý tự tại. Đó là trời Tha hóa tự tại. Chư thiên ở cõi này vì nhân duyên của mình mà năng biến hóa, cũng vì nhân duyên người khác mà năng biến hóa, cho nên đối với việc tự hóa hiện ra dục trần chẳng gì là lạ. Vì lấy dục

trần biến hóa của người khác mà được phú quý tự tại, nên nói cõi trời đây là Tha hóa tự tại. Chư thiên của cõi trời này chẳng phải chỉ thọ dụng dục trần do người khác hóa ra, mà cũng thọ dụng dục trần do mình tự hóa. Đây gọi là dục sanh thứ ba.

Lại có 3 chủng lạc sanh:

Hoặc có chúng sanh dụng ly sanh hỷ lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Sơ tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ nhất.

Hoặc có chúng sanh dụng định sanh hỷ lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Đệ nhị tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ hai.

Hoặc có chúng sanh dụng ly hỷ diệu lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Đệ tam tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ ba.

Hỏi: Cớ sao kiến lập 3 chủng dục sanh và 3 chủng lạc sanh?

Đáp: Do 3 chủng cầu: 1. Cầu dục; 2. Cầu hữu; 3. Cầu phạm hạnh.

Nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn rơi trong cầu dục, thì tất cả đều thuộc ba chủng dục sanh, chẳng có gì hơn.

Nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn rơi trong cầu

hữu, phần lớn là cầu lạc, vì tham lạc vậy, thì tất cả đều thuộc ba chủng lạc sanh. Do các thế gian là sanh xứ tịch tĩnh bất khổ bất lạc, nên sự phát khởi truy cầu rất vi tế nhỏ nhiệm. Từ đây trở lên không kiến lập là sanh.

Nếu Sa-môn hoặc Bà-la-môn ở trong cầu phạm hạnh, thì tất cả đều là cầu cảnh giới Vô lậu.

Hoặc lại có loại người rơi trong cầu tà hạnh, khởi tà phân biệt cho là giải thoát, đó là cầu bất động của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết đây là cầu phạm hạnh hữu thượng. Cầu phạm hạnh vô thượng là cầu cảnh giới Vô lậu.

7. Tự thể kiến lập giới:

Đó là chúng sanh trong ba cõi do 4 chủng có được tự thể sai khác:

Hoặc có được tự thể do tự hại, không do người hại, đó là hữu tình của cõi trời Dục giới gọi là Du hý vọng niệm. Các chư thiên kia đắm trước chúng chúng vui chơi khoái lạc, hằng thường chìm đắm tương tục lâu trong ấy. Do chìm đắm lâu, nên quên mất nhớ nghĩ. Do quên mất nhớ nghĩ nên từ cõi

trời kia mà chết. Hoặc có côi trời gọi là Ý phần, các chư thiên kia có lúc đăm mắt nhìn nhau, do đây ý phần chuyển tăng thêm. Ý phần tăng thêm nên từ côi trời đây mà chết.

Hoặc có được tự thể do người khác hại, không tự hại. Đó là chúng sanh ở các giai đoạn yết-la-lam, át-bộ-đàm, bế-thi, kiện-nam và ở trong thai mẹ.

Hoặc có được tự thể cũng do tự hại, cũng do người hại. Đó là các chúng sanh kia ở thời kỳ đã sanh ra, các căn đầy đủ, các căn thành thực.

Hoặc có được tự thể chẳng phải tự hại, chẳng phải người hại. Đó là hết thảy loại như chư thiên ở Sắc giới và ở Vô sắc giới, tất cả địa ngục, quỷ tựa như địa ngục, sứ giả Như Lai, bậc trụ ở tối hậu thân, bậc ở Từ định, bậc ở Diệt định, bậc ở Vô tránh định, bồ-đặc-già-la ở xứ trung hữu...

8. Nhân, duyên, quả kiến lập giới:

Lược có 4 chủng: **a.** Do tướng; **b.** Do chỗ nương; **c.** Do sai khác; **d.** Do kiến lập.

a. Do tướng:

Đó là nếu do đây làm dẫn đầu, đây làm kiến lập, đây hòa hợp, nên pháp kia hoặc sanh, hoặc

được, hoặc thành, hoặc trọn vẹn, hoặc tác dụng, nên nói đây là nhân của kia.

Hỏi: Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp sanh?

Đáp: Lấy tự chủng tử làm dẫn đầu. Trừ chủng tử y, còn lại hoặc nương hữu sắc, hoặc nương vô sắc và nghiệp làm kiến lập. Trợ bạn và sở duyên làm hòa hợp. Tùy chỗ thích hợp hoặc hệ thuộc Dục, hệ thuộc Sắc, hệ thuộc Vô sắc; hoặc không hệ thuộc Dục, không hệ thuộc Sắc, không hệ thuộc Vô sắc, mà các pháp được sanh.

Hỏi: Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp được?

Đáp: Chủng tánh Thanh văn, Độc giác, Như Lai làm dẫn đầu. Phần nội lực làm kiến lập. Phần ngoại lực làm hòa hợp, lia ràng buộc của phiền não, chứng đắc Niết-bàn.

Phần nội lực là phần thiện pháp bên trong như thiếu dục, tri túc, như lý tác ý... Các pháp như được thân người, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn không khuyết, sự nghiệp không bị chướng ngại, đối với các thiện sanh sâu tịnh tín... tất cả như vậy cũng gọi là nội lực.

Phần ngoại lực là chư Phật hiện hữu nơi đời, tuyên thuyết diệu pháp, giáo pháp vẫn còn tồn tại, người trụ chánh pháp tùy thuận mà chuyển, người đầy đủ bi tín lấy làm thí chủ. Hết thấy pháp như vậy gọi là phần ngoại lực.

Hỏi: Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp thành?

Đáp: Sở tri, thắng giải, yêu thích làm dẫn đầu. Tông, nhân, thí dụ làm kiến lập. Không trái nhau, khéo biện luận phản bác làm hòa hợp. Cho nên nghĩa được lập thành.

Hỏi: Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp trọn vẹn?

Đáp: Trí công xảo làm dẫn đầu, thuận theo sự cần cù làm kiến lập, các công cụ trong nghề nghiệp công xảo làm hòa hợp, nghề nghiệp công xảo được trọn vẹn. Lại nữa, ái làm dẫn đầu, nương trụ ăn làm kiến lập, bốn thực làm hòa hợp nên hữu tình thọ sanh được an trụ sung mãn trọn vẹn.

Hỏi: Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp tác dụng?

Đáp: Tự chủng tử làm dẫn đầu, sanh đây làm kiến lập, duyên sanh đây làm hòa hợp. Tác dụng

của các pháp, mỗi pháp có nghiệp riêng có thể biết. Những gì gọi là tác dụng riêng của nghiệp? Như mắt lấy thấy làm nghiệp, cũng vậy các căn khác, mỗi căn tự tác dụng nghiệp riêng. Lại đất có tác dụng giữ gìn, nước có tác dụng rửa, lửa có tác dụng thiêu đốt, gió có tác dụng làm khô ráo. Hết thấy loại như vậy gọi là nghiệp riêng bên ngoài sai khác.

b. Do chỗ nương:

Có 15 chủng: 1. Lời nói; 2. Lãnh thọ; 3. Tập khí; 4. Chủng tử được tươi nhuận; 5. Diệt không gián đoạn; 6. Cảnh giới; 7. Căn; 8. Tác dụng; 9. Sĩ dụng; 10. Thấy chân thật; 11. Tùy thuận; 12. Công năng sai biệt; 13. Hòa hợp; 14. Chướng ngại; 15. Không chướng ngại.

c. Do sai khác: Bao gồm 10 nhân, 4 duyên và 5 quả.

Mười nhân: 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đãi; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân sanh khởi; 5. Nhân nhiếp thọ; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân quyết định khác; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nhau; 10. Nhân không trái nhau.

Bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Năm quả: 1. Quả dị thực; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lia hệ thuộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

d. Do kiến lập:

- Mười nhân: Nhân chỗ nương là lời nói, nên kiến lập nhân tùy thuyết. Vì cố sao? Do ở nơi pháp hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và ở nơi pháp không hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thì thiết kiến lập làm dẫn đầu, cho nên tương chuyển. Tưởng làm dẫn đầu nên lời nói chuyển. Lời nói chuyển nên tùy thấy, nghe, hay, biết mà phát khởi tất cả lời nói. Đó là do chỗ nương là lời nói đây mà kiến lập nhân tùy thuyết.

Nhân chỗ nương là lãnh thọ, nên kiến lập nhân quán đãi. Vì cố sao? Do các hữu tình có kẻ muốn cầu lạc hệ thuộc Dục giới, kia quán sát đối đãi đây, đối với đầy đủ các dục hoặc là cầu được, hoặc là tích tập, hoặc là thọ dụng. Các kẻ muốn cầu lạc hệ thuộc Sắc giới và hệ thuộc Vô sắc giới, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi các duyên kia hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các kẻ muốn cầu lạc không hệ thuộc Dục giới, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi các duyên kia hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các kẻ không muốn khổ, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi duyên

sanh kia, ở nơi duyên đoạn kia hoặc là xa lìa, hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Đó là do chỗ nương lãnh thọ đây mà kiến lập nhân quán đãi.

Nhân chỗ nương là tập khí, nên kiến lập nhân dẫn dắt. Vì có sao? Do huân tập các hành nghiệp tịnh, bất tịnh trong ba cõi, hướng đến ái, không ái mà dẫn dắt tự thể ái, không ái. Lại tức do lực đây tăng thượng, nên vật bên ngoài có thanh, có suy. Đó là do chỗ nương tập khí các hành nghiệp tịnh bất tịnh đây mà kiến lập nhân dẫn dắt.

Nhân chỗ nương là chủng tử, nên kiến lập nhân sanh khởi. Vì có sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, mỗi mỗi từ tự chủng tử được sanh. Ái gọi là tác nhân khiến tươi nhuần, chủng tử là chỗ được tươi nhuần. Do các chủng tử được tươi nhuần này, nên trước mỗi mỗi dẫn dắt... tự thể riêng biệt sanh khởi. Như kinh nói: “Nghiệp là nhân chiêu cảm sanh. Ái là nhân sanh khởi”. Đó là do chỗ nương chủng tử được tươi nhuần đây mà kiến lập nhân sanh khởi.

Nhân chỗ nương là diệt không gián đoạn và nhân chỗ nương là cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, thấy chân thật, mà kiến lập nhân nhiếp

thọ. Vì cố sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới là diệt không gián đoạn nhiếp thọ, cảnh giới nhiếp thọ, căn nhiếp thọ, tác dụng nhiếp thọ, sĩ dụng nhiếp thọ nên các hành được chuyển. Như các pháp hệ thuộc Dục giới, thì các pháp hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Nếu do thấy chân thật nhiếp thọ, thì các pháp không hệ thuộc chuyển. Đó là do chỗ nương là diệt không gián đoạn, cảnh giới, căn, tác dụng, sĩ dụng, thấy chân thật đây, mà kiến lập nhân nhiếp thọ.

Nhân chỗ nương là tùy thuận, nên kiến lập nhân dẫn phát. Vì cố sao? Do các pháp thiện hệ thuộc Dục giới, dẫn phát các pháp thiện hơn hệ thuộc Dục giới. Như vậy pháp thiện hệ thuộc Dục giới năng dẫn pháp thiện hệ thuộc và không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới.

Như pháp thiện hệ thuộc Dục giới, thì pháp thiện hệ thuộc Sắc giới năng dẫn các pháp thiện hơn hệ thuộc Sắc giới và pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới. Pháp thiện không hệ thuộc cũng vậy.

Như pháp thiện hệ thuộc Sắc giới, thì pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới năng dẫn các pháp thiện hơn hệ thuộc Vô sắc giới và pháp thiện không

hệ thuộc cũng vậy.

Như pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới, thì pháp thiện không hệ thuộc năng dẫn các pháp thiện hơn không hệ thuộc và năng dẫn phát tác chứng vô vi.

Lại pháp bất thiện năng dẫn các pháp bất thiện hơn khác, đó là dục tham năng dẫn sân, si, mạn, kiến, nghi, thân hành ác, ngữ hành ác, ý hành ác. Như dục tham, thì sân, si, mạn, kiến, nghi tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Như vậy pháp vô ký năng dẫn pháp thiện, bất thiện, vô ký, như chủng tử a-lại-da thức thiện, bất thiện, vô ký.

Lại pháp vô ký năng dẫn pháp vô ký hơn, như đoạn thực năng dẫn hữu tình thọ sanh khiến trụ, khiến an ổn, sức lực tăng trưởng.

Như vậy, do chỗ nương là tùy thuận đây mà kiến lập nhân dẫn phát.

Nhân chỗ nương là công năng sai khác, nên kiến lập nhân quyết định khác. Sở dĩ vì sao? Do tự tánh công năng của các pháp hệ thuộc Dục giới có sự sai khác, nên năng sanh chủng chủng tự tánh công năng. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc, Vô sắc giới cũng vậy. Đó là do chỗ nương là công năng sai khác

đây mà kiến lập nhân quyết định khác.

Nhân chỗ nương là hòa hợp, nên kiến lập nhân đồng sự. Vì có sao? Căn yếu do sự thành tựu của tự sanh hòa hợp, nên pháp hệ thuộc Dục giới sanh. Như vậy, cho đến pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng thế. Như hòa hợp sanh, thì hòa hợp được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là hòa hợp đây mà kiến lập nhân đồng sự.

Nhân chỗ nương là chướng ngại, nên kiến lập nhân trái nhau. Vì có sao? Do pháp hệ thuộc Dục giới sắp được sanh, nhưng hiện tiền bị chướng ngại nên chẳng được sanh. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới nên biết cũng vậy. Như với sanh, thì được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là chướng ngại đây mà kiến lập nhân trái nhau.

Nhân chỗ nương là không chướng ngại, nên kiến lập nhân không trái nhau. Vì có sao? Do pháp hệ thuộc Dục giới sắp được sanh, nếu hiện tiền không gặp chướng ngại tức liền được sanh. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp

không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như với sanh, thì được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là không chướng ngại đây mà kiến lập nhân không trái nhau.

- Bốn duyên:

Duyên chỗ nương là chủng tử, nên kiến lập nhân duyên.

Duyên chỗ nương là diệt không gián đoạn, nên kiến lập đẳng vô gián duyên.

Duyên chỗ nương là cảnh giới, nên kiến lập sở duyên duyên.

Duyên chỗ nương còn lại, nên kiến lập tăng thượng duyên.

- Năm quả:

Do duyên chỗ nương là thuận theo tập khí, nên kiến lập quả dị thực và quả đẳng lưu.

Do duyên chỗ nương là thấy chân thật, nên kiến lập quả lìa hệ buộc.

Do duyên chỗ nương là sử dụng, nên kiến lập quả sử dụng.

Do duyên chỗ nương còn lại, nên kiến lập quả tăng thượng.

Lại nữa, nghĩa thuận theo tăng ích là nghĩa

nhân. Nghĩa kiến lập là nghĩa duyên. Nghĩa thành tựu trọn vẹn là nghĩa quả.

Lại kiến lập nhân do 5 chủng tướng: 1. Nhân năng sanh; 2. Nhân phương tiện; 3. Nhân câu hữu; 4. Nhân diệt không gián đoạn; 5. Nhân diệt lâu xa.

Nhân năng sanh: là nhân sanh khởi.

Nhân phương tiện: là các nhân còn lại.

Nhân câu hữu: là một phần của nhân nhiếp thọ, như mắt đối với nhãn thức, thì các căn khác đối với thức còn lại cũng vậy.

Nhân diệt không gián đoạn: là nhân sanh khởi.

Nhân diệt lâu xa: là nhân dẫn dắt.

Lại kiến lập nhân có 5 chủng tướng: 1. Nhân khả ái; 2. Nhân không khả ái; 3. Nhân tăng trưởng; 4. Nhân lưu chuyển; 5. Nhân hoàn diệt.

Lại kiến lập nhân có 7 chủng tướng, đó là:

1. Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường năng làm nhân pháp, tức là hoặc làm nhân sanh, hoặc làm nhân được, hoặc làm nhân thành tựu, hoặc làm nhân trọn vẹn, hoặc làm nhân tác dụng.

2. Tuy pháp vô thường làm nhân của pháp vô thường, nhưng cũng cùng tánh khác làm nhân, cũng cùng tự tánh sau làm nhân, chẳng phải tức

ngay sát-na đây.

3. Tuy cùng tánh khác làm nhân và cùng với tự tánh sau làm nhân, nhưng đã sanh chưa diệt mới năng làm nhân, chẳng thể chưa sanh đã diệt.

4. Tuy đã sanh chưa diệt, nhưng được duyên khác mới năng làm nhân, không thể không được duyên khác.

5. Tuy được duyên khác nhưng biến hoại thay đổi thành khác mới năng làm nhân, chẳng thể chưa thay đổi biến khác.

6. Tuy thay đổi biến khác nhưng phải cùng công năng tương ưng mới năng làm nhân, chẳng thể mất công năng.

7. Tuy cùng công năng tương ưng, nhưng phải tương xứng tương thuận mới năng làm nhân, chẳng thể chẳng tương xứng tương thuận.

Do bảy chủng tướng như vậy, tùy theo chỗ thích hợp mà kiến lập các nhân.

B. Dùng tướng để thi thiết kiến lập ba địa:

Ốt-Đà-Nam nói:

Thế, sở duyên, hành tướng

*Đẳng khởi cùng sai biệt,
Quyết trạch và lưu chuyển
Nên biết lược biện tướng.*

Nên biết tướng đây lược có 7 chủng: 1. Thể tánh; 2. Sở duyên; 3. Hành tướng; 4. Đẳng khởi; 5. Sai biệt; 6. Quyết trạch; 7. Lưu chuyển.

1. Tầm tứ thể tánh: Nếu không tìm tòi so lường sâu sở duyên thì tư làm thể tánh. Nếu tìm tòi so lường sâu sở duyên thì tuệ là thể tánh.

2. Tầm tứ sở duyên: tức là nghĩa nương danh thân, cú thân, văn thân làm sở duyên.

3. Tầm tứ hành tướng: tức là nếu ở nơi sở duyên đây, tìm cầu hành tướng là tầm. Nếu ở nơi sở duyên đây, tư sát hành tướng là tứ.

4. Tầm tứ đẳng khởi: tức là phát khởi lời nói.

5. Tầm tứ sai biệt: có 7 chủng, bao gồm: hữu tướng, vô tướng... cho đến không nhiễm ô, như trước đã nói.

6. Tầm tứ quyết trạch:

Hỏi: Nếu tầm tứ tức là phân biệt chẳng? Giả sử phân biệt tức là tầm tứ chẳng?

Đáp: Các tầm tứ ấy là phân biệt. Nhưng chỗ phân biệt chẳng phải là tầm tứ, đó là trí xuất thế.

Còn lại tất cả tâm, tâm pháp trong tam giới đều là phân biệt mà chẳng phải tầm tứ.

7. Tầm tứ lưu chuyển:

Tầm tứ về địa ngục, tức là tầm tứ như vậy: “Hành những gì? Xúc cái gì? Dẫn cái gì? Tương ưng cái gì? Cầu cái gì? Nghiệp gì chuyển?”

Như tầm tứ về địa ngục, thì tầm tứ về bàng sanh, ngã quý, người, trời Dục giới, trời Sơ tĩnh lự địa cũng vậy. Tức là tầm tứ: “Hành những gì? Xúc cái gì? Dẫn cái gì? Tương ưng cái gì? Cầu cái gì? Nghiệp gì chuyển?”

- Tầm tứ địa ngục: ở xứ đây chỉ hành buồn bã, xúc cảnh chẳng vui thích, dẫn phát khổ, tương ưng cùng ưu, thường cầu giải thoát, nghiệp tâm phiền nhiều chuyển.

- Tầm tứ ngã quý: như tầm tứ địa ngục, một hướng thọ khổ.

- Tầm tứ bàng sanh, loài người, đại lực quý: ở xứ đây phần nhiều hành buồn bã, phần ít hành vui sướng. Phần nhiều xúc cảnh chẳng yêu thích, phần ít xúc cảnh yêu thích. Phần nhiều dẫn khổ, phần ít dẫn vui. Phần nhiều tương ưng ưu, phần ít tương ưng hỷ. Phần nhiều cầu thoát khổ, phần ít cầu gặp

vui. Nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

- Tâm tứ chư thiên Dục giới: ở xứ đây phần nhiều hành vui vẻ, phần ít hành buồn bã. Phần nhiều xúc cảnh yêu thích, phần ít xúc cảnh không yêu thích. Phần nhiều dẫn vui, phần ít dẫn khổ. Phần nhiều tương ưng hỷ, phần ít tương ưng ưu. Phần nhiều cầu gặp vui, phần ít cầu thoát khổ. Nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

- Tâm tứ của trời Sơ tinh lự địa: ở xứ đây một hướng hành vui vẻ, một hướng xúc cảnh giới yêu thích bên trong, một hướng dẫn vui, một hướng tương ưng hỷ, chỉ cầu không lìa vui. Không có nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

C. Dùng như lý tác ý để thi thiết kiến lập ba địa:

Ốt-Đà-Nam nói :

*Ý xứ cùng với sự,
Cầu, thọ dụng, chánh hành,
Hai tư lương Bồ-đề
Phương tiện đến bờ kia.*

Nên biết kiến lập lược có 8 tướng: **1.** Do y xứ; **2.** Sự; **3.** Cầu; **4.** Thọ dụng; **5.** Chánh hành; **6.** Phương

tiện tư lương Thanh văn thừa; 7. Phương tiện tư lương Độc giác thừa; 8. Phương tiện dẫn phát Ba-la-mật-đa.

1. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng y xứ: có 6 chủng y xứ: 1. Thời quyết định; 2. Thời ngừng nghỉ; 3. Thời tạo tác nghiệp; 4. Thời ly dục thế gian; 5. Thời ly dục xuất thế gian; 6. Thời nhiều ích hữu tình.

2. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng sự: có 8 chủng sự: 1. Thành tựu phước do tác dụng của sự bố thí; 2. Thành tựu phước do tác dụng của sự trì giới; 3. Thành tựu phước do tác dụng của sự tu; 4. Thành tựu phước do tác dụng của sự nghe; 5. Thành tựu phước do tác dụng của sự tư; 6. Thành tựu các sự tu còn lại; 7. Thành tựu sự chọn lựa phân biệt; 8. Thành tựu sự nhiếp hộ nhiều ích hữu tình.

3. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng cầu: như có người dùng như pháp và không hung bạo mà tìm cầu tài vật, không dùng phi pháp và hung bạo.

4. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng thọ dụng: như có người tìm cầu tiền của, đã được nhưng chẳng nhiệm chẳng trụ, chẳng đấm chẳng buộc, chẳng buồn chẳng trước, cũng chẳng giữ gìn, thấy sâu quá hoạn, biết rõ xa lìa, ra khỏi mà thọ dụng.

5. Tâm tứ như lý tác ý tương ưng chánh hạnh: như có người rõ biết cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc trưởng thượng là những người đáng cung kính cúng dường, lợi ích thừa sự; đối với tội đã gây ra trong đời này đời sau, thấy lo sợ lớn, nên làm phước hành thí, thọ trai trì giới.

6. Phương tiện tư lương Thanh văn thừa: đây sẽ rộng thuyết trong Thanh văn địa.

7. Phương tiện tư lương Độc giác thừa: đây sẽ rộng thuyết trong Độc giác địa.

8. Phương tiện dẫn phát Bát-nhã Ba-la-mật-đa: đây sẽ rộng thuyết trong Bồ-tát địa.

Lại nữa, thí chủ có 4 chủng tướng: 1. Có vui muốn; 2. Không phe phái; 3. Trừ thiếu thốn; 4. Đủ chánh trí.

Người đầy đủ Thi-la cũng có 4 tướng: 1. Có vui muốn; 2. Kết cầu đò; 3. Không hiện hành; 4. Đủ chánh trí.

Bậc thành tựu tu cũng có 4 tướng: 1. Dục giải thanh tịnh; 2. Dẫn nhiếp thanh tịnh; 3. Thắng giải định thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh.

Lại người thọ thí có 6 chủng: 1. Do thọ học mà thọ thí; 2. Do nuôi sống thân mạng mà thọ thí; 3.

Do nghèo thiếu mà thọ thí; 4. Do buông xả mà thọ thí; 5. Do ràng buộc mà thọ thí; 6. Do đấm trước mà thọ thí.

Lại nữa, có 8 chủng tổn não: 1. Tổn não do đói; 2. Tổn não do khát; 3. Tổn não do thức ăn thô; 4. Tổn não do mệt mỏi; 5. Tổn não do lạnh; 6. Tổn não do nóng; 7. Tổn não do chướng ngăn che; 8. Tổn não do chướng không ngăn che.

Lại có 6 chủng tổn não: 1. Câu sanh; 2. Điều mong muốn mà bị thiếu thốn; 3. Bức thiết; 4. Thời tiết thay đổi; 5. Dòng chảy lậu; 6. Buông bỏ sự nghiệp.

Lại có 6 chủng nhiếp ích: 1. Giữ gìn nhiếp ích; 2. Dũng kiện không tổn nhiếp ích; 3. Che chở hộ trì nhiếp ích; 4. Hương xoa nhiếp ích; 5. Y phục nhiếp ích; 6. Cộng trú nhiếp ích.

Lại có 4 chủng tướng không phải bạn lành: 1. Không bỏ tâm oán giận; 2. Kia không có sự yêu quý; 3. Thấy bạn được yêu thương liền tìm cách ngăn cản; 4. Dẫn dắt những việc chẳng nên làm. Trái với tướng đây là 4 tướng bạn lành.

Lại có 3 chủng dẫn nhiếp: 1. Dẫn nhiếp vật dụng nuôi thân; 2. Dẫn nhiếp có hỷ lạc; 3. Dẫn nhiếp là hỷ lạc.

Lại có 4 chủng cung cấp hầu hạ: 1. Cung cấp hầu hạ người không quen biết; 2. Cung cấp hầu hạ các thân hữu; 3. Cung cấp hầu hạ các bậc đáng tôn trọng; 4. Cung cấp hầu hạ các bậc đủ phước huệ.

Do 4 chủng cung cấp hầu hạ đây, nương bốn xứ, nên thành tựu được năm quả. Những gì là 4 xứ? 1. Xứ không nhiếp thọ; 2. Xứ không xâm nã; 3. Xứ cần nên cúng dường; 4. Xứ đồng phạm tùy chuyển.

Nương 4 xứ đây, năng chiêu cảm 5 quả: 1. Chiêu cảm giàu có lớn; 2. Tiếng khen truyền khắp; 3. Lìa các phiền nã; 4. Chúng đắc Niết-bàn; 5. Đến các xứ thiện.

Lại, bậc thông tuệ có 3 chủng tướng thông tuệ: 1. Ở nơi việc thiện thọ hành; 2. Ở nơi việc thiện đã được quyết chắc; 3. Ở nơi việc thiện đã được kiên cố bền chắc.

Lại có 3 tướng thông tuệ: 1. Thọ học tăng thượng giới; 2. Thọ học tăng thượng tâm; 3. Thọ học tăng thượng tuệ.



Quyển 6

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 3

**D. Dùng không như lý tác ý để thi thiết
kiến lập ba địa:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Chấp trong nhân có quả,
Hiển rõ, có khứ lai,
Ngã, thường, nhân trước làm,
Tự tại thấy, hại pháp,
Biên không biên, kiêu loạn,
Chấp không nhân, đoạn, không,
Tối thắng, tịnh, kiệt tường.
Do mười sáu dị luận.*

Do 16 chủng dị luận sai biệt hiển rõ không như lý tác ý. Những gì là mười sáu? 1. Luận trong nhân có quả; 2. Luận từ duyên mà được hiển rõ; 3. Luận thật có quá khứ, vị lai; 4. Luận kế chấp ngã;

5. Luận kế chấp thường; 6. Luận nhân tạo làm từ trước; 7. Luận kế chấp Tự tại thiên là đấng sáng tạo ra thế giới; 8. Luận giết hại... là chánh pháp; 9. Luận có biên không biên; 10. Luận kiểu loạn bất tử; 11. Luận kiến vô nhân; 12. Luận đoạn kiến; 13. Luận không kiến; 14. Luận vọng kế chấp tối thắng; 15. Luận vọng kế chấp thanh tịnh; 16. Luận vọng kế chấp kiết tường.

1. Phái luận trong nhân có quả:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Thường thường thời, hằng hằng thời, ở trong các nhân có đủ tánh quả”. Đây do hai nhóm ngoại đạo đã tạo ra kế chấp như thế.

Hỏi : Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế, kế chấp trong nhân có đủ tánh quả?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: Tức là người thầy đi trước của các ngoại đạo đã tạo ra giáo tạng hiển thị trong nhân trước có tánh quả. Người nghe theo thọ học giáo này lại truyền trao đến nay.

Lý: Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh

tâm tư, có tánh quán sát, trụ địa tâm tư, trụ địa tự biện, trụ địa dị sanh, trụ địa tùy tư duy quán sát hành. Kia tác nghĩ như vậy: “Nếu từ tánh kia, tánh đây được sanh. Tất cả thế gian cùng biết, cùng lập kia là nhân của đây, chẳng phải cái khác lập nên. Lại tìm cầu quả, chỉ lấy nhân đây, chẳng phải cái khác. Lại tức ở nhân kia gia công tạo làm các việc mong cầu, chẳng phải cái khác. Lại nếu quả kia tức từ kia sanh, chẳng từ cái khác sanh. Cho nên trong nhân đã có quả kia. Nếu chẳng phải vậy, nên lập tất cả là tất cả nhân, vì tìm cầu một quả nên lấy tất cả, nên ở tất cả gia công tạo làm, nên từ tất cả, tất cả quả sanh”. Như vậy vì thi thiết, vì cầu lấy, vì làm tạo quyết định, vì sanh, mà kẻ kia thấy trong nhân thường có tánh quả.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào, gì là tướng nhân? Gì là tướng quả? Hai tướng nhân và quả là khác hay không khác?

Nếu tướng không khác, tức là không có hai chủng nhân quả phân định rõ ràng. Vì hai chủng nhân và quả không khác nhau, mà ông nói trong nhân có quả thì không đúng đạo lý.

Nếu tướng có khác, ý ông thế nào? Trong nhân

có tánh quả, tánh quả đây là tướng chưa sanh, hay là tướng đã sanh?

Nếu là tướng chưa sanh thì ở trong nhân đây, do quả chưa sanh mà nói là có thì không đúng đạo lý.

Nếu là tướng đã sanh, tức thể quả đã sanh, lại từ nhân sanh thì không đúng đạo lý. Cho nên trong nhân chẳng phải trước đã có quả, nhưng cần yếu phải có nhân, đợi duyên mới sanh quả.

Lại pháp có tướng, ở trong pháp có tướng, do 5 chủng tướng mới có thể biết: 1. Ở nơi chốn nên có thể biết, như nước trong lu; 2. Ở nơi sở y nên có thể biết, như nhãn thức trong mắt; 3. Tức do tự tướng nên có thể biết, như do tự thể chẳng do so lường; 4. Tức do tự tạo tác nghiệp mà có thể biết; 5. Do nhân biến đổi mà quả thành biến đổi, hoặc do duyên biến đổi mà quả thành biến đổi.

Cho nên ngoại đạo kia nói: “Thường thường thời, hằng hằng thời trong nhân có quả” không đúng đạo lý. Do nhân duyên đây nên sự lập luận của kia là không như lý.

Tóm lại, vì tướng không khác, vì tướng khác, vì tướng chưa sanh, vì tướng đã sanh, nên biết luận trong nhân có quả đều không đúng đạo lý.

2. Phái luận từ duyên mà được hiển rõ:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tất cả các pháp bản tánh là có, từ các duyên mà được hiển rõ, chẳng phải từ duyên mà sanh”. Đây là kẻ luận trong nhân trước có quả và kẻ luận tướng âm thanh đã kế chấp như thế.

Hỏi: Nhân duyên nào kẻ luận trong nhân có quả thấy trong các nhân trước có tánh quả, từ các duyên mà được hiển rõ?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tầm tư, có tánh quán sát, như trước đã rộng nói. Kia suy nghĩ như vậy: “Quả trước là có, lại từ nhân mà sanh thì chẳng phải đạo lý, nhưng không thể không dụng công mà có quả thành. Lại vì duyên gì mà dụng công, há chẳng phải chỉ vì hiển rõ quả ư?”. Kia vọng phân biệt như vậy rồi lập nên luận hiển rõ.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào? Là không có chướng duyên mà có chướng ngại, hay là có chướng duyên?

Nếu không chướng duyên mà có chướng ngại, tức là không duyên chướng ngại mà có chướng ngại,

thì không đúng đạo lý.

Nếu có chướng duyên mà bị chướng ngại, thì quả thuộc nhân, cứ sao quả bị chướng ngại mà nhân không bị chướng ngại? Bởi lẽ nhân và quả cùng có vậy. Cho nên đây không đúng đạo lý. Thí như bóng tối làm tối nước trong bình, thì cũng làm tối bình vậy. Nếu nói có chướng duyên cũng chướng cả nhân, thì lẽ phải hiển nhân quả đều bị chướng. Mà chỉ hiển trong nhân trước có tánh quả, không hiển nhân quả đều bị chướng, nên đây không đúng đạo lý.

Lại hỏi kia rằng: Vì tánh có là chướng duyên, hay tánh quả là chướng duyên?

Nếu tánh có là chướng duyên, mà chính tánh có đây lại thường không hiển rõ, nên đây không đúng đạo lý. Nhân cũng là có, sao không là chướng duyên?

Nếu nói tánh quả là chướng duyên, vậy thì một pháp vừa là nhân cũng vừa là quả. Như mầm là quả của hạt giống, cũng là nhân của thân. Vậy thì một pháp cũng vừa hiển, cũng vừa không hiển. Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Pháp gốc và hiển là khác hay không khác?

Nếu không khác tức pháp lẽ thường hiển. Hiển rồi lại hiển thì không đúng đạo lý.

Nếu nói khác thì hiển kia là không nhân hay là có nhân? Nếu nói không nhân, không nhân mà hiển thì không đúng đạo lý. Nếu nói có nhân, thì tánh quả có thể hiển, chẳng phải tánh nhân. Lấy nhân chẳng hiển mà lại năng hiển đối với quả thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì không chướng duyên, vì có chướng duyên, vì tướng có, vì tướng quả, vì hiển không khác, vì hiển khác, nên biết luận từ duyên mà hiển rõ đều không đúng đạo lý. Cho nên ông nói: “Nếu tánh pháp không tức là không tướng, nếu tánh pháp có tức là có tướng; tánh nếu là không chẳng thể hiển rõ, tánh nếu là có mới có thể hiển rõ”, thì không đúng đạo lý.

Nay Ta sẽ thuyết: Tuy là có mà không thể nắm lấy tướng, đó là do có mà ở xa, nên tuy có mà không thể nắm lấy. Lại do bốn chủng chướng nhân ngăn che nên không thể nắm lấy. Lại do cực vi tế nên không thể nắm lấy. Hoặc do tâm tán loạn nên không thể nắm lấy. Hoặc do căn bị tổn hoại nên không thể nắm lấy. Hoặc chưa đắc trí tương ưng

kia nên không thể nắm lấy.

Như luận nhân quả hiển rõ không đúng đạo lý, nên biết luận tướng âm thanh cũng không đúng đạo lý. Nhưng trong đây có sự sai khác ở chỗ luận sư ngoại âm thanh khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tướng âm thanh thường trụ không sanh không diệt, nhưng do phát ra mới được hiển rõ”. Cho nên luận đây cũng như luận hiển rõ đều không đúng đạo lý.

3. Phái luận thật có quá khứ, vị lai:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn đối với kinh mà Như Lai thuyết, vì không chánh tư duy nên khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có quá khứ, có vị lai, tướng thành tựu giống như hiện tại đây là thật có, chẳng phải giả”.

Hỏi: Nhân duyên nào kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết. Lại đối với kinh mà Như Lai thuyết, không như lý phân biệt. Như trong kinh nói: “Tất cả có tức mười hai xứ. Mười hai xứ đây thật tướng là có”. Lại Đức Bạc-Già-

Phạm thuyết: “Có nghiệp quá khứ”. Lại thuyết: “Có sắc quá khứ, có sắc vị lai. Như sắc, thì từ thọ nói rộng cho đến thức cũng vậy”.

Lý: như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh tâm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Kia suy nghĩ như vậy: “Nếu pháp tự tướng an trụ, pháp đây chân thật là có. Nhưng pháp đây nếu vị lai không, bấy giờ lẽ chưa thọ tướng. Pháp đây nếu quá khứ không, bấy giờ lẽ phải mất tự tướng. Nếu như vậy thì tự tướng các pháp lẽ không thành tự. Lý đây cũng chẳng phải chân thật, cho nên không đúng lý”. Do tư duy đây nên kia lại khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tánh tướng quá khứ, vị lai là thật có”.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào? Tướng quá khứ, vị lai và tướng hiện tại là một hay là khác?

Nếu nói là một tướng, thì kiến lập tướng ba đời không đúng đạo lý. Nếu nói là khác tướng, thì tánh tướng thật có không đúng đạo lý.

Lại ông nên nói ý muốn của mình: Rơi vào pháp ba đời là tướng thường, hay là tướng vô thường?

Nếu tướng thường thì rơi vào ba đời không đúng đạo lý. Nếu tướng vô thường mà ở trong ba đời hằng là thật có thì không đúng đạo lý.

Lại nay ta hỏi ông, tùy ý ông đáp: Đó là kế chấp pháp vị lai đến đời hiện tại ư? Đó là do vị lai chết rồi, ở hiện tại sanh ư? Đó là pháp trụ vị lai làm duyên sanh hiện tại ư? Đó là trước không nghiệp nay có nghiệp ư? Đó là trước tướng không viên mãn, nay tướng viên mãn ư? Đó là trước tướng khác, nay tướng khác ư? Đó là ở nơi vị lai có phần hiện tại ư?

Nếu nói pháp vị lai đến hiện tại, tức đây có phương hướng nơi chốn, lại cùng hiện tại không có sự sai khác, lại lẽ là thường, nên không đúng đạo lý.

Nếu nói pháp vị lai chết rồi, sanh hiện tại, tức là vị lai không sanh ở hiện nay. Pháp đời hiện tại xưa không có mà nay sanh. Lại vị lai chưa sanh mà nói chết. Tất cả điều trên đều không đúng đạo lý.

Nếu nói pháp trụ vị lai, lấy kia làm duyên sanh hiện tại thì pháp kia lẽ là thường. Lại lẽ trước không mà nay sanh, không phải pháp vị lai sanh, cho nên đây không đúng đạo lý.

Nếu trước không nghiệp dụng mà nay có

nghiệp dụng, tức là trước không mà nay có, liền có quá thất như trước đã nói, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nghiệp dụng đây và pháp gốc kia là có khác tướng, hay không khác tướng?

Nếu có tướng khác, tức là tướng nghiệp dụng đây không vị lai thì không đúng đạo lý.

Nếu có tướng không khác, tức là pháp xưa không nghiệp dụng mà nay có nghiệp dụng, thì không đúng đạo lý.

Như không nghiệp dụng có lỗi như vậy, thì tướng viên mãn, tướng khác, tướng vị lai có phần hiện tại nên biết cũng vậy. Sự sai khác ở đây là có lỗi tự tánh lẫn tạp nên không đúng đạo lý.

Như vị lai đến hiện tại như vậy, thì hiện tại đến quá khứ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng có các lỗi. Tức cũng như các nhân duyên đã kể chấp và các luận thuyết không đúng đạo lý đã nói ở trước.

Tóm lại, vì tự tướng, vì cộng tướng, vì đến, vì chết, vì là duyên sanh, vì nghiệp, vì tướng viên mãn, vì tướng khác, vì vị lai có phần, nên luận có thật thể quá khứ vị lai đều không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, lại có người nạn rằng: Nếu quá khứ, vị lai là không, tại sao duyên không mà

có giác chuyển? Nếu nói duyên không mà có giác, tại sao không mắc lỗi trái lại với giáo, như nói “Tất cả hữu tức mười hai xứ”?

Ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Thế gian thủ cái giác “không” là khởi hay là không khởi?

Nếu không khởi, tức là năng thủ lấy vô ngã thì sự giác biết ấy như sừng thỏ, gái đá... đều lẽ là không. Đây không đúng đạo lý. Lại Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Các Thanh văn của ta không siểm, như điều Ta đã nói, lúc chánh tu hành, nếu có biết có, nếu không biết không”. Cho nên nói không khởi là không đúng đạo lý.

Nếu nói khởi, ý ông thế nào, thủ cái giác “không” đây là tác có hành hay là tác không hành?

Nếu là tác có hành, thì thủ cái giác “không” đây mà tác có hành thì không đúng đạo lý.

Nếu tác không hành, ý ông thế nào? Cái giác không hành này là duyên sự có mà chuyển, hay là duyên sự không mà chuyển?

Nếu duyên sự có mà chuyển, tức là giác của không hành đây mà duyên sự có chuyển, thì không đúng đạo lý.

Nếu duyên sự không mà chuyển, tức là không

duyên không giác thì không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Tất cả hữu tức mười hai xứ”, nhưng ở nơi pháp có, mật ý thuyết có tướng có; ở nơi pháp không, mật ý thuyết có tướng không. Vì sao? Nếu pháp có tướng năng giữ tướng có. Nếu pháp không tướng năng giữ tướng không. Cho nên đều gọi là pháp, đều gọi là có. Nếu khác đây, các bậc tu hành chỉ biết ở nơi có mà chẳng biết ở nơi không. Nên không phải là quán pháp sở tri không gián đoạn. Đây không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Có nghiệp quá khứ. Do nghiệp đây mà các hữu tình thọ nhận thọ có tổn hại, thọ nhận thọ không tổn hại”. Đây cũng nương tập khí kia mà mật ý giả nói là có. Tức là ở trong các hành, từng có nghiệp tịnh, bất tịnh hoặc sanh hoặc diệt. Do nhân duyên đây, các hành kia hoặc hơn, hoặc khác tương tục mà chuyển. Đây gọi là tập khí. Do tương tục nhiếp lấy tập khí đây mà quả yêu thích, không yêu thích sanh. Cho nên ta không có gì trái vượt, còn ông không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Có sắc quá khứ, có sắc vị lai, có sắc hiện tại, như thế cho đến thức cũng vậy”. Đây cũng nương 3 chủng hành tướng là: tướng

nhân, tự tướng và tướng quả, nên mật ý thuyết. Vì nương tướng nhân, nên mật ý thuyết có vị lai. Vì nương tự tướng, nên mật ý thuyết có hiện tại. Vì nương tướng quả, nên mật ý thuyết có quá khứ. Cho nên không có sự trái vượt.

Lại chẳng nên nói quá khứ, vị lai là tướng thật có. Vì cố sao?

Nên biết vị lai có 12 chủng tướng: 1. Tướng nhân được hiển bày; 2. Tướng thể chưa sanh; 3. Tướng chờ đợi các duyên; 4. Tướng chủng loại đã sanh; 5. Tướng pháp có thể sanh; 6. Tướng pháp không thể sanh; 7. Tướng tạp nhiễm chưa sanh; 8. Tướng thanh tịnh chưa sanh; 9. Tướng nên tìm cầu; 10. Tướng chẳng nên tìm cầu; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng chẳng nên quán sát.

Nên biết hiện tại cũng có 12 chủng tướng: 1. Tướng quả được hiển bày; 2. Tướng thể đã sanh; 3. Tướng các duyên gặp gỡ tụ hội; 4. Tướng chủng loại đã sanh; 5. Tướng một sát-na; 6. Tướng pháp không sanh trở lại; 7. Tướng hiện tạp nhiễm; 8. Tướng hiện thanh tịnh; 9. Tướng có thể hỷ lạc; 10. Tướng không thể hỷ lạc; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

Nên biết quá khứ cũng có 12 chủng tướng: 1. Tướng nhân đã qua; 2. Tướng duyên đã qua; 3. Tướng quả đã qua; 4. Tướng thể đã hoại; 5. Tướng chủng loại đã diệt; 6. Tướng pháp không sanh trở lại; 7. Tướng tạp nhiễm ngừng dứt; 8. Tướng thanh tịnh ngừng dứt; 9. Tướng nên đóai luyến; 10. Tướng không nên đóai luyến; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

4. Phái luận kế chấp ngã:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có ngã, tát-đỏa, mạng, sanh, có dưỡng dục, số thủ thú... Như vậy hết thấy các đạo lý lẽ thật thường trụ”. Đây là các ngoại đạo đã kế chấp như vậy.

Hỏi: Cớ sao các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

Đáp: Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết.

Lý: Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh tâm tư, có tánh quán sát, như trước nói rộng. Do hai nhân: 1. Vì không tư duy hiểu biết, vội cho là có hiểu biết tát-đỏa; 2. Vì trước đã có sự tư duy

hiểu biết mà có được sự tạo làm. Kia suy nghĩ như vậy: “Nếu không có ngã thì khi thấy năm sự việc, không nên khởi năm hiểu biết có ngã:

1. Khi thấy hình sắc rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết hình sắc, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa.

2. Khi thấy hành thuận theo khổ vui rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết thọ, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa thù thắng hay hạ liệt.

3. Khi thấy hành tương ưng lập danh, giả danh rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết tướng, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la, Phật trao cho đức tính khác nhau..

4. Khi thấy các hành tương ưng tịnh bất tịnh rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết hành, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa người ngu, người trí...

5. Khi thấy tùy theo từng cảnh giới thức chuyển rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết tâm, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa “ta năng thấy tất cả”.

Do trước không tư duy hiểu biết như vậy, nên ở nơi năm sự việc trên cho là 5 chủng hiểu biết của tát-đỏa, không thể hiểu biết đó chỉ là các hành. Cho nên ngoại đạo kia trước không tư duy hiểu

biết, thấy các sự việc rồi liền khởi có hiểu biết tát-đỏa. Do vậy mà kẻ kia cho là nhất định biết có thật ngã.

Lại có kẻ tư duy như vậy: “Nếu không có ngã, chẳng thể ở trong các hành trước khởi tư duy hiểu biết mà có được sự tạo làm, như ta dùng mắt sẽ thấy các sắc, đang thấy các sắc, đã thấy các sắc; hoặc lại khởi tâm: ta sẽ không thấy... Hết thấy tác dụng như vậy đều do có hiểu biết ngã, hành làm tiền dẫn. Như ở nơi mắt thấy, thì ở nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên biết cũng vậy. Lại đối với việc tạo tác các nghiệp thiện, dừng dứt các nghiệp thiện, hay đối với việc tạo tác nghiệp bất thiện, dừng dứt nghiệp bất thiện, tất cả đều do suy nghĩ hiểu biết làm tiền dẫn mới có được tác dụng. Chẳng thể chỉ ở nơi các hành mà được hết thấy tác dụng như vậy, thì không đúng đạo lý”. Do tư duy hiểu biết như vậy, nên nói có ngã.

Nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Túc ở nơi các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa, hay khác với các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa?

Nếu ở nơi các sự việc trông thấy mà khởi hiểu

biết tát-đỏa, vậy ông không nên nói ở nơi sắc... kế chấp có tát-đỏa, kế chấp có ngã. Đây thật là hiểu biết diên đảo. Nếu khác với các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa, tức là hoặc khởi ta có hình dáng kích thước, hoặc khởi có hơn kém, hoặc khởi Sát-đế-lợi... hoặc khởi ngu trí, hoặc khởi năng thủ cảnh giới sắc kia... thì không đúng đạo lý.

Lại, ông muốn thế nào, chỉ do tự thể pháp đây mà khởi hiểu biết tát-đỏa, hay cũng do thể pháp khác mà khởi hiểu biết tát-đỏa?

Nếu chỉ do tự thể pháp đây mà khởi hiểu biết tát-đỏa, thì ở nơi những điều trông thấy khởi hiểu biết ngã kia, không nên cho đó là hiểu biết diên đảo. Nếu do thể khác mà khởi hiểu biết tát-đỏa, tức là tất cả cảnh giới, mỗi một là nhân hiểu biết của tất cả cảnh giới. Đây không đúng đạo lý.

Lại, ông muốn thế nào, đối với vô tình số hiểu biết là hữu tình, đối với hữu tình số hiểu biết là vô tình, đối với hữu tình số còn lại hiểu biết hữu tình còn lại, có khởi như thế, hay là không khởi như thế?

Nếu có khởi, tức vô tình lẽ là hữu tình, hữu tình lẽ là vô tình, hữu tình còn lại lẽ là hữu tình

còn lại. Đây không đúng đạo lý. Nếu không khởi, thì không phải đã bác bỏ hiện lượng đấy ư? Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, hiểu biết tát-đỏa đây là thủ lấy nghĩa hiện lượng, hay là thủ lấy nghĩa tử lượng?

Nếu thủ lấy nghĩa hiện lượng, thì chỉ có sắc uẩn thủ lấy nghĩa hiện lượng, còn ngã không phải nghĩa hiện lượng, cho nên không đúng đạo lý. Nếu thủ lấy nghĩa tử lượng, vậy như người ngu, trẻ nít chưa có khả năng tư duy so sánh, không thể tự nhiên khởi hiểu biết ngã.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Như việc làm của thế gian là lấy hiểu biết làm nhân, hay là lấy ngã làm nhân?

Nếu lấy hiểu biết làm nhân, bấy giờ chấp ta làm thì không đúng đạo lý. Nếu lấy ngã làm nhân, vẫn cần phải có tư duy hiểu biết làm trước mới có được tạo làm. Vậy nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nhân tạo làm các việc là thường, hay vô thường?

Nếu vô thường, thì nhân tạo làm đây thế có sự biến đổi, ngay lúc ấy mà chấp ta có làm thì

không đúng đạo lý. Nếu là thường, tức thể không có sự biến đổi, không biến đổi mà có tạo làm thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, có sự tác động của ngã mới năng có làm tạo, hay không có tác động của ngã mà có làm tạo?

Nếu có tác động của ngã mới năng có làm tạo, đây tức thường làm tạo, không có việc làm tạo trở lại, đây không đúng đạo lý. Nếu không có tác động của ngã mà có làm tạo, tức không có tánh tác động mà có sự làm tạo thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, là có nhân nên ngã có sự tạo làm, hay là không nhân mà ngã có sự tạo làm?

Nếu có nhân, tức ngã đây lẽ phải do nhân khác thúc đẩy mới có tạo làm, điều này không đúng đạo lý. Nếu không nhân, thì lẽ ra ở tất cả thời làm tất cả việc. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, ngã đây nương tự mình mà năng có tạo làm, hay nương cái khác mà năng có tạo làm?

Nếu nương tự mình, tức ngã đây tự làm thành các việc tạp nhiễm khổ sanh lão bệnh tử... thì không

đúng đạo lý. Nếu nương cái khác mà kể chấp ta có làm thì không đúng đạo lý.

Lại ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Tức là ở nơi uẩn thi thiết có ngã, hay là ở trong các uẩn, hay ở ngoài các uẩn ở xứ khác, hay là không thuộc uẩn?

Nếu tức ở nơi uẩn thi thiết có ngã, thì ngã đây và uẩn không khác nhau, nhưng lại chấp rằng có ngã chắc thật thường trụ, thì không đúng đạo lý.

Nếu ở trong các uẩn, ngã đây là thường hay là vô thường?

Nếu ngã đây là thường, tức ngã thường trụ mà chịu sự tổn hại, ích lợi của khổ vui, thì không đúng đạo lý. Nếu không có sự tổn hại, ích lợi, nhưng lại khởi pháp, phi pháp, thì cũng không đúng đạo lý. Nếu không sanh khởi pháp, phi pháp, lẽ ra các uẩn thân rớt ráo không khởi. Lại lẽ không do dụng công mà ngã thường giải thoát.

Nếu ngã đây vô thường, lìa ngoài thể của uẩn có sanh có diệt tương tục lưu chuyển. Pháp đây không thể được, nên không đúng đạo lý. Lại ở nơi đây hoại diệt, về sau ở nơi khác không cần tạo làm mà tự có được là quá thất lớn, nên đây không đúng đạo lý.

Nếu ngoài uẩn ở xứ khác, thì chỗ kế chấp ngã của ông lẽ là vô vi, đây không đúng đạo lý.

Nếu không thuộc uẩn, tức ngã ở tất cả thời lẽ không có sự nhiễm ô. Lại ngã và thân chẳng nên có sự phụ thuộc tác động lẫn nhau. Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, sự kế chấp ngã là tướng người thấy, hay là tướng người thấy?

Nếu ngã là tướng người thấy, tức là ở nơi cái thấy mà giả lập tướng người thấy, hay là li cái thấy mà riêng lập tướng người thấy? Nếu ở nơi cái thấy mà giả lập tướng người thấy, thì lẽ cái thấy phải là người thấy, có sao ông lại lập ngã là người thấy? Vì người thấy và cái thấy không có sự sai khác, cho nên đây không đúng đạo lý.

Nếu li cái thấy mà riêng lập tướng người thấy, thì pháp thấy kia là nghiệp thành của ngã, hay là công cụ giữ gìn của ngã?

Nếu là nghiệp thành của ngã, hoặc nói như chúng tử lẽ là vô thường, đây không đúng đạo lý. Hoặc nói như thợ làm đồ gốm, giả lập đàn ông. Ngã đây nên là vô thường, nên là giả lập, mà ông nói là thường là thật, cho nên đây không đúng đạo

lý. Hoặc nói như công cụ thần thông giả lập đàn ông. Ngã đây cũng nên vô thường giả lập, ở nơi các việc làm tùy ý tự tại. Đây cũng như trước không đúng đạo lý. Hoặc nói như đất, lẽ là vô thường. Lại chỗ kế chấp ngã không như đại địa hiển rõ nghiệp tác dụng, nên không đúng đạo lý. Tại vì sao? Ở thế gian, nghiệp tác dụng của đại địa thấy được rõ ràng, tức là gìn giữ vạn vật khiến không bị rơi xuống. Còn ngã không hiển rõ ràng nghiệp tác dụng. Hoặc nói như hư không, lẽ không thật có, vì chỉ ở nơi sắc không mà giả lập hư không, cho nên không đúng đạo lý. Hư không tuy là giả có, mà có nghiệp tác dụng phân minh thấy được. Chẳng phải như chỗ kế chấp ngã, cho nên đây không đúng đạo lý. Ở thế gian hư không tác nghiệp dụng phân minh có thể thấy được, tức là nương nơi hư không mà khởi được hết thủy nghiệp đến đi co duỗi. Cho nên cái thấy là nghiệp thành của ngã thì không đúng đạo lý.

Nếu là công cụ giữ gìn của ngã, hoặc nói như cái liềm, nếu lià ngoài cái liềm, vật khác cũng có tác dụng đoạn cắt. Như vậy lià ngoài cái thấy, ở nơi vật khác chẳng thể có được nghiệp dụng thấy.

Cho nên điều này không đúng đạo lý. Hoặc nói như lửa, thì sự kế chấp nơi ngã không đúng đạo lý. Vì cố sao? Như lửa thế gian ngoài thiêu đốt vật khác, cũng tự thiêu đốt chính nó.

Nếu nói lia tướng người thấy riêng có ngã, thì tướng kế chấp ngã trái ngược với tất cả lượng, nên không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Chỗ kế chấp ngã của ông là tương ưng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, hay là không tương ưng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh?

Nếu ngã tương ưng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, vậy thì ở trong các hành, tật bệnh tai hoạn xảy ra, chấm dứt, và các việc lợi ích cùng có được, tức các hành kia tuy không cần ngã mà tương ưng với nhiệm tịnh. Như đối với các vật bên ngoài thì bên trong thân cũng vậy, tuy không có ngã mà nghĩa nhiệm tịnh thành. Cho nên ông kế chấp cho là ngã thì không đúng đạo lý.

Nếu không tương ưng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, tức lia tướng nhiệm tịnh mà ngã tự có nhiệm tịnh thì không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Ông kế

chấp ngã là tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển, hay là không cùng tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ?

Nếu cùng tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ, vậy thì ở trong các hành có 5 chủng tướng lưu chuyển khá được: 1. Có nhân; 2. Có thể sanh; 3. Có thể diệt; 4. Triển chuyển sanh khởi tương tục; 5. Có biến đổi. Nếu trong các hành, tướng đây lưu chuyển có thể được, thì ở trong tác dụng lưu chuyển của thân, răng, sông, đèn... tuy không có ngã, các hành kia cũng có được sự lưu chuyển và dừng nghỉ, nào đợi kế chấp ngã.

Nếu chẳng cùng tương ứng tướng lưu chuyển kia mà có lưu chuyển và dừng nghỉ, thì kế chấp ngã không có tướng lưu chuyển, mà có lưu chuyển và dừng nghỉ thì không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Ông kế chấp ngã có sự biến đổi là do cảnh giới mà sanh ra khổ vui, hoặc do tư nghiệp, hoặc do phiền não, tùy phiền não... mà nói là người thọ, người làm và người giải thoát, hay là chẳng do sự biến đổi của kia mà nói là người thọ...?

Nếu do sự biến đổi của kia, tức là các hành

đây là người thọ, người làm và người giải thoát, nào đợi kế chấp ngã. Giả sử là ngã thì ngã lẽ vô thường, cho nên không đúng đạo lý.

Nếu chẳng do sự biến đổi của kia, tức là ngã không biến đổi mà là người thọ, người làm và người giải thoát, thì không đúng đạo lý.

Lại nay ông hãy nói điều mình muốn, tức là chỉ ở nơi ngã mà nói là người làm, hay là cũng ở nơi pháp khác mà nói là người làm?

Nếu chỉ ở nơi ngã, thì người thế gian chẳng thể nói tác dụng của lửa là thiêu đốt, tác dụng của ánh sáng là chiếu soi.

Nếu cũng ở nơi pháp khác, tức là ở nơi các căn như thấy... đều nói là người làm, thì chỗ nào phân biệt là ngã? Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông hãy nói điều mình muốn, tức là chỉ ở nơi ngã mà kiến lập ngã, hay là cũng ở nơi pháp khác mà kiến lập ngã?

Nếu chỉ ở nơi ngã thì người thế gian không nên ở nơi giả thuyết thân sĩ phu mà gọi là bạn lành Phật thọ ký...

Nếu cũng ở nơi pháp khác mà kiến lập ngã, thì ngã đây chỉ ở nơi các hành giả nói danh ngã,

nào đợi lại chấp có ngã riêng. Vì có sao? Các người thế gian chỉ ở nơi giả thuyết thân sĩ phu mà khởi tưởng hữu tình, nên lập danh hữu tình và nói mình người có sự sai biệt.

Lại ông muốn thế nào, kế chấp ngã kiến là thiện, hay là bất thiện?

Nếu là thiện, thì kẻ cực ngu si khởi sâu ngã kiến, không do phương tiện tự nhiên mà khởi. Điều này khiến chúng sanh sợ hãi giải thoát, lại thêm tăng trưởng các ác quá thất, nên không đúng đạo lý.

Nếu là bất thiện thì không nên nói là chánh và chẳng phải không điên đảo. Nếu là tà, là điên đảo, thì chỗ kế chấp của ngã thể là thật có thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, kiến của vô ngã là thiện, hay là bất thiện?

Nếu nói là thiện, thì đối với thật có ngã ở trên mà thấy không có ngã, việc đây tánh là thiện, chẳng phải vọng kế điên đảo, thì không đúng đạo lý.

Nếu nói là bất thiện, thì chỗ tuyên thuyết của tất cả trí giả như tinh chuyên thực hành các phương tiện khiến các chúng sanh không sợ giải thoát,

năng chóng chứng đắc quả bạch tịnh và như thật đối trị các ác quá thất, đều không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, tức là tánh ngã tự vọng kế có ngã, hay là do ngã kiến?

Nếu tức tánh ngã tự vọng tính có ngã, thì ở tất cả thời không có hiểu biết vô ngã. Nếu do ngã kiến thì tuy không thật ngã mà do lực của ngã kiến, ở trong các hành vọng cho là có ngã, điều này không đúng. Cho nên ông nhất định cho thật có ngã thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì bất giác làm tiền dẫn mà khởi hiểu biết kia; vì tư duy hiểu biết làm tiền dẫn, thấy có chỗ tạo tác; vì ở trong các uẩn, giả thi thiết; vì ở nơi tướng kia an lập là có; vì kiến lập tạp nhiễm và thanh tịnh; vì kiến lập lưu chuyển và dừng nghỉ; vì giả lập người thọ, người làm, người giải thoát; vì thi thiết có người làm; vì thi thiết nói thuyết; vì thi thiết kiến chấp có thật ngã, đều không đúng đạo lý.

Lại, nay ta sẽ thuyết *tướng ngã đệ nhất nghĩa*: Chỗ nói là ngã đó, tức chỉ ở nơi các pháp giả lập là có, chẳng phải thật có ngã. Nhưng tánh ngã đây chẳng thể nói cùng các pháp kia là khác hay không

khác. Chớ cho ngã đây là thể thật có, hoặc các pháp kia tức là tánh của tướng ngã. Lại ngã đây là tướng không thường, là tướng không hằng, là tướng không chắc chắn, là tướng biến hoại, là tướng pháp sanh khởi, là tướng lão bệnh tử, chỉ là tướng các pháp, chỉ là tướng khổ não. Cho nên Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Bí-sô nên biết, ở trong các pháp giả lập có ngã. Ngã đây không thường, không hằng, không thể bền chắc, là pháp biến hoại”.

Do 4 nhân, ở trong các hành giả thiết vay mượn có ngã: 1. Khiến thế gian dễ dàng nói năng bàn luận; 2. Muốn tùy thuận các thế gian; 3. Muốn đoạn trừ những sợ hãi cho là không có ngã; 4. Tuyên thuyết thành tựu công đức, thành tựu quá thất của mình của người, khiến khởi tâm tin hiểu rõ ràng. Cho nên kẻ luận chấp có ngã là không như lý.

5. Phái luận thường:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian đều thật thường trụ, không phải được làm ra, không phải được hóa ra, chẳng thể bị tổn hại, sống nhóm họp với nhau, trụ như y-sư-ca”(tên một loài cỏ cứng

rắn, dụ cho cái ngã tánh cũng kiên trụ như vậy). Nếu kế chấp tiền tế, đó là kế thuyết tất cả thường, kế thuyết một phần thường. Nếu kế chấp hậu tế, đó là kế thuyết hữu tướng, kế thuyết vô tướng, kế thuyết phi tướng phi phi tướng. Lại có kế kế chấp các cực vi là thường trụ mà lập ra kế chấp như trên.

Hỏi: Cớ sao các ngoại đạo kia khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian là thường trụ?”

Đáp: Nhân duyên kế chấp của kia như kinh đã rộng thuyết, tùy theo chỗ thích hợp mà biết tận tường.

Trong đây, kế kế chấp tiền tế hoặc nương thượng, trung, hạ tinh lự, vì khởi túc trụ tùy niệm duyên khởi bất thiện, nên đối với các hành quá khứ chỉ có nghĩ nhớ (ức niệm) mà không như thật biết, bèn kế chấp đời quá khứ làm tiền tế nên phát khởi thường kiến. Hoặc nương thiên nhân, kế chấp đời hiện tại làm tiền tế, nên đối với các hành sát-na sanh diệt lưu chuyển mà không như thật biết. Lại thấy các thức tương tục lưu chuyển từ thế gian này đến thế gian kia không đoạn dứt, từ đó phát khởi thường kiến. Hoặc thấy Phạm vương tùy ý mà được thành lập, hoặc thấy bốn đại

chúng biến đổi, hoặc thấy các thức biến đổi, từ đó phát khởi thường kiến.

Kẻ kế chấp hậu tế tức là ở nơi tướng và thọ tuy thấy có sự sai biệt nhưng không thấy tự tướng sai biệt, cho nên phát khởi thường kiến, tức cho là “ta và thế gian đều thường trụ”.

Kẻ kế chấp cực vi là thường trụ thì nương tinh lự thế gian nên khởi kiến chấp như trên. Do kẻ đây không như thật biết duyên khởi, kế chấp “có” làm tiền dẫn, nên có quả nhóm họp sanh khởi; kế chấp “ly tán” làm tiền dẫn, nên có quả hoại diệt. Do nhân duyên đây, kẻ kia cho là từ tánh nhỏ nhiệm sanh quả thô, còn vật thô dần dần phân chia ra cho đến thành nhỏ nhiệm. Cho nên vật thô là vô thường, còn cực vi là thường.

Trong đây kẻ luận kế chấp tiền tế, hậu tế thường trụ cũng là tướng khác của luận kế chấp ngã. Kẻ luận ngã đã bị phá, nên biết tướng khác của luận ngã cũng đã phá xong.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Niệm trụ ở quá khứ là thủ các uẩn, hay là thủ ngã?

Nếu là thủ uẩn thì chấp ngã và thế gian là thường không đúng đạo lý. Nếu là thủ ngã, thì sự

nghe nhớ các loại hữu tình ở quá khứ từng có tên gọi như vậy, từng sống ở kia như vậy, dòng tộc như vậy... cho đến nói rộng, thì không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, duyên cảnh sắc hiện tiền hòa hợp, lúc ấy nhân thức khởi; ở nơi cảnh chẳng hiện chẳng hòa hợp, các thức còn lại là diệt hay là chuyển?

Nếu nói là diệt thì thức bị hoại diệt, mà kế chấp là thường thì không đúng đạo lý. Nếu nói là chuyển vậy thì do một cảnh giới, nương tất cả thời tất cả thức khởi thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, chỗ chấp ngã do tướng và thọ làm ra là có biến đổi, hay không có biến đổi?

Nếu nói có biến đổi, thì kế chấp cho là thế gian và ngã thường trụ không đúng đạo lý. Nếu nói không biến đổi, tức chỉ có một tướng, nhưng lại có chủng chủng tướng, lại có tướng nhỏ, tướng vô lượng, nên không đúng đạo lý. Lại thuần chỉ có lạc, cũng lại thuần có khổ, lại có khổ có lạc, có không khổ không lạc, nên không đúng đạo lý.

Lại nếu có kể kế chấp mạng tức là thân, tức kia kế chấp ngã là sắc. Nếu có kể kế chấp mạng khác thân, tức kia kế chấp ngã phi sắc. Nếu có kể kế chấp ngã khắp cả, không hai không khuyết, tức

kia kế chấp ngã cũng sắc cũng phi sắc. Nếu đối lại điều trên đây, tức là trong nghĩa đây, do câu khác văn khác mà khởi chấp, thì kia kế chấp ngã phi sắc chẳng phải phi sắc. Lại nếu kẻ chấp ít phần sắc, ít phần phi sắc thì kia kế chấp hữu biên. Nếu kẻ chấp vô lượng sắc, vô lượng phi sắc thì kia kế chấp có vô biên. Nếu kẻ lại chấp nghiêng lệch ít phần sắc, phần phi sắc vô lượng; hoặc phần sắc vô lượng, ít phần phi sắc, thì kia kế chấp cũng hữu biên cũng vô biên. Nếu có kẻ đối lại điều trên, thì chỉ do văn khác, chẳng do nghĩa khác mà khởi chấp, kia kế chấp phi hữu biên phi vô biên. Hoặc kẻ kế chấp ngã giải thoát, thì xa lìa hai chủng.

Lại với kẻ luận kế chấp cực vi thường trụ, nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Tức là do quán sát mà kế chấp cực vi là thường, hay không do quán sát?

Nếu không quán sát tức là lìa tuệ quán sát mà quyết định kế chấp thường, thì không đúng đạo lý. Nếu quán sát tức là trái với các sự so lường, vậy nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tánh các vi trần là do nhỏ nhiệm nên kế chấp kia là thường, hay là do khác với tướng của vật thô kia mà kế chấp kia là thường?

Nếu do nhỏ nhiệm thì lúc phân chia tức có sự tổn giảm, càng lúc càng yếu kém mà nói là thường thì không đúng đạo lý. Nếu do khác tướng, vậy thì cực vi vượt quá tướng của địa thủy hỏa phong, tướng chẳng đồng chủng loại với địa thủy hỏa phong mà nói năng sanh quả thuộc loại kia thì không đúng đạo lý. Lại cực vi kia không có tướng khác khác được, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, từ các cực vi mà sanh khởi vật thô là không khác tướng, hay là khác tướng?

Nếu không khác tướng, tức cùng nhân kia không có sự sai khác, cũng nghĩa là thường, vậy thì quyết định không nhân quả, nên đây không đúng đạo lý.

Nếu khác tướng, ý ông thế nào? Tức là từ cực vi phân chia ra nên vật thô được sanh, hay là từ cực vi tụ tập?

Nếu từ cực vi phân chia, thì lẽ ra ở tất cả thời sanh tất cả quả, vậy thì quyết định không nhân quả, nên không đúng đạo lý.

Nếu từ cực vi tụ tập, ý ông thế nào, vật thô kia khi từ cực vi sanh là chẳng vượt quá kích thước của hình chất kia, hay là vượt quá kích thước của hình chất kia?

Nếu nói chẳng vượt quá kích thước của hình chất kia, vậy thì vật từ hình chất phân chia ra, lại sanh ra hình chất có thể phân chia vật, đây không đúng đạo lý.

Nếu nói quá kích thước của hình chất kia, tức các thể cực vi không thể phân chia nhỏ nữa, chẳng thể phân tách mà sanh ra vật thô, cũng là lẽ thường, cũng không đúng đạo lý. Nếu lại nói rằng có các cực vi xưa không có mà nay khởi, vậy thì kế chấp cực vi là thường cũng không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các cực vi kia khởi tạo vật thô là giống như chủng tử, hay là giống như thợ làm đồ gốm?

Nếu nói như chủng tử, thì lẽ như thể chủng tử là vô thường. Nếu nói như thợ làm đồ gốm, thì các cực vi kia lẽ có khả năng suy nghĩ như thợ đồ gốm, thì không đúng đạo lý. Nếu không giống như chủng tử và thợ đồ gốm... vậy thì lấy thí dụ chẳng thể được vậy, cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, các vật bên ngoài sanh khởi là do hữu tình, hay là không do hữu tình?

Nếu nói là do hữu tình, thì vật thô bên ngoài kia do hữu tình sanh, chỗ nương của vật tế chẳng

do hữu tình sanh, thì không đúng đạo lý. Ai lại tạo ra công năng cho vật kia?

Nếu nói không do hữu tình, vậy thì không có tác dụng mà vật bên ngoài sanh, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì tùy niệm, các uẩn, hữu tình; vì do một cảnh giới, tất cả thức lưu chuyển không đoạn dứt; vì do tướng và thọ biến đổi, không biến đổi; nên biết luận thường kế chấp tiền tế, kế chấp hậu tế đều không đúng đạo lý.

Lại vì do quán sát, không quán sát, vì do cộng tướng, vì do tự tướng, vì do khởi tạo, vì chỗ dụng căn bản, nên biết luận cực vi là thường không đúng đạo lý.

Tóm lại luận kế chấp thường không như lý.

Ta nay sẽ thuyết *tướng thường trụ*: Nếu ở tất cả thời, tướng không biến đổi. Nếu ở tất cả chủng, tướng không biến đổi. Nếu tự nhiên, tướng không biến đổi. Nếu do cái khác, tướng không biến đổi. Lại tướng vô sanh, nên biết đây là tướng thường trụ vậy.

